

Đường dài "khả nghi" sức ngựa

Nguyễn Huy Đức

Ngày 24-10-2007 vừa qua chín tân thành viên Ban thường vụ Bộ chính trị đã bước lên khán đài trình diện cùng các đại biểu trong lễ bế mạc Đại hội Đảng cộng sản Trung Quốc lần thứ 17. Họ vừa được Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản bầu ra và, theo giới am tường sinh hoạt chính trị Trung Quốc, là một biểu hiện thắng thế của nhóm Hồ Cẩm Đào.

Nhận định này rất đúng. Phải nhìn nhận rằng trong quá trình tranh giành quyền lực trong nội bộ đảng cộng sản, với sự nhín nhục và lòng kiên nhẫn hiếm có, Hồ Cẩm Đào đã từng bước giành từng thắng lợi một từ tay Giang Trạch Dân và nhóm Thượng Hải. Một cách cụ thể, từ một người không ai biết tới, họ Hồ đã trở thành tổng bí thư Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản năm 2002. Ông đã chấp nhận đứng đầu một bộ chính trị và một ban thường vụ bị thao túng bởi nhóm Thượng Hải, mà người đứng đầu là cựu tổng bí thư Giang Trạch Dân. Phải đợi đến hai năm sau, năm 2004, Hồ Cẩm Đào mới thâm về được hai chức vụ : chủ tịch nước kiêm chủ tịch quân ủy trung ương từ tay Giang Trạch Dân. Từ thời điểm 2004 này trở đi, nhóm Hồ Cẩm Đào mới thực sự cầm quyền và lãnh đạo Trung Quốc.

Thắng lợi đầu tiên của vị tân tổng bí thư là đưa một số thân tín như Ôn Gia Bảo vào Ban thường vụ Bộ chính trị và nắm chức vụ thủ tướng năm 2002. Song song đó, một số cận thần cũng đã được đưa vào quốc vụ viện (chính phủ) như Bạc Hy Lai (bộ trưởng bộ thương mại), Chu Vĩnh Khang (bộ trưởng bộ công an).

Loại trừ đối thủ

Ngay trong Ban thường vụ Bộ chính trị vừa bãi nhiệm, Hồ Cẩm Đào đã tranh thủ được hậu thuẫn của hai nhân vật cốt cán, đó là La Cán, một nhân vật nổi tiếng bảo thủ, và Lý Trường Xuân, trưởng ban tuyên huấn đảng.

Trước tình hình đó, nhóm Thượng Hải chỉ còn bốn nhân vật có thể gây khó khăn cho Hồ Cẩm Đào, đó là chủ tịch quốc hội Ngô Bang Quốc, chủ tịch hội nghị chính trị hiệp thương nhân dân Giả Khánh Lâm, phó chủ tịch nước Tăng Khánh Hồng và phó thủ tướng Hoàng Cúc. Phải nói ngay rằng Ngô Bang Quốc không phải là một đối thủ đáng sợ của phe Hồ Cẩm Đào. Thêm vào đó phước bất trùng lai, Hoàng Cúc (69 tuổi) đã từ trần 5 tháng trước khi Đại hội lần thứ 17 được khai mạc. Hai sự kiện này làm thay đổi hẳn tương quan lực lượng.

Nói tóm lại, khi Đại hội đảng lần thứ 17 được khai mạc, chỉ có Giả Khánh Lâm và Tăng Khánh Hồng là chướng ngại lớn cho tiến trình bành trướng ảnh hưởng của phe Hồ Cẩm Đào trong nội bộ đảng cộng sản. Sự trình diện thành phần nhân sự mới của Ban thường vụ Bộ chính trị trong ngày bế mạc cho thấy thắng lợi nghiêng hẳn về phía Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo. Đó là cả một quá trình đấu đá

không nhân nhượng ở chóp bu thượng tầng tổ chức đảng cộng sản. Thật vậy, vào ngày cuối cùng của đại hội, Tăng Khánh Hồng tuyên bố từ chức. Lý do từ chức của Tăng Khánh Hồng, quá tuổi để tiếp tục nắm giữ vai trò lãnh đạo trong đảng, chỉ là lý cớ. Trong thực tế, vì Tăng Khánh Hồng là một cận thần đắc lực của cựu tổng bí thư Giang Trạch Dân nên đã bị phe Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo loại ra khỏi cơ quan lãnh đạo tối cao. Cũng nên biết, trong Đại hội đảng cộng sản Trung Quốc lần thứ 16 năm 2002, uy tín của Tăng Khánh Hồng lên như cồn và được nhiều quan sát viên quốc tế cho rằng ông sẽ là người nắm chức vụ tổng bí thư đảng. Không ngờ thực tế đã không đúng như vậy, Hồ Cẩm Đào đã được đại hội bầu làm tổng bí thư, trong khi dư luận Trung Quốc chưa biết Hồ Cẩm Đào là ai, đã làm gì và giữ những chức vụ nào trong bộ chính trị.

Thắng lợi nhân sự

Trong đại hội đảng lần này, cùng với Tăng Khánh Hồng, còn có Ngô Quang Chính và La Cán, hai nhân vật đầy quyền uy trong nội bộ đảng đã bị buộc phải rút lui.

Trường hợp Ngô Quang Chính thì rất đặc biệt, ông vừa thân thiện với nhóm Hồ Cẩm Đào vừa già lã với nhóm Thượng Hải, nhưng lập trường trung lập này đã không bảo toàn được tương lai chính trị của ông. Hồ Cẩm Đào đã đủ tự tin để không cần dựa vào uy tín một người trung lập để đưa vào ban thường vụ những thân cận của mình như Chu Vĩnh Khang, bộ trưởng bộ công an, được đưa vào ban thường vụ thay Ngô Quang Chính.

Về La Cán, một người rất bảo thủ, phe Hồ Cẩm Đào đã không tốn nhiều công sức để buộc ông này phải rút lui vì năm nay ông ta đã quá đát, trên 72 tuổi. Vấn đề của nhóm Hồ Cẩm Đào là thay thế La Cán bằng một nhân vật thân thiện nhưng ít bảo thủ hơn. Kết quả là Ban chấp hành trung ương, gồm 204 ủy viên do các đại biểu bầu ra, đã chọn Hạ Quốc Cường, một thân tín của Hồ Cẩm Đào, vào Ban thường vụ Bộ chính trị thay La Cán. Hạ Quốc Cường nắm trách nhiệm tổ chức đảng.

Quan trọng hơn là việc Lý Khắc Cường được đề cử vào ban thường vụ. Lý Khắc Cường đã từng là bí thư trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Trung Quốc và trong một thời gian dài là một cộng tác viên thân cận của tổng bí thư Hồ Cẩm Đào.

Tóm lại, ba trên bốn ghế trống trong Ban thường vụ đã lọt vào tay nhóm Hồ Cẩm Đào, như vậy ủy ban chấp hành trung ương đảng chắc chắn sẽ bầu Hồ Cẩm Đào làm tổng bí thư thêm một nhiệm kỳ nữa. Trong điều kiện đó, quốc hội sẽ tái tín nhiệm họ Hồ trong cương vị chủ tịch nước và quân đội cũng sẽ không phản đối việc ông giữ luôn chức vụ chủ tịch quân ủy trung ương. Thủ tướng Ôn Gia Bảo cũng thế, ông sẽ giữ nguyên ghế ủy viên thường vụ Bộ

chính trị và chắc chắn sẽ được tái tín nhiệm vào chức vụ thủ tướng nhiệm kỳ hai khi quốc hội nhóm họp. Ngoài ra, Hồ Cẩm Đào còn chuẩn bị đưa người vào các cơ quan lãnh đạo cao cấp nhất nước, đa số là những thành phần thuộc thế hệ trẻ trung thành với ông.

Sự vắng mặt của phó thủ tướng Ngô Nghị, phó thủ tướng Tăng Bồi Viêm, bộ trưởng quốc phòng Tào Cương Xuyên trong ban chấp hành trung ương đảng vừa được công bố là bằng chứng cho thấy sự thắng thế của phe Hồ Cẩm Đào, tất cả những nhân vật này sẽ rút khỏi các chức vụ trong guồng máy nhà nước.

Theo tin tức báo chí trong nước thì Hồ Cẩm Đào cũng đang tìm cách thay thế những người thuộc phe Thượng Hải tại một số địa phương lớn, như Vương Kỳ Sơn (thị trưởng Bắc Kinh) sẽ thay Tăng Bồi Viêm phụ trách phần kế hoạch kinh tế. Trương Đức Giang (bí thư tỉnh Quảng Đông) sẽ đảm nhiệm chính sách thương mại thay bà Ngô Nghị. Bạc Hy Lai (bộ trưởng bộ thương mại) sẽ là bí thư Trưng Khánh và Du Chính Thanh sẽ nhận lãnh chức vụ bí thư thành ủy Thượng Hải.

Thắng lợi tư tưởng

Cùng với việc bổ sung nhân sự theo ý muốn của tổng bí thư họ Hồ, các đại biểu đã đưa vào điều lệ của Đảng cộng sản Trung Quốc lý thuyết "phát triển khoa học". Khái niệm này do Hồ Cẩm Đào đề xướng từ năm 2003 và đã được Ban chấp hành trung ương đảng bàn thảo nhiều lần. Hiện nay lý thuyết này được coi là kim chỉ nam cho sự phát triển tương lai của Trung Quốc.

Theo những phát biểu của Hồ Cẩm Đào, lý thuyết "phát triển khoa học" này chú trọng đến môi trường và sự phát triển hài hòa của xã hội Trung Quốc. Sự ra đời của lý thuyết này xuất phát từ những hậu quả tiêu cực của quá trình phát triển duy kinh tế trong những thập niên qua. Thật vậy, mô hình kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã làm nảy sinh một số tệ nạn như tham nhũng, bất công, làm tổn thương nặng nề môi trường sống. Thách thức lớn nhất của Trung Quốc trong thập kỷ tới là làm sao xây dựng cho bằng được một xã hội hài hòa để bảo vệ những thành quả kinh tế trong thời gian qua.

Nói tóm lại, tư tưởng "phát triển khoa học" của Hồ Cẩm Đào đang được đảng cộng sản chiếu cố một cách nhiệt tình, như mô hình "hiện đại hóa" của Đặng Tiểu Bình và thuyết "tam đại diện" của Giang Trạch Dân. Đây là một thắng lợi lớn của Hồ Cẩm Đào sau 5 năm cầm quyền. Nó sẽ mở ra một đại lộ huy hoàng cho những dự án mà nhóm Hồ Cẩm Đào muốn thực hiện trong nhiệm kỳ 5 năm tới.

Thêm vào đó, Đại hội đảng lần thứ 17 cũng đưa một nghị quyết mới nhấn mạnh đến việc khuyến khích và phát huy khu vực kinh tế tư nhân. Khu vực này sẽ được tạo điều kiện để có cơ hội đóng góp mạnh hơn trong sinh hoạt kinh tế quốc dân. Trong chiều sâu, chính sách này không đi ngược với lý thuyết "tam đại diện" của Giang Trạch Dân khi cho phép khoảng 1.500 doanh nhân được kết nạp thẳng vào đảng cộng sản Trung Quốc từ hai năm qua.

Một thắng lợi vẹn toàn ?

Tuy có đạt được một số thắng lợi trong đại hội đảng lần này nhưng phe Hồ Cẩm Đào vẫn chưa hoàn toàn thỏa mãn.

Thứ nhất, họ chưa loại bỏ được hết nhóm Thượng Hải. Giả Khánh Lâm, cựu tỉnh trưởng Bắc Kinh, vẫn còn là ủy viên Ban thường vụ và là nhân vật số 4 trong Bộ chính trị (sau Hồ Cẩm Đào, Ngô Bang Quốc và Ôn Gia Bảo). Tập Cận Bình, bí thư Thượng Hải vừa được nhóm Giang Trạch Dân đưa vào Ban chấp hành trung ương đảng và Ban thường vụ Bộ chính trị. Cũng nên biết trong bốn nhân vật vừa được đề bạt vào Ban thường vụ, Tập Cận Bình là người được nhiều phiếu nhất. Một số quan sát viên quốc tế cho rằng họ Tập có nhiều triển vọng thay thế Hồ Cẩm Đào vào năm 2012. Nói tóm lại, ảnh hưởng của nhóm Thượng Hải còn rất mạnh trong nội bộ Đảng cộng sản Trung Quốc.

Thứ hai là quyền lực của chính quyền trung ương đang suy yếu dần và đang được chuyển về các trung tâm quyền lực mới, rất xa thủ đô Bắc Kinh. Hiện nay tổng bí thư không còn là một nhân vật đầy quyền lực như trước. Thế hệ lãnh đạo thứ 5, vừa được thăng quan tiến chức, chắc chắn sẽ mang ơn Hồ Cẩm Đào và sẽ lệ thuộc vào nhóm của họ Hồ, nhưng sự trung thành của những người này sẽ không tuyệt đối vì còn tùy thuộc vào quyền lực và quyền lợi mà họ có được khi tiếp tục tuân phục nhóm Hồ Cẩm Đào.

Thứ ba là tương lai của ban lãnh đạo mới này rất là bấp bênh, nhất là khi Trung Quốc đang bước vào một giai đoạn kinh tế khó khăn hơn trước gấp nhiều lần. Thật vậy, phát triển từ con số không dễ dàng hơn là duy trì mức độ phát triển cao trước những đòi hỏi chính đáng của người dân, nghĩa là thực sự được nâng cao mức sống. Thấy rõ vấn đề này hơn ai hết, Hồ Cẩm Đào đang tăng cường vai trò độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản để đập tan mọi âm mưu chống đối có thể có. Do đó người ta sẽ rất sai lầm khi tin rằng thành phần ban lãnh đạo trẻ và mới này trong đảng cộng sản sẽ cởi mở hơn trước. Tiến trình dân chủ, dù chỉ giới hạn trong phạm vi sinh hoạt nội bộ của đảng, không có gì đáng để lạc quan vì mọi quyết định quan trọng đều chỉ do một nơi xuất phát : Hồ Cẩm Đào.

Cuối cùng, lý thuyết "phát triển khoa học" cũng chẳng có gì là xuất chúng. Nó chỉ là sự xét lại toàn diện quá trình phát triển trong giai đoạn "quá độ". Nếu so sánh với những gì mà các chế độ dân chủ phương Tây đã đề ra trong 20 năm qua thì tư tưởng khoa học của Hồ Cẩm Đào chỉ là một sự sao chép và gán ghép một cách gượng ép, không thể nào giữ được tỷ lệ phát triển cao khi các quyền tự do chính trị và ngôn luận bị ngăn cấm. Việc đem lý thuyết này vào điều lệ đảng để lộ hai sự kiện : một là Hồ Cẩm Đào đã thao túng được đảng và muốn làm gì thì làm, hai là đảng cộng sản đã trở nên xơ cứng nên không thể đầu tư vào một hệ tư tưởng mới nhằm giữ vững tốc độ phát triển cao.

Đại hội lần thứ 17 của đảng cộng sản Trung Quốc lần này không phải là một bước ngoặt lớn như mọi người trông đợi, không có một thay đổi đột ngột nào. Đây là một dấu hiệu đáng lo hơn là đáng mừng cho người nhân dân Trung Quốc và cho toàn khu vực.

Nguyễn Huy Đức (Paris)

21 : thế kỷ của Trung Quốc ?

Trần Kha

Thái độ đạo đức giả của giới truyền thông phương Tây

Từ năm 2000 trở lại đây, tỷ lệ phát triển kinh tế của Trung Quốc tăng đều từ 9 đến 10%/năm. Chỉ số tăng trưởng kinh tế đều đặn này đã làm những nhà quan sát kinh tế thế giới ngạc nhiên, đây là một hiện tượng hy hữu chỉ có châu Á mới có, đặc biệt là Trung Quốc.

Quốc gia, đúng hơn là thế giới Trung Hoa, rộng lớn và đông dân này đã phá tất cả mọi kỷ lục về tăng trưởng kinh tế. Các quan sát viên kinh tế quốc tế và giới truyền thông phương Tây không tiếc lời ca ngợi những thành quả kinh tế ngoạn mục này. Nhiều người còn nói "21 là thế kỷ của Trung Quốc". Không biết đây là một châm biếm hay một lời khen ngợi, nhưng chắc chắn mọi người Trung Quốc đều hạnh diện vì câu nói này.

Thấy gì qua sự tăng trưởng kinh tế ở mức cao và đều đặn này ? Một sự lo âu, không chỉ riêng đối với Trung Quốc mà còn cả với thế giới, đặc biệt là các quốc gia lân bang. Giới truyền thông phương Tây trong những năm gần đây đã làm không biết bao nhiêu phóng sự và tin tức về sự phồn vinh của xã hội Trung Quốc. Gần như nhất cử nhất động gì của xã hội Trung Quốc dư luận phương Tây đều được thông tin tức khắc, đặc biệt là hiện tượng phát triển kinh tế vì phát triển kinh tế là sức mạnh của xã hội tiên tiến phương Tây trong những thập niên vừa qua.

Đọc những bản tin, bài viết và phóng sự truyền hình đó, người ta thấy có một cái gì đó không bình thường. Hình như có một khe ước bất thành văn giữa giới truyền thông quốc tế với nhau là chỉ khen mà thôi, tuyệt đối không có một chỉ trích gay gắt nào đối với Trung Quốc. Điều này đã làm hài lòng giới cầm quyền tại Bắc Kinh, khiến đôi lúc họ có cảm tưởng thế giới đang quy lụy họ như không bang giao với Đài Loan, không tiếp đón Dalai Latma, không bênh vực những người đối lập trong nước, nếu muốn giao hảo với họ.

Ít ai, nếu không muốn nói là không ai, thấy sự giả dối trong sự quảng bá thông tin về Trung Quốc. Một người có óc nhận xét bình thường phải thấy rằng người ta đang tung ra một chiến dịch xúi "con nít ăn cứt gà". Lợi dụng tâm lý khoe khoang và háo thắng của người Trung Quốc, giới truyền thông phương Tây đang thúc đẩy cả xã hội Trung Quốc tham gia một cuộc chạy đua đường trường ở mức độ cao mà họ biết chắc lực sĩ Trung Quốc sẽ bị ngã quy trước khi về tới đích, vì chỉ những người có thể chất tốt, được luyện tập thường xuyên và ăn uống đầy đủ mới đủ sức tồn tại. Khi nói về Trung Quốc, người ta thường đưa ra những con số khổng lồ về tổng sản lượng nội địa hạng thứ ba thế giới, những thanh niên làm việc trong các tòa nhà cao tầng tại các thành phố đông đúc, sự hăng say của giới chủ nhân và các công nhân trong các hãng xưởng...

Nói chung người ta cố tình cho thấy quyết tâm muốn bắt kịp và muốn qua mặt phương Tây của người Trung Quốc, và không chừng lãnh đạo luôn cả thế giới về kinh tế lẫn

quân sự. Nhiều con số rất ngây ngô được đưa ra như nếu đà phát triển này cứ tiếp tục, vào khoảng cuối năm 2010 Trung Quốc sẽ qua mặt Nhật Bản và đến năm 2040 sẽ qua mặt Mỹ và đứng đầu thế giới, làm như hai siêu cường này quyết tâm dậm chân tại chỗ chờ Trung Quốc bắt kịp mình.

Cũng ít ai nhắc tới các xã hội phát triển phương Tây và Nhật Bản đã mất hơn một trăm năm mới đạt được những thành quả như ngày nay, nghĩa là có mức sống cao và tiện nghi. Cho dù với những phương tiện hiện đại, khoảng cách phát triển có được rút ngắn lại nhưng xã hội Trung Quốc không thể đi ngang về tất mà bắt kịp được các quốc gia phát triển phương Tây, nghĩa là không đầu tư vào nghiên cứu và sáng tạo mà chỉ bắt chước hay làm theo, và nhất là không có văn hóa tự do và sinh hoạt dân chủ, quyền tư hữu bị hạn chế, thông tin và ý kiến tiếp tục bị ngăn chặn.

Khủng hoảng nhà đất, độc quyền và ô nhiễm

Xã hội phương Tây đã rất xôn xao về hiện tượng Northern Rock tại Anh, một ngân hàng chuyên cho vay bất động sản bị phá sản vì bị mất tín nhiệm. Thông tin này đáng lẽ phải làm giới đầu tư nhà đất tại Trung Quốc lo sợ nhưng không, họ tiếp tục đầu cơ và đẩy giá nhà đất lên cao. Lý do là lượng tiền thặng dư do xuất khẩu mang lại không thể mang ra nước ngoài đầu tư, chủ nhân của nó chỉ còn cách đầu tư vào bất động sản khiến giá nhà đất hiện nay tại Thượng Hải, Bắc Kinh và Quảng Châu được xếp vào hạng cao nhất thế giới. Sự kiện này khiến những người làm ăn lương thiện, mặc dù đã dành dụm suốt cả cuộc đời, không thể nào mua được một căn nhà cho mình hay cho con cháu mình, vì chưa có dịch vụ mua nhà trả góp.

Gần như toàn bộ dịch vụ mua bán bất động sản nằm trong tay những thành phần đặc quyền đặc lợi trong đảng và chính quyền, họ được thông tin những vùng đất nào được qui hoạch xây dựng để đặt mua trước. Với lượng tiền khổng lồ hiện có trong tay, những thành phần này đã gần như mua chuộc được tất cả các quan chức chính quyền địa phương để thâu đắc những lô đất béo bở thuộc diện qui hoạch, tại những khu dân cư lao động ven thành phố và tại nông thôn, cạnh những trục lộ giao thông chính, trong mục đích bán lại với giá cao hơn gấp bội lần. Bất công đương nhiên là rất lớn và bất mãn của dân chúng cũng lên rất cao. Số người khiếu kiện nhà đất lên tới hàng triệu khắp cả nước, nhưng vì thấp cổ bé miệng nên hồ sơ của họ không được giải quyết, họ chỉ biết phải nhịn nhục và chờ hội để thu hồi lại hay đòi được đền bù xứng đáng.

Do không có sinh hoạt tư nhân, các công ty quốc doanh gần như độc quyền mua bán hàng hóa trong nước. Từ vài năm gần đây, sau khi gia nhập vào Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO), quyền tư hữu tương đối được công nhận nhưng chỉ đối với người nước ngoài, còn đối với người dân Trung Quốc thì quyền này chưa được ban bố cho nên họ

luôn luôn là nạn nhân của sự tăng giá tùy tiện của các công ty quốc doanh, đặc biệt là về lương thực, hàng tiêu dùng và xăng dầu.

Cũng nhờ đặc quyền và đặc lợi, thành phần thân cận với đảng và chính quyền được quyền thành lập hãng xưởng và khai thác tài nguyên. Nếu là những công ty dịch vụ thì không có vấn đề gì quan trọng ngoài chuyện bóc lột nhân công để hạ giá thành. Ở đây, do thiếu hiểu biết, doanh nhân Trung Quốc xây dựng hãng xưởng ngay giữa trung tâm đô thị để thu hút nhân công và tiết kiệm chi phí vận chuyển, những cơ sở sản xuất này không có hệ thống xử lý thải liệu độc hại. Thay vì tồn trữ vào những dung tích thích nghi, những chất độc hại này (thủy ngân và acid sulfuric) được thải ra một cách vô tội vạ ra sông rạch và ao hồ khiến đàn cá bị tiêu diệt. Dân chúng và súc vật quanh các ao hồ và sông ngòi bị nhiễm độc này mắc nhiều chứng bệnh lạ và thường chết sớm. Theo Tân Hoa Xã, hơn 1/10 diện tích trồng trọt (10 triệu hecta) của Trung Quốc bị nhiễm độc, làm thiệt hại khoảng 12 triệu tấn lương thực và trên 200 tỷ CNY. Không những thế cây trái, rau quả hàng hóa được nuôi trồng và sản xuất bởi nguồn nước độc này được đóng gói và xuất khẩu, đe dọa luôn cả sức khỏe của người nước ngoài. Trong số hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, các cơ quan kiểm dịch đã tìm thấy nhiều chất độc trong thực phẩm, y dược phẩm và vật liệu tiêu dùng.

Nạn ô nhiễm môi trường càng trầm trọng bởi sự xuất hiện ngày càng nhiều các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than đá và chưa có dấu hiệu suy giảm. Gần 80% nguồn nhiệt điện tại Trung Quốc đến từ than đá, tiêu thụ khoảng hai tỷ tấn than đá một năm. Hình ảnh dân chúng di chuyển trong thành phố, và ngay cả ở vùng thôn quê lân cận, với những khẩu trang rất là phổ biến. Lượng khí đốt thải ra từ các nhà máy điện này khoảng 2.000 tấn thủy ngân/năm, che lấp bầu trời toàn cõi Trung Quốc trên 300 ngày/năm. Tình trạng này không những đe dọa nguồn khí thở của người dân Trung Quốc mà còn cả với dân chúng trong các quốc gia lân bang.

Sự ô nhiễm hiện nay của Trung Quốc là một vấn đề quốc cấm, bí mật quốc gia. Báo chí quốc doanh không được đề cập tới, báo chí tư nhân hoàn toàn không có. Những cá nhân và tổ chức nào công bố tình trạng ô nhiễm tại Trung Quốc đều bị phạt tội rất nặng. Bắc Kinh không muốn thế giới thấy sự yếu kém của Trung Quốc về mặt bảo vệ môi sinh. Nhưng những cố gắng này không che giấu được ai vì khách du lịch đều nhìn thấy và còn chụp hình làm bằng chứng.

Gần đây người ta nhận thấy có một phong trào ra nước ngoài định cư bất cứ bằng bất cứ giá nào của người Trung Quốc. Có lẽ vì muốn có một cuộc sống có nhân phẩm hơn, nhưng chắc chắn là muốn sống lâu hơn khi thoát khỏi một quốc gia mà cả nước uống và không khí đều bị ô nhiễm.

Sự bất mãn của quân nhân phục viên và nông dân

Sự gia tăng ngân sách quốc phòng của Trung Quốc trong suốt gần 20 năm đặt ra một dấu hỏi lớn. Tại sao một quốc gia không hề bị một đe dọa nào lại muốn tăng cường sức mạnh quân sự đến thế? Lý do tăng lương cho quân

nhân và để bảo đảm cho đời sống của quân nhân bị giải ngũ, phục viên chỉ là lý do. Trung Quốc muốn trở thành một cường quốc quân sự trong vùng Đông Á-Thái Bình Dương để cạnh tranh với sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ, Nga và Nhật Bản.

Tổng số quân nhân tại ngũ hiện nay trong quân đội Trung Quốc khoảng 2,3 triệu người. Trong suốt 20 năm qua, số người giải ngũ hay phục viên trên 5 triệu người. Với đồng lương ít ỏi hiện nay, mức sống của những người này rất thấp. Tại nhiều nơi, những cựu quân nhân này đã kéo nhau về tập trung trước những cơ quan trợ cấp hưu bổng để xin được giúp đỡ vì gặp khó khăn trong cuộc sống dân sự. Một số khác, dùng kỹ năng đã được huấn luyện, tham gia vào các hoạt động tội phạm do các băng đảng mafia, xã hội đen tổ chức. Nói chung lực lượng cựu quân nhân này là một nỗi thuốc nổ cần được quản trị một cách khéo léo, nếu quản trị giỏi thì họ sẵn sàng nghe theo, ngược lại nếu quản trị dở coi chừng sẽ bị họ quật lại.

Trong tháng 9-2007 vừa qua, những quân nhân giải ngũ đang được huấn nghiệp tại Khu tự trị Nội Mông, tỉnh Thiểm Tây, tại các trường đào tạo đường sắt tỉnh Hồ Bắc và tỉnh Hắc Long Giang đã đồng loạt biểu lộ sự bất mãn về cách đối xử của trường và xung đột với lực lượng công an được cử đến để dẹp. Gần như mỗi ngày những quân nhân phục viên này đều có xung đột với công an nhưng các cơ quan truyền thông của chính quyền không dám đăng tải vì sợ bị đuổi việc. Giới lãnh đạo đảng cộng sản tại trung ương cũng như tại địa phương đều muốn ếm nhem tin tức về những vụ phản kháng này vì rất sợ phản ứng dây chuyền biến thành phản loạn của các quân nhân phục viên trên cả nước.

Điều này cũng giải thích tại sao ban lãnh đạo Hồ Cẩm Đào vẫn chưa hoàn toàn nắm được quân đội. Trong số 14 quân nhân cao cấp từ thượng tướng trở lên trong ủy ban quân sự trung ương, có đến 9 người do Giang Trạch Dân đề cử. Nhưng cho dù có thế nào, chức chủ nhiệm văn phòng quân ủy trung ương vẫn nằm trong tay nhóm tướng Sơn Đông-Thượng Hải mà Hồ Cẩm Đào chưa loại trừ được.

Để giải quyết tình trạng ô nhiễm trong các thành phố lớn, những công trường gia công công nghiệp nặng và công nghiệp hóa học đã được dời về vùng nông thôn. Tại đây họ được tự do phế thải chất độc làm ô nhiễm hệ thống sinh thái các vùng châu thổ sông Trường Giang và Châu Giang khiến nông dân không thể canh tác được. Khi nông dân đòi bồi thường thì bị các cấp chính quyền địa phương làm ngơ hoặc đàn áp dã man. Rất nhiều trường hợp nông dân chống trả và đốt xe lực lượng cảnh sát được cử đến dẹp.

Vừa rồi chỉ là phần tóm lược những hạn chế làm cản trở sự phát triển hài hòa và bền lâu của Trung Quốc. Quốc gia này đang trả giá cho sự phát triển chạy theo lợi nhuận, bất chấp môi trường. Nếu phải làm một bảng liệt kê chi phí những khoảng tiền bỏ ra để tái tạo lại môi sinh, tổng số tiền thu được do xuất khẩu của Trung Quốc sẽ không đủ để bù đắp. Chắc chắn thế kỷ 21 này không phải là thế kỷ của Trung Quốc, một lời khen tặng đầy độc hại.

Trần Kha ((Sagamihara))

Triều Tiên : kinh tế cấp bách hơn hạt nhân

Nguyễn Minh

Một biểu tượng đầy ý nghĩa

Sau hội nghị thượng đỉnh đầu tiên năm 2000, lãnh đạo tối cao hai miền Nam và Bắc Hàn đã quyết định gặp nhau lần thứ hai từ ngày 2 đến 4-10-2007 tại Bình Nhưỡng để bàn về quan hệ hợp tác kinh tế, về thủ tục làm dịu căng thẳng giữa hai nước để tiến tới thống nhất. Khác với lần gặp gỡ trước, vì lý do an ninh tổng thống Kim Đại Trung (Kim Dae-jung) đã dùng máy bay sang Bình Nhưỡng (Pyong-yang) họp, lần này tổng thống Lỗ Vũ Huyền (Roh Moo-hyun) đã dùng xe đi phó hội.

Ngày 2-10-2007, phái đoàn của tổng thống Nam Hàn đã dừng lại tại Bàn Môn Điểm (Pan Mun-jom), vĩ tuyến 38, để đi bộ vào lãnh thổ Bắc Hàn. Ông Lỗ Vũ Huyền đã dừng lại tại làn ranh phân chia hai nước có từ hơn nửa thế kỷ qua để chụp hình kỷ niệm. (Cũng nên biết làn ranh này được thiết lập bởi Hiệp ước đình chiến Bàn Môn Điểm ký ngày 27-7-1953, theo đó một khu vực dài 238 cây số là vùng phi quân sự). Đây là một giây phút đầy xúc động đối với nhân dân Triều Tiên, làn ranh u buồn phân chia đất nước vừa được sang trang và sự ngăn cách về tâm lý giữa dân chúng hai miền cũng vừa được khép lại.

Sau ba giờ di chuyển trên đoạn đường dài 200 cây số, đoàn xe của tổng thống Nam Hàn đã tới Bình Nhưỡng. Tại đây ông Lỗ Vũ Huyền đã được chính Kim Chính Nhật (Kim Jong-il) ra đón tiếp. Ông đã bắt tay (chứ không ôm thắm thiết như Kim Đại Trung) với tổng bí thư Kim Chính Nhật tại Cung văn hóa 25-4, Bình Nhưỡng.

Các cuộc hội đàm giữa hai phái đoàn đã diễn ra trong suốt ngày 3-10. Nội dung cuộc hội đàm chỉ tập trung vào việc giải quyết các vấn đề về hòa bình và hợp tác giữa hai miền Nam-Bắc Triều Tiên mà thôi.

Phản ứng của dân chúng Nam Hàn

Không như lần gặp gỡ đầu tiên cách đây 7 năm, vì tò mò dân chúng Nam Hàn đã rất chú ý tới tình hình tại Bắc Triều Tiên, đặc biệt là lãnh tụ Kim Chính Nhật. Lần này, mặc dù được các cơ quan truyền thông tường thuật một cách chi tiết chuyến thăm viếng, dân chúng Nam Hàn đã tỏ ra rất hờ hững. Uy tín của tổng thống Lỗ Vũ Huyền đã xuống rất thấp trong những cuộc thăm dò dư luận gần đây, nhiều người tiên đoán ông sẽ không tái đắc cử trong cuộc bầu phiếu tới vào tháng 12 năm nay. Dư luận Nam Hàn cho rằng cố gắng công du sang Bắc Triều Tiên vài tháng trước khi mãn nhiệm của tổng thống Lỗ Vũ Huyền hoàn toàn vì tham vọng cá nhân, ông muốn đi vào lịch sử trước hạn kỳ.

Đối với Bắc Triều Tiên, dư luận dân chúng miền Nam không còn xúc động như trước. Họ nghi ngờ thiện chí của chính quyền Bình Nhưỡng vì Kim Chính Nhật vẫn còn là một nhà độc tài và chế độ của ông ta đã tỏ ra rất hung bạo khi đàn áp những cuộc nổi dậy của những thành phần nông dân nghèo khổ, nhất là với những người trốn chạy chế độ.

Phần lớn đã tỏ ra thất vọng khi chính quyền Nam Hàn không dám lên tiếng phản đối những vụ khiêu khích vũ khí hạch nhân của miền Bắc, đe dọa an ninh không những của Nam Hàn mà còn cả trong khu vực.

Hơn nữa những phóng sự thực hiện tại miền Bắc trình chiếu trên các hệ thống truyền hình càng làm dân chúng miền Nam lo ngại. Sự thua kém và đói khổ của nhân dân miền Bắc đã quá rõ ràng và rất trầm trọng. Chúng sẽ là một gánh nặng cho miền Nam nếu muốn thực hiện thống nhất đất nước ngay tức khắc. Người Nam Hàn không muốn rơi vào trường hợp Tây Đức gánh vác Đông Đức, Nam Hàn không giàu có và vững mạnh như Tây Đức năm 1989.

Để trấn an dư luận, văn phòng phủ tổng thống Nam Hàn nhấn mạnh đến cố gắng muốn giải quyết trong hòa bình sự phân chia đất nước và tinh thần đùm bọc mà dân chúng trên bán đảo Triều Tiên muốn cho thế giới biết.

Tổng thống Lỗ Vũ Huyền cũng đã để lại một vài danh ngôn khi vượt qua đường ranh phân chia hai miền : "Làn ranh này là bức tường đã chia xứ sở chúng ta trên nửa thế kỷ. Do bức tường này mà dân tộc chúng ta đã chịu nhiều khổ nhục, làm việc phát triển đất nước của chúng ta bị chậm lại", "Làn ranh này phải dần dần bị xóa bỏ và bức tường vô hình phải bị sụp đổ. Lần này tôi dùng bước chân vượt qua biên giới để tạo cơ hội làm sụp đổ bức tường trên đồng thời cũng để xứ sở của chúng ta có cơ hội hướng về hòa bình và thịnh vượng".

Mục tiêu tăng cường hợp tác kinh tế

Trong chuyến viếng thăm này, vợ chồng tổng thống Lỗ Vũ Huyền đã dẫn theo một đoàn tùy tùng hùng hậu lên đến 298 người, kể cả ký giả. Tầm quan trọng của hợp tác kinh tế có thể thấy trong thành phần tùy tùng tổng thống. Điểm mặt những nhân vật trong phái đoàn người ta thấy ý định của tổng thống Lỗ Vũ Huyền trong nỗ lực cuối cùng cuối nhiệm kỳ của mình là thúc đẩy hợp tác kinh tế với Bắc Triều Tiên, đương nhiên là để xây dựng nền tảng vững chắc cho một hợp tác hòa bình lâu dài giữa hai miền.

Cho đến nay, đối với Bắc Triều Tiên, Nam Hàn là đối tác kinh tế lớn thứ hai sau Trung Quốc. Sau cuộc gặp gỡ lần đầu tiên năm 2000, Nam Hàn đã đầu tư xây dựng đặc khu kinh tế công nghiệp phức hợp ở Kaesong ở miền Bắc. Năm 2006, ngoại thương giữa hai miền Nam Bắc Triều Tiên đã lên đến 1,35 tỷ USD.

Trong phái đoàn tháp tùng tổng thống lần này có 13 bộ trưởng gồm đủ các bộ : kinh tế, tài chính, khoa học kỹ thuật, nông lâm nghiệp, phúc lợi... Có thể gọi đây là "tổ viện trợ Bắc Triều Tiên" vì mục đích chính của cuộc hội đàm thượng đỉnh lần thứ 2 này tập trung vào các vấn đề viện trợ về nông nghiệp, y dược, khoa học kỹ thuật.

Cuộc hội đàm lần này không có sự hiện diện của bộ trưởng ngoại giao Tống Minh Thuận, người phụ trách vấn

để giải trừ vũ khí hạch nhân Bắc Triều Tiên. Thay vào đó, là nhân vật phụ trách về an ninh, quốc phòng như bộ trưởng quốc phòng Kim Chung Chân, viện trưởng Kim Vạn Phúc của cơ quan tình báo Đại Hàn (KCIA), bí thư phụ trách an ninh quốc gia phủ tổng thống Bạch Trọng Thiên... Điều này cho thấy phía Nam Hàn đã chuẩn bị để thảo luận với Bắc Triều Tiên về đường ranh giới quân sự trên biển Hoàng Hải, việc giải trừ binh bị giữa hai bên nhằm biến hai đường phân chia lãnh thổ trên biển và trên đất liền thành vùng hòa bình. Đó là về phía chính quyền.

Về phía doanh nghiệp nhà nước, có 47 đại diện đặc trách về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa... Tất cả đều là những khuôn mặt có thẩm quyền quyết định hợp tác trên tầm vóc quốc gia giữa hai miền, đó là các ông : Lý Triết, giám đốc công ty Đường sắt Đại Hàn, Lý Nguyên Hối, giám đốc công ty Điện lực Đại Hàn, Cường Quảng Tư, giám đốc Ngân hàng kỹ nghệ Đại Hàn, Kim Xương Lục...

Phía đại doanh nghiệp tư nhân, người ta thấy sự hiện diện chủ nhân các tổ hợp lớn như nhóm Hiện Đại, LG, SK, Samsung, chủ tịch Lý Quy Trạch của công ty chế thép lớn Posco, giám đốc Nam Tương của công ty đóng thuyền hải dương Darell (Đại Tự).

Ý đồ chính trị của Bắc Triều Tiên

Là một người đa nghi và lo sợ bị mất quyền, Kim Chính Nhật đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng cuộc họp mặt này, không một chi tiết nào bị coi là "tình cờ" hay "ngoài ý muốn". Đây là cơ hội để Bắc Triều Tiên, qua hình ảnh Kim Chính Nhật, đánh bóng mình và xóa tan mọi nghi ngờ về sự yếu kém của miền Bắc.

Kim Chính Nhật tuyển chọn thời điểm hội đàm đúng lúc để chứng tỏ quyết tâm muốn giải quyết vấn đề hạch nhân của mình trong hòa bình. Ngay sau khi Hội nghị 6 bên về giải trừ hạch nhân tại Bắc Triều Tiên, từ 27 đến 30-9-2007, vừa chấm dứt, theo đó Bắc Triều Tiên chấp nhận tháo gỡ 3 lò phản ứng nguyên tử tại Ninh Biên vào trước cuối tháng 12-2007 để nhận một triệu tấn dầu nặng và viện trợ kinh tế. Ba ngày sau, Kim chính Nhật tiếp đón trọng thể phái đoàn chính thức của chính phủ Nam Hàn, từ 2 đến 4-10-2007. Những tuyên bố chung sau mỗi lần họp chỉ có thể đánh bóng thêm cho chế độ Bình Nhưỡng trước dư luận quốc tế.

Kim Chính Nhật cũng đã hai lần thay đổi chương trình nghị sự để đo lường sự kính trọng của chính quyền Nam Hàn đối với mình như thế nào. Đầu tiên là sự xuất hiện bất ngờ tại Cung văn hóa 25-4 để đón tiếp tổng thống Kim Vũ Huyền ngày 2-10. Kế đến là đề nghị phái đoàn Nam Hàn ở lại thêm một ngày nữa để hội thảo bất chấp lịch trình đã đồng ý từ trước. Rất may là những thay đổi vào giờ chót này đã không làm phật lòng tổng thống Nam Hàn và phái đoàn tháp tùng.

Qua những trực trặc không quan trọng về ngoại giao này, mục đích của Kim Chính Nhật đã rất rõ, ông muốn dư luận thế giới, đặc biệt là Mỹ, biết rằng Bắc Triều Tiên đã thay đổi và muốn sống chung hòa bình với mọi người.

Ước muốn của Kim Chính Nhật rất bình thường, ông muốn bang giao với Mỹ và sẵn sàng vô hiệu hóa những cơ sở chế biến vũ khí hạch nhân với hy vọng được Mỹ rút tên ra khỏi danh sách các quốc gia ủng hộ khủng bố và nhận viện trợ (một triệu tấn dầu nặng và viện trợ kinh tế, nhân đạo, năng lượng, qua tổ Hợp tác kinh tế năng lượng).

Trở về cuộc họp mặt thượng đỉnh giữa hai miền, ngày 4-10 hai nhà lãnh đạo Nam Bắc Triều Tiên ký bản "tuyên ngôn vì quan hệ Nam Bắc phát triển và hòa bình thịnh vượng" cho bán đảo Triều Tiên. Có lẽ sau việc hòa giải với Nam Hàn, Bắc Triều Tiên sẽ tiến hành bang giao với Nhật Bản qua Nam Hàn.

Tương lai nào cho Bắc Triều Tiên ?

Ý thức sự yếu kém về kinh tế của Bắc Triều Tiên, Kim Chính Nhật dành ưu tiên cho các xí nghiệp Nam Hàn xây dựng hệ thống kinh tế hạ tầng trên khắp miền Bắc : đường giao thông hàng hóa Kinh Nghĩa (Mậu Sơn-Phụng Đông), đường sắt Khai Thành-Tân Nghĩa Châu ; đường cao tốc Khai Thành-Bình Nhưỡng ; khu công nghiệp đóng tàu Nam Phố ; tuyến hàng không Hán Thành-Bạch Đầu Sơn để khuyến khích du lịch qua Bắc Triều Tiên, v.v. Qua những dự án này, đảng cộng sản Bắc Triều Tiên có thể thu về một số lợi tức do hợp tác khai thác đất đai và lao động rẻ.

Điều này cho thấy tương lai của Bắc Triều Tiên trực thuộc vào chế độ độc tài của Kim Chính Nhật chỉ biết bóc lột và hà hiếp dân tộc mình và cản trở mọi tiến hóa tích cực để phát triển. Kim Chính Nhật không tin tưởng ai và chỉ hành động theo ý mình, bất chấp ý kiến của người khác. Ông chỉ muốn các quốc gia khác viện trợ cho Bắc Triều Tiên mà không phải thực hiện một nghĩa vụ nào.

Trong cuộc hội đàm lần này, lãnh đạo hai miền Nam-Bắc Triều Tiên đã đồng ý tiếp tục bàn luận về các vấn đề hòa bình, phồn vinh và thống nhất Triều Tiên. Tuy nhiên hòa bình và thống nhất chỉ có thể thực hiện được khi Bắc Triều Tiên thành tâm từ bỏ sản xuất vũ khí hạch nhân.

Một dấu hỏi lớn là sau khi Kim Chính Nhật mất, Bắc Triều Tiên sẽ ra sao ? Không ai tiên đoán được. Một dân tộc sống quá lâu dưới chế độ độc tài thì không nhiều thì ít cũng bị nhiễm tâm lý cam chịu và chờ đợi người khác lãnh đạo mình. Dân chúng Nam Hàn chắc chắn cũng không muốn "tiếp thu" một Bắc Triều Tiên nghèo nàn và lạc hậu, vì quá tốn kém. Nhưng muốn thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu thì phải có tự do. Không có tự do thì mọi danh ngôn mỹ từ đều trở thành vô nghĩa. Con người chỉ phát huy được hết khả năng khi có tự do, một quyền căn bản mà dân chúng Bắc Triều Tiên chưa có và rất muốn có.

Trước mắt, Bình Nhưỡng chỉ muốn bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ, và chỉ với Hoa Kỳ mà thôi. Kim Chính Nhật tin rằng với sự ngây ngô cố hữu, Hoa Kỳ sẽ là quốc gia phục dịch Bắc Triều Tiên trong một thời gian dài. Đối với Bình Nhưỡng, sự xích lại gần nhau giữa Nam và Bắc Hàn là lẽ đương nhiên, cả hai dân tộc đều cùng nguồn gốc, Nam Hàn tận tình giúp đỡ Bắc Triều Tiên là chuyện bình thường.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Mao với Việt Nam

Bài Tin

1. Mao là một nhân vật không xa lạ gì với người Việt Nam chúng ta. Đảng viên đảng cộng sản, cán bộ nhà nước, học sinh, sinh viên, già trẻ lớn bé đều nhiều lần nghe nói về "chủ tịch Mao Trạch Đông", "đồng chí Mao Trạch Đông", "lãnh tụ Mao Trạch Đông", "cụ Mao", "bác Mao", "ông Mao", "họ Mao" hay "Mao chủ tịch", "Meo xénh xáng", "Mao Xế Tung"... với những mức độ tình cảm khác nhau.

Có thời Mao có mặt đậm nét ở nước ta. Hầu như nhà nào cũng có ảnh Mao. Ở cơ quan, ảnh lớn của Mao cạnh ảnh lớn của Staline là bắt buộc. Sách của Mao chiếm vị trí hàng cao nhất trong mọi thư viện và tủ sách. Mâu thuẫn luận, Thực tiễn luận, Trì hoãn chiến, Bàn về chủ nghĩa Dân chủ mới... của Mao được coi là sách kinh điển. Rồi "Mao Trạch Đông tuyển tập", Sách bia đỏ cấm tay, huy hiệu Mao đỏ chót, nhỏ hay có khi to bằng miệng bát, có mặt khắp nơi.

Biết bao bài thơ ca ngợi Mao, từ Tố Hữu đến Hoàng Trung Thông, Bảo Định Giang, rồi Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư... Mao là mặt trời, là cứu tinh, là ngôi sao sáng nhất, là cây đại thụ, là ngọn hải đăng, là người Ông hiền từ, là người Bác nhân ái, là vị lãnh tụ anh minh. Đoàn nhà văn Việt Nam thăm Hồ Nam, đoàn Văn công quân đội sang Bắc Kinh quay phim Xô Viết Nghệ Tĩnh được gặp Mao, những bài báo, luận văn kể lại được nhìn thấy Mao, được cầm tay Mao, được tận tai nghe được lời Mao nói, được nhận một điều thuốc từ tay Mao là những nỗi niềm hạnh phúc quý báu nhớ đời.

2. Trong các cuộc chỉnh huấn, kiểm thảo, trong cải cách ruộng đất, các lớp học trường đảng Nguyễn Ái Quốc, lời Mao dạy về đấu tranh giai cấp, về chính quyền từ họng súng, sùng bái đấu tranh vũ trang, đề cao bản cổ nông, xỉ vả trí thức tư sản không bằng cục phân... được coi là những chân lý tuyệt đối và vĩnh cửu.

Tại Đại hội đảng lần thứ II ở Việt Bắc tháng 2-1951, ông Hồ Chí Minh từng chỉ tay lên ảnh Staline và ảnh Mao treo cao trên hội trường và nói : "Hai vị lãnh tụ này của chúng ta không bao giờ phạm sai lầm, Bác có thể bảo đảm chắc chắn như thế". Đến Đại hội đảng cộng sản lần thứ III tháng 9-1960 ở Hà Nội, tư tưởng Mao Trạch Đông được ghi vào Điều lệ của đảng làm "nền tảng lý luận và tư tưởng".

3. Trong Đại nhảy vọt của Trung Quốc, ông Hồ Chí Minh là người hưởng ứng đầu tiên ; ông đọc hàng ngày các báo Trung Quốc, sưu tầm những tin "hay nhất", có nghĩa là ly kỳ - người thường khó tin nhất - gửi ngay sang báo Nhân Dân để đăng. Như tin về nông dân xây lò cao trong sân nhà. Như bài Mao viết dạy rằng năng suất lúa có thể tăng gấp 3 lần không khó khăn, chỉ cần giống tốt, đủ nước, đủ phân, từ nay trồng lúa năng suất cao sẽ nhàn hạ như trồng hoa, làm vườn, diện tích có giảm một nửa vẫn thừa ăn. Một thời gian ngắn cuốn sách "Kinh nghiệm Đại nhảy vọt của Trung Quốc" tác giả Trần Lực (bút danh ông Hồ) ra với số bản in cao nhất,

trong đó nói về đủ thứ về sau bị coi là hoang đường, như thăm lúa năng suất gấp 5 lần bình thường, từng đoàn văn công nhảy trên thăm lúa mà cây lúa vẫn đứng thẳng, như diệt chim sẻ bằng chiêm trồng. "Chí Minh" có nghĩa là cực sáng mà có lúc cũng mù mịt tin vào những chuyện nhảm nhí đến vậy thì con cháu có mù mịt lắm lẫn cũng là dễ hiểu.

4. Đọc cuốn sách của Jung và Jon về Mao, độc giả Việt Nam dễ dàng đối chiếu và liên tưởng đến Việt Nam, đến Đảng Cộng Sản Việt Nam, đến những người lãnh đạo ở Việt Nam vì hai đảng đều chung một lò Đệ tam quốc tế cộng sản mà ra, cùng coi Moscow là đất thánh của mình, cùng suy tôn Staline là lãnh tụ đàn anh, lại cùng chung nền văn hóa khổng giáo kiểu Nho gia, chung nền tảng kinh tế tiểu nông... Gần đây, trong năm 2007 này, bốn vị tứ trụ triều đình cộng sản Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Phú Trọng, cũng như các vị cầm đầu các đại ban của trung ương đảng Hồ Đức Việt (ban tổ chức trung ương), Tô Huy Rúa (ban tuyên giáo) đều sang tận thủ đô đỏ Bắc Kinh để học hỏi kinh nghiệm đàn anh, và nhắc đi nhắc lại sẽ luôn theo gót chân những kẻ đang kế thừa Mao, đổi mới chứ không đổi màu...

5. Hai đảng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam sao mà giống nhau đến thế. Ví dụ khi Mao kể cho nhà văn và nhà báo Edgar Snow về cuộc chiến đấu rực lửa của Hồng quân qua cầu Đại Độ rằng sáu hàng xích sắt lớn nối hai đầu cầu bị nung đỏ, phía trước là các ụ súng máy không ngừng nhả đạn, mà 22 Hồng quân vẫn bò qua mở đường, thì người cả tin nhất cũng phải thấy có cái gì không ổn, không hợp lý, không thể có thật, không thể "nuốt trôi được". Quả nhiên đây là chuyện Mao bịa ra, dựng đứng lên để thần tượng hóa quân lính mình. Ta có thể liên tưởng đến chuyện ở Việt Nam ta về em Lê Văn Tám ở cầu Thị Nghè, Sài Gòn, năm 1946 đã tẩm xăng vào người thành đước sống để chạy thẳng vào kho đạn ở phía trong doanh trại địch cách hàng trăm thước làm kho đạn nổ tung. Câu chuyện được truyền tụng suốt nửa thế kỷ, thành kịch, tranh, thành "vườn hoa Lê Văn Tám", "giải thưởng Lê Văn Tám", để rồi cuối đời tác giả của nó phải lên tiếng cải chính là chuyện bịa 100%. Triệu triệu con người đã mù mịt, kể cho nhau chuyện phi lý : làm sao bật lửa tẩm xăng vào người thành đước sống mà còn có thể bước nổi đến một bước ngắn, chưa nói đến chạy hàng trăm mét.

Cũng như mới đây chuyện nữ bác sĩ Đặng Thùy Trâm chiến đấu một mình một súng, đọ sức một buổi với 120 lính Mỹ cường tráng, bị bắn vỡ trán còn hô hai lần "Bác Hồ muôn năm" ! Thật ra trong hồi ký của cô không hề có chuyện cô cầm súng, không hề có chuyện cô được huấn luyện để chiến đấu ; mấy trang cuối cô chỉ tả nỗi lo sợ, làm sao bảo vệ mấy thương binh nặng trong khi cô mệt rũ đời lả, bộ đội địa phương huyện Đức Phổ bỏ chạy hết. Cứ theo như cuốn hồi ký, Trâm

đã nêu cao gương hy sinh tận tụy đáng quý rồi. Việc tô vẽ thêm nghe theo lời kể vu vơ của một anh lính Mỹ vớ vẩn nào đó để thêm một chiến công "dỏm" - vẽ rắn thêm chân dài - để rồi phong Anh Hùng, thì thật là quá lố ! Làm hại cả một tấm gương quý, làm gia đình cô khó xử, cũng làm hại uy tín Bộ quốc phòng, nhẹ dạ khờ khạo đến vậy.

6. Để có những quyết định cá nhân ngông cuồng, và bắt buộc toàn đảng phải chấp nhận những "sáng kiến" tối tăm của mình, Mao trì hoãn các cuộc đại hội đảng theo quy định trong Điều lệ đảng là cứ 5 năm phải họp đại hội đảng một lần; lẽ ra sau Đại hội VIII họp tháng 9-1956, thì Đại hội IX phải họp vào khoảng tháng 9-1961, Mao trì hoãn cho đến tháng 8-1969 mới triệu tập đại hội IX, nghĩa là chậm đến 9 năm. Chính trong khoảng cách 13 năm ấy, Mao tự mình để ra những chính sách ngông cuồng "Đại nhảy vọt" và "Cách mạng văn hóa" đưa đất nước vào tình trạng bi thảm.

Ở Việt Nam cũng vậy. từ Đại hội đảng I (tháng 3 -1935) ở Ma Cao - Trung Quốc, đến tháng 2-1951 mới họp Đại hội II ở Việt Bắc, nghĩa là cách đến 16 năm, sau đó đến tháng 9-1960 mới họp Đại hội III, cách 9 năm, rồi lại đến năm 1976 mới họp Đại hội IV, nghĩa là cách đến 16 năm. Hoàn cảnh chiến tranh không phải là lý do chính đáng, vì chiến tranh vẫn có thể và lại càng cần họp đại hội một cách thiết thực để có những quyết định sắc bén, xác thực, tập trung trí tuệ của tập thể, tránh độc đoán, chủ quan, tùy tiện. Ở Việt Nam, nếu như những vấn đề cực lớn như Cải cách ruộng đất (với đặc điểm chiếm hữu ruộng đất và phân chia giai cấp rất khác biệt ở nông thôn nước ta), cải tạo công thương nghiệp (cũng với những đặc điểm riêng ở Việt Nam ta), chính sách sau kết thúc chiến tranh, thống nhất đất nước (đặc biệt là chính sách với chính quyền và quân đội cũ ở miền Nam) đều không có thảo luận tập thể, một hay vài vị tự cho là thông minh sáng suốt nhất, không ai bằng, còn xung quanh toàn những kẻ xu nịnh tâng bốc lãnh tụ, cúi đầu vâng dạ, làm sao đất nước không lạc hậu, dân không lầm than, để cho bị kịch thuyền nhân bi thảm xảy ra làm chấn động thế giới mà lãnh đạo cho là điều tốt, còn nhân dân bị o ép vẫn đứng đưng vô cảm.

7. Bên cạnh Mao, những quần thần cương trực khảng khái yêu nước thương dân thì ít, cực hiếm, còn gian thần xiểm nịnh thì quá thừa. Những Bành Đức Hoài, Lưu Thiếu Kỳ, Vương Minh, Chu Đức... đều bị thanh trừng, tra khảo, đầy đọa thể xác và tinh thần đến chết thảm thương. Còn những gian thần như Lâm Bưu thì xu nịnh, tâng bốc Mao, cứu Mao khỏi nguy cơ trông thấy rồi cũng bị thải loại và bỏ chạy.

Cũng như ở Việt Nam, những Trần Độ, Nguyễn Hộ, Chu Văn Tấn, Dương Bạch Mai, Trần Xuân Bách, Đặng Kim Giang, những trí thức khá lớn Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo..., những văn nghệ sĩ quý tự do như Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Văn Cao, Hữu Loan, Bùi Minh Quốc, Hà Minh Tuấn, Việt Phương... đều bị từ kiểm điểm, tra khảo đến hành hạ, tù đầy, quản thúc, gia đình bị dày đọa, phân biệt đối xử theo. Rõ ràng ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc, những người bị thải loại nhìn chung đều có trí tuệ, tấm lòng

với đất nước và đạo đức cao hơn những kẻ cầm quyền. Thiệt hại cho quê hương, đất nước không sao kể xiết.

8. Cho đến thời kỳ "đổi mới" hiện nay, ở Trung Quốc và Việt Nam vẫn còn những kẻ cơ hội sùng bái Mao và chế độ độc đảng, dị ứng với những giá trị của thời đại. Họ đàn áp những chiến sĩ dân chủ, bỏ tù những chiến sĩ dũng cảm dám đứng dậy đòi tự do báo chí, tự do tôn giáo, tự do bầu cử cho nhân dân. Điều rất đáng trách là vẫn còn những kẻ tự nhận là trí thức mà còn mù mịt làm thấy cãi cho chế độ độc đảng tệ hại kiểu Mao. Tiêu biểu gần đây là Phạm Toàn nào đó viết bài trên Talawas lập luận rằng chó nên đòi quyền dân chủ vội, hãy đợi 15, 20 năm nữa. Anh ta lại còn như thích thú lấy mấy cái trung tiện (đánh rắm) hôi hám làm bài học chính trị nhớ đời của mình (!) ; dân chủ hóa cũng như trung tiện (!), phải chờ cho đến đúng lúc, không sớm quá, không muộn quá. Cái gian xảo của anh trí thức "dỏm" này là đưa một hiện tượng thuộc bản năng hoàn toàn sinh lý áp dụng vào một vấn đề thuộc trí tuệ sáng tạo trong lãnh đạo chính trị. Sự mù mịt đến tận cùng, còn dơ dáy về trí tuệ và nhân cách ! Mà hình như còn là nhà sư phạm ! Anh ta hoàn toàn vô cảm không thấy trì hoãn trả lại tự do, dân chủ, trì hoãn luật pháp chỉ một ngày thì hàng triệu người dân, đồng bào mình, bị khổ cực oan ức ra sao. Một anh trí thức mù mịt coi Mao là thần tượng ắt trí tuệ bệ rạc đến thế.

9. Điều quan trọng hơn nữa với bạn đọc Việt Nam khi nghiên cứu về cuốn sách của Jung và Jon là cái mô hình quản lý xã hội mà Staline và Mao đã chọn sau Cách mạng tháng Mười 1917 ở Nga và sau 1-10-1949 ở Trung Quốc, đồng thời ứng dụng mô hình ấy ở Việt Nam và hơn 10 nước "xã hội chủ nghĩa" khác ở Đông Âu, Mông Cổ, Bắc Triều Tiên, Cuba, cái mô hình ấy liệu vẫn còn sức sống nào, dù có cải tiến chút ít ?

Đặc điểm của cái mô hình ấy là : duy nhất một đảng cộng sản thống trị xã hội không chia sẻ với một đảng phái nào khác ; được gọi là độc quyền đảng trị ; thực hiện công nghiệp hóa vội vàng gấp gáp, lấy công nghiệp nặng làm trung tâm ; hạn chế sở hữu cá nhân, tiêu diệt quyền tư hữu ; nghiêm cấm tự do báo chí và thủ tiêu quyền tự do tín ngưỡng. Thủ tiêu nền văn hóa truyền thống dân tộc, thực hiện văn hóa vô sản, thực tế là nền văn hóa cổ xúy đấu tranh giai cấp tàn bạo, đẫm máu, đầy bạo lực, bất công.

Cả mô hình này đã đổ vỡ, phá sản tận gốc ở Liên Xô ; Staline đã bị hạ bệ, bị cả thế giới và dân Liên Xô nhận ra là kẻ sát nhân tàn bạo hơn phát xít Hitler, nay đến lượt Mao đang được dân Trung Quốc và thế giới nhận định lại cho thật đúng với thực tế. Các nhà lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc có thái độ nửa vời, đổi mới chút ít về chính trị và văn hóa, đổi mới nhiều hơn về kinh tế, nhưng vẫn duy trì chế độ độc quyền đảng trị. Trong Đại hội XVII (tháng 10-2007) họ vẫn nhắc đến Marx và Mao là bậc thầy ; họ không dám hạ bệ Mao, họ đưa ra luận thuyết : "Mao có hai phần đúng, một phần sai", có nghĩa về cơ bản vẫn là nhân vật lịch sử có nhiều thành tích và cống hiến.

Công trình của Jung và Jon chính là một công trình khoa

học lịch sử đồ sộ, đáng tin cậy, chứng minh Mao là một nhân vật hoàn toàn tiêu cực, là kẻ giết người hàng loạt, là tên đao phủ số 1 trong lịch sử loài người, là tên dâm loạn, kẻ vô đạo đức, đầy thú tính, chịu trách nhiệm về cái chết của 70 triệu sinh mạng Trung Quốc và các nước, trong đó có nhân dân Việt Nam, Triều Tiên, Cambốt, Lào, Mông Cổ, Tây Tạng... Cuốn sách đang đi dần, ngấm dần vào nhận thức của hàng tỷ nhân dân Trung Hoa, lay động lương tri và trách nhiệm của họ đối với hiện tại và tương lai đất nước. Đây có thể là cuốn sách có sức lay động sâu rộng nhất trong lịch sử hiện đại Trung Quốc. Jung và Jon đã làm nên một việc tốt đẹp và cao quý, lại rất thiết thực...

10. Cuốn sách cho ta bài học lớn. Hãy tìm cho ra sự thật. Hãy cùng nói lớn lên sự thật. Sự thật và nhân dân quý hơn tất cả, đáng trọng hơn tất cả. Dù là Staline, dù là Mao, dù bất cứ ai khác một thời được nể trọng, được sùng bái cũng phải đặt dưới nhân dân. Nhân dân nuôi sống chúng ta. Nhân dân làm nên lịch sử. Cuộc sống tự do hạnh phúc của nhân dân là mục tiêu cao quý nhất. Kẻ ngự trị trên đầu nhân dân, đẩy dân vào lầm than tủi cực chết chóc lạc hậu không thể là người tốt, đáng kính được. Phải biết hoài nghi một cách khoa học. Tự mình tập đọc lập suy nghĩ, tự tìm ra sự thật và chân lý cho mình, cho đồng bào mình. Jung và Jon đã lật nhào thần tượng, không chửi bới, không thóa mạ, không đao to búa lớn. Lời lẽ ôn tồn, đưa ra nhân chứng, bằng chứng, để cho bạn đọc suy nghĩ và kết luận.

11. Cuốn sách một số lần nói đến Việt Nam. Đến Hồ Chí Minh gặp Mao và gặp Staline ở Moscow cuối năm 1949. Tác giả kể rằng cuối đời mình, Mao tỏ ra hài lòng với Chu Ân Lai ngay khi Chu đang bị bệnh ung thư hành hạ, vào cuối năm 1974, vẫn chỉ đạo việc cho quân đánh chiếm đảo Hoàng Sa (Paracels) do quân đội Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam đóng giữ, trước khi quần đảo này kip rơi vào tay các đồng chí của họ ở Bắc Việt Nam.

Chỉ một nét ấy thôi là đủ để thấy rõ và sâu tham vọng của Mao, của Chu, của Đặng Tiểu Bình đối với Việt Nam ta. Chưa nói đến chuyện 5 năm sau đó, tháng 2-1979, Đặng xua quân vào 6 tỉnh miền Bắc nước ta giáp giới với Trung Quốc tàn phá tan hoang từ nhà ở của dân, phá từ giường tủ, nồi niêu, bát đĩa cho đến nhà máy, trường học, bệnh xá, cầu cống, đường sá... đến hàng vạn xác chết đồng bào và chiến sĩ ta; vậy mà đảng vẫn không cho nhắc đến những ngày "kỷ niệm đen tối" hằng năm này, không cho đặt vòng hoa trước các mộ liệt sĩ, sợ làm phật lòng các đồng chí Trung Quốc đàn anh.

Jung và Jon gợi ý cho người Việt ta một suy nghĩ sâu xa: ta được hưởng lợi gì khi suy tôn Mao làm lãnh tụ chính trị và tinh thần, khi lấy tư tưởng Mao làm nền tảng, để đến bây giờ vẫn tôn những người kế thừa Mao là đồng chí, là anh em, là nguồn kinh nghiệm quý?

Cuốn sách của Jung và Jon nhắn nhủ người Việt chúng ta rằng: người Trung Quốc chúng tôi đã nhận ra bộ mặt thật của Mao rồi đó, dù cho những người cầm quyền ở Bắc kinh vẫn còn giả dui giả mù. Mao thực sự chịu trách nhiệm về cái

chết của 70 triệu sinh linh, trong đó có hàng triệu đồng bào Việt Nam của các bạn rồi đó. Các bạn có nên tiếp tục theo tư tưởng của Mao, mô hình quản lý xã hội của Mao, vừa gia giảm lại vừa giữ gìn học thuyết Mao, phi Mao hóa một cách nửa vời, vừa nói dân chủ vừa giữ độc quyền một đảng, vừa nói dân chủ vừa cấm tư nhân làm báo, ông Nguyễn Minh Triết nói y hệt như Hồ Cẩm Đào, ông Nguyễn Tấn Dũng nói y hệt như Ôn Gia Bảo, có nên như vậy mãi chẳng?

Cuốn sách này, các đảng viên cộng sản Việt Nam cần đọc, trí thức Việt Nam cần đọc, tuổi trẻ Việt Nam cần đọc. Những người lãnh đạo, cầm quyền cần đọc. Để rồi tìm cho ra sinh lộ cho nước ta, cho dân ta.

Giữa lúc một số trí thức văn nghệ sĩ có tâm huyết để ra tổ chức một cuộc trao đổi về tình hình và lối ra cho dân tộc ta, khởi đầu bởi các bạn Bùi Minh Quốc, Hà Sỹ Phu, Lê Hồng Hà, Phan Đình Diệu, Lê Đăng Doanh, Mai Thái Lĩnh... cuốn sách "Những điều chưa biết về Mao" ra mắt thật đúng lúc, vì mối quan hệ Việt-Trung luôn có ý nghĩa quyết định đối với quá khứ, hiện tại và tương lai của Việt Nam ta. Độc lập, tự chủ, chủ quyền toàn vẹn, quan hệ hợp tác bình đẳng, hội nhập trọn vẹn với thế giới dân chủ văn minh phải chăng là con đường phải theo của nhân dân ta trong quan hệ Việt-Trung. Từ bỏ dứt khoát thái độ sùng bái, phụ thuộc, bất bình đẳng, đàn em quy lụy, để bị lấn lướt hiếp đáp miệt thị, thiệt hại đủ đường và không sao lường hết...

Khi biết và đọc những bài này, từ trong nước, một số người còn nặng lòng với "bác Mao" sẽ lại vu cáo tôi là theo lập trường phản động, bôi xấu đảng và nhà nước ta, rồi lái nhái là tôi bất mãn, phá hoại. Xin trình cả làng: tôi cất công phỏng dịch và tóm tắt công trình này chỉ vì lòng ngay dạ thẳng, vì thương dân mình chưa có tự do, yêu đồng bào mình chưa hoàn toàn giải thoát khỏi nạn độc quyền đảng trị, xót xa với tuổi trẻ mình còn bị mê hoặc, nên quê hương ta vẫn hèn kém so với thiên hạ. Cái nhục lớn này toàn dân ta hãy tỉnh dậy. Cuốn sách này là loại sách thức tỉnh. Cần và quý lắm.

Các bạn hãy tìm đọc toàn bộ cuốn sách đồ sộ, phong phú, biên tập cực kỳ công phu, với tâm huyết tràn đầy này. Không gì thay được nguyên bản. Trong khi chờ đợi, xin hãy vui lòng với bản phỏng dịch và tóm tắt trong 14 bài này (*), tôi làm gấp trong ba tháng qua, miệt mài, say mê, ở tuổi 80, không tránh khỏi sơ xuất, xin được miễn thứ.

Một số tên Trung Quốc trong sách này, là do anh Phùng Nguyên ở Paris phiên âm giúp ra tiếng Việt, xin cảm ơn anh.

Bùi Tín

Paris, tháng 10-2007

Tái bút:

Cuốn sách đã được in rất đẹp bằng chữ Hán ở Hong Kong và phát hành tốt ở Đài Loan. Tuy bị cấm trên lục địa, nhưng một số cuốn đã vào trong nước. Một số ấn bản khác được in trộm và phát hành rộng ngay trong nước, chưa kể một số bản khác được lấy xuống từ máy computer. Dù bị chính quyền ngăn cấm, cuốn sách đã nhận được nhiều nhận xét và bình luận thuận lợi từ người trong nước.

(*) Bản dịch đăng trên website: www.thongluan.org

Phải xét lại những gì và như thế nào ?

Nguyễn Gia Kiểng

Bài "Thời điểm của một xét lại bắt buộc" đã nhận được khá nhiều phản ứng. Ngoại trừ một vài phản ứng lệch lạc do thiếu thông tin hoặc do phản xạ phe nhóm, trong đại bộ phận những đóng góp đều đồng ý trên một điểm : phải xét lại cuộc vận động dân chủ và phương thức đấu tranh. Nhu cầu xét lại nội dung cũng như phương pháp của cuộc vận động dân chủ cũng đã được phát biểu bởi nhiều trí thức có uy tín trước đó. Độc giả *Thông Luận* cũng có thể nhận xét là từ mùa hè 2005 mỗi bài viết của tôi đều là một đề nghị nhìn lại một vấn đề. Bài "Thời điểm của một xét lại bắt buộc" chỉ là một bài trong một loạt bài cùng một chủ đề.

Nhưng xét lại những điểm nào và như thế nào ?

Một điểm đáng chú ý của cuộc thảo luận gần đây là trí thức dân chủ trong nước đã tỏ ra tích cực hơn trí thức dân chủ hải ngoại trong các đóng góp về chiến lược. Và hình như có một đồng thuận lớn trên những xét lại mà họ đề ra. Trong đồng thuận này có hai điểm mà tôi thấy cần thảo luận thêm, để giải thích và, nếu có thể, rút ra những kết luận.

Hai điểm này được phát biểu một cách rõ rệt nhất bởi Hà Sĩ Phu và Lê Hồng Hà, dù cũng được trình bày trong các bài của đa số anh em dân chủ trong nước. Tôi nêu tên Hà Sĩ Phu và Lê Hồng Hà, với tất cả sự trân trọng, chỉ vì họ đã phát biểu một cách rõ rệt nhất những ý kiến thực ra là của nhiều người. "Hà Sĩ Phu" và "Lê Hồng Hà" trong bài này phải được coi là đồng nghĩa với cụm từ "một số đồng đảo trí thức dân chủ trong nước".

Về hiện trạng của cuộc vận động dân chủ, Hà Sĩ Phu cho rằng chúng ta vẫn còn ở rất xa mục tiêu và tiến trình dân chủ hóa là một cuộc giằng co sẽ còn kéo dài. Người ta dễ thông cảm với Hà Sĩ Phu khi nhìn vào đội ngũ dân chủ hiện nay. Nhưng cũng đừng quên một đặc tính chung của mọi chế độ độc tài : cho tới lúc sụp đổ chúng có vẻ rất vững vàng. Hà Sĩ Phu, và một số đồng đảo trí thức chia sẻ quan điểm này của ông, rất có thể sẽ giống như trường hợp của Soljenitsyne khi ông tuyên bố cuối thập niên 1980 rằng đảng cộng sản Liên Xô chắc chắn sẽ thắng ngay cả nếu có bầu cử tự do và sẽ còn tiếp tục cầm quyền trong nhiều năm, để rồi ngay sau đó trong cuộc bầu cử tương đối tự do đầu tiên đảng cộng sản Liên Xô thảm bại. Một cách tương tự, nhiều nhà bình luận chính trị lớn trên thế giới đã lầm khi đánh giá một cách rất bi quan khả năng dân chủ hóa của các nước Đông Âu vào lúc các quốc gia này bắt đầu chuyển động. Người ta thường dễ quên một yếu tố cơ bản của các chế độ độc tài : đó là các chế độ bệnh hoạn và có thể sụp đổ một cách rất đột ngột ; giống như các lực sĩ dùng thuốc kích thích, bề ngoài có vẻ rất cường tráng, đôi khi đạt những thành tích ngoạn mục, nhưng có thể gục chết bất

ngờ. Nhận định của Hà Sĩ Phu là một nhận định thực tiễn và lương thiện, dự đoán của ông - cuộc vận động dân chủ là một cuộc giằng co sẽ còn kéo dài - chỉ bi quan ở chỗ nó đồng hóa một điều chưa nhìn thấy với một điều còn ở xa. Nhưng chưa nhìn thấy và còn ở xa không phải lúc nào cũng đồng nghĩa.

Từ nhận định này, Hà Sĩ Phu đi đến kết luận rằng trong giai đoạn này nên tập trung vào cố gắng nâng cao dân trí.

Trước khi đồng ý với Hà Sĩ Phu cần phải hiểu thế nào là dân trí. Khái niệm này không giản dị như người ta có thể nghĩ. Nó kết hợp hai khái niệm "dân" và "trí". Nhưng "dân" là ai và "trí" là gì ? Cả hai khái niệm này đều mơ hồ trong ngôn ngữ chính trị Việt Nam.

Trong văn hóa Khổng Giáo được độc tôn trong xã hội ta cho đến gần đây, "dân" là khối quần chúng thấp kém, không có tiếng nói trong xã hội ; nguyên thủy "dân" và "tiểu nhân" cùng một nghĩa. Dưới ảnh hưởng của cuộc Cách Mạng Tân Hợi 1911 tại Trung Quốc, ý niệm "dân" tại Việt Nam được nâng cao một bậc, Việt Nam Quốc Dân Đảng ra đời, những danh xưng của đảng này xuất phát từ một sự ngưỡng mộ và ước muốn học hỏi Trung Hoa Quốc Dân Đảng hơn là đánh dấu một thay đổi về tư duy ; Việt Nam Quốc Dân Đảng không có tư tưởng chính trị nào đáng kể. Sau Cách Mạng Tháng 8, và dưới chế độ cộng sản, "dân" được mặc cho một áo mã mới : "dân làm chủ". Tuy vậy ông chủ này phải chịu sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của đảng và sự quản lý chặt chẽ của nhà nước do đảng khống chế nên "dân làm chủ" vẫn chỉ là một khẩu hiệu rỗng nghĩa một cách lối lảng. Nói chung, khái niệm «dân» vẫn chưa rõ rệt và thường được hiểu ngầm như là khối quần chúng, hay khối thường dân, không bao gồm những người cầm quyền và cũng không bao gồm các nhân sĩ, những người giàu có, khoa bảng, hoặc có tiếng tăm.

Còn "trí" ? "Trí" vẫn được hiểu như sự hiểu biết và khả năng suy nghĩ. Như vậy dân trí, trừ khi người đề cập đến nó đưa ra một định nghĩa chính xác hơn, có nghĩa là kiến thức và khả năng suy nghĩ của quần chúng. Và nếu hiểu như vậy thì nâng cao dân trí không phải và cũng không nên được coi là quan tâm duy nhất, thậm chí một ưu tiên, của cuộc vận động dân chủ trong lúc này. Hòa Lan là quốc gia dân chủ hiểu theo nghĩa hiện đại đầu tiên trên thế giới, từ thế kỷ 17, trước cả Anh và Hoa Kỳ. Trong dịp ra mắt cuốn sách dạy tiếng Việt "Học kỹ Đọc đúng" của Phạm Tú Minh, Nguyễn Văn Thế và Đoàn Xuân Kiên, tôi có trò chuyện với bà bộ trưởng giáo dục Hòa Lan. Bà cho biết là đầu thế kỷ 20, hơn hai thế kỷ sau khi dân chủ được thiết lập, phần lớn người Hòa Lan chưa đọc và viết thông thạo. Tại Hoa Kỳ, khi chế độ dân chủ được thiết lập, tuyệt đại đa số người Mỹ chưa biết đọc, biết viết.

Còn người Việt Nam hiện nay ? Tuyệt đại đa số đọc và

viết thông thạo, hơn hai phần ba học hết lớp 9, quá phân nửa có bằng tú tài, hơn mười triệu người tốt nghiệp đại học và cao đẳng. Chúng ta cũng sống với những phương tiện kỹ thuật mà những người dân các nước dân chủ đầu tiên chưa biết tới : máy vi tính, radio, tivi, internet. Về kiến thức và khả năng suy nghĩ chúng ta hơn hẳn các dân tộc tự do đầu tiên vào lúc họ thiết lập dân chủ. Hơn thế nữa, chúng ta lại đang sống trong một bối cảnh nhiều lần thuận lợi hơn họ bởi vì dân chủ hóa là xu hướng áp đảo trên thế giới hiện nay. Nâng cao kiến thức và khả năng suy nghĩ thời nào cũng là quan tâm hàng đầu của mọi quốc gia nhưng chắc chắn không còn là giai đoạn bắt buộc của cuộc vận động dân chủ tại Việt Nam. Dân trí của chúng ta đã rất đủ để có dân chủ. Chúng ta thiếu một cái gì khác.

Một người bạn tôi nói vấn đề của chúng ta không phải là nâng cao dân trí là là nâng cao *dân chí*, nghĩa là ý chí, hay quyết tâm sống như những con người tự do. Nhận xét này có thể chính xác hơn nhưng tôi cũng chưa hoàn toàn đồng ý. Khát vọng dân chủ của người Việt Nam rất cao, cao hơn hẳn khát vọng dân chủ của những dân tộc khác vào lúc họ chuyển hóa về dân chủ, ít nhất nếu tôi hiểu không sai lịch sử của họ.

Còn ý chí và quyết tâm đấu tranh cho dân chủ ? Một cách giản dị, khát vọng của quần chúng chỉ biến thành ý chí, quyết tâm và sức mạnh nếu có được một tổ chức đủ mạnh để động viên và lãnh đạo. Đây là kết luận dứt khoát của mọi nghiên cứu xã hội học và cũng được chứng minh qua lịch sử của mọi dân tộc, ở mọi thời đại. Điều mà chúng ta thiếu là một tổ chức dân chủ mạnh, và sự thiếu vắng này không phải vì dân trí ta thấp mà là vì trí thức của ta kém, bởi vì xét cho cùng tổ chức chính trị nào cũng chủ yếu do các trí thức xây dựng và lãnh đạo. Điều cần được nâng cao là văn hóa chính trị và văn hóa tổ chức của trí thức Việt Nam.

Sự yếu kém của lực lượng dân chủ Việt Nam đã đưa Lê Hồng Hà - một lần nữa "Lê Hồng Hà", cũng như "Hà Sĩ Phu", đồng nghĩa với cụm từ "một số đông đảo trí thức dân chủ trong nước" - đến một kết luận bi quan khác, đó là không thể chống đối trực diện với đảng cộng sản Việt Nam, ngay cả chống đối ôn hòa và bất bạo động, mà chỉ có thể vận động để đảng cộng sản "tự vỡ" hay "tự tách". Đây cũng là một nhận định nghiêm túc và thực tiễn nhưng cần được thảo luận lại để tránh những ngộ nhận.

Làm thế nào để cho đảng cộng sản "tự vỡ" hoặc "tự tách" nếu không có tổ chức ? Những phát biểu cá nhân có thể đủ sức làm cho đảng cộng sản tự vỡ hoặc tự tách được không ? Tôi không tin là có một nhà tư tưởng hay nhà lý luận nào đủ khả năng để thuyết phục các đảng viên cộng sản đến độ khiến đảng cộng sản tự tách.

Hay ta trông đợi ở thật nhiều phát biểu có phẩm chất cao cổ võ cho dân chủ ? Nhưng thật nhiều là bao nhiêu ? Và những phát biểu này phải giống nhau hay khác nhau ? Nếu lập lại cùng những ý kiến chúng ta có thể gây nhầm chán, nếu đưa ra những ý kiến khác nhau chúng ta có tác dụng gây hỗn loạn tinh thần. Và lại, tác dụng của những tiếng nói

dân chủ là gì nếu không phải là để chứng tỏ và tăng cường khát vọng dân chủ ? Nhưng đây có thực sự còn là một yêu cầu không ? Tôi tin là nếu có một cuộc trưng cầu dân ý xem có nên có dân chủ hay không thì ngay trong khối đảng viên cộng sản đại đa số cũng chọn lựa dân chủ. Chúng ta không có nhu cầu phải thuyết phục thêm những người đã được thuyết phục.

Vậy phải làm gì ?

Tôi hiểu ý Lê Hồng Hà là muốn đảng cộng sản tự nó tách ra làm hai hay nhiều đảng khác nhau, trong đó ít nhất có một đảng dân chủ. Nếu như thế thì "tự vỡ" hay "tự tách" là một biến động có tổ chức chứ không phải chỉ là những hành động cá nhân.

Hãy nhìn kỹ hơn hiện tượng "tự tách", một vấn đề cũng đã là chủ đề của nhiều nghiên cứu và trên đó cũng đã có đồng thuận.

Đó là sự kiện xảy ra trong một tổ chức khi những thay đổi cần thiết không được thực hiện. Những đòi hỏi thay đổi này có thể là thay đổi đường hướng và mục tiêu nhưng cũng có thể là thay đổi ban lãnh đạo. Nguyên vọng thay đổi có thể là của đa số thành viên trong tổ chức nhưng hành động để thay đổi luôn luôn xuất phát từ một thiểu số. Thiểu số này kết hợp với nhau thành một tổ chức đòi áp đặt sự thay đổi.

Về bản chất đây là một động tác ly khai, dù trong hầu hết mọi trường hợp thiểu số này không tự nhận là ly khai. Ban lãnh đạo chống lại bằng cách biện hộ cho đường lối hiện có và đề cao, nếu cần áp dụng, kỷ luật. Trong trường hợp không có thỏa hiệp, phe thua, thường thường là thiểu số đòi thay đổi, hoặc bị khai trừ và tàn lụi dần, hoặc tách ra thành một tổ chức mới nếu đủ mạnh. Như vậy hiện tượng tự tách đòi hỏi hai điều kiện, một là phe đối mới đủ quyết tâm để không chấp nhận những thỏa hiệp có tính xoa dịu, hai là họ đủ mạnh để tồn tại như một tổ chức sau khi ly khai, hoặc bị khai trừ.

Tại Việt Nam, điều lệ "tập trung dân chủ" của đảng cộng sản không cho phép xuất hiện trong đảng một tổ chức đối lập với ban lãnh đạo và hiến pháp độc đảng cũng không cho phép sự hiện diện hợp pháp của một đảng đối lập dân chủ đúng nghĩa. Hiện tượng tự tách nếu thực hiện được có nghĩa là chế độ độc đảng đã cáo chung, hiến pháp hiện tại hết hiệu lực và phải được thay đổi. Còn nếu không sẽ có đàn áp, hay nội chiến. Như vậy sự tự tách của đảng cộng sản nếu xảy ra không nhất thiết là không có nguy cơ dẫn đến khủng hoảng. Ta có nhiều lý do khá vững chắc để tin rằng sẽ không có thảm kịch nội chiến, cùng lắm là một cuộc khủng hoảng nhỏ cho sinh hoạt xã hội nhưng lại là một bước tiến quyết định trong tiến trình dân chủ hóa. Như vậy, kịch bản "tự tách", với điều kiện là được tiến hành một cách thận trọng, có thể chấp nhận được.

Ta càng có lý do để tán thành kịch bản tự tách bởi vì đó là biến chuyển có hiệu quả nhất để đánh bại khuynh hướng độc tài chuyên chính trong đảng cộng sản. Sự chống đối từ bên trong bao giờ cũng có sức tàn phá hơn hẳn so với một công phá từ bên ngoài. Cùng một phát biểu phê phán chính sách của đảng cộng sản, nếu do một người chống

cộng viết ra sẽ bị coi như một đánh phá của kẻ thù và có thể có tác dụng đoàn kết lại các đảng viên cộng sản trong một phản ứng tự vệ ; trái lại nếu do một đảng viên cộng sản, nó tạo cảm nghĩ là đảng đã sai. Nguyễn Hộ, Trần Độ, Bùi Tín, Phạm Quốc Dương gây tác hại cho đảng cộng sản hơn hẳn các tổ chức kêu gọi kháng chiến.

Vậy nếu ta chấp nhận kịch bản tự tách thì phải làm gì để có tự tách ? Như trên đã nói, tự tách không phải là sự kiện một số đảng viên phản đối đường lối của đảng và đòi thay đổi. Những người như vậy sẽ mau chóng bị kỷ luật và khai trừ, tác dụng sẽ chỉ giới hạn. Tự tách là một hành động có tổ chức, những người đòi thay đổi phải kết hợp lại với nhau thành một đảng - có cơ cấu và lãnh đạo - trong đảng cộng sản, phải nhất trí trên những đòi hỏi chung và cũng phải nhất trí trên những diễn tiến của cuộc đấu tranh đòi thay đổi, trên những gì có thể thỏa hiệp và những gì không thể thỏa hiệp, v.v. Một diễn biến như vậy không thể xảy ra trong nội bộ đảng cộng sản, vì chỉ mới manh nha kết hợp để chống đối đã bị triệt tiêu từ trứng nước.

Giải pháp duy nhất là có một kết hợp ở bên ngoài đảng cộng sản, ngoài vòng kiểm soát và đàn áp của đảng, và không bị các đảng viên cộng sản nhìn như một tổ chức thù địch mà như một tổ chức dân chủ chấp nhận được. Tổ chức này, trong giai đoạn hình thành của lực lượng đổi mới trong nội bộ đảng cộng sản, sẽ đảm nhiệm công tác nối kết và đóng vai trò điểm hẹn của những người muốn chuyển hóa đất nước về dân chủ. Các đảng viên cộng sản muốn thay đổi không cần phải kết hợp với nhau ngay trong giai đoạn đầu để bị đàn áp; bày tỏ cảm tình với tổ chức này là dấu hiệu để họ nhận ra nhau. Chỉ khi số lượng của họ đã đông đảo, sự nhận diện đã rõ ràng, đồng thuận đã cao, một số khuôn mặt ngon cơm đã được xây dựng và khả năng bị tiêu diệt để đảng không còn nữa, hậu thuẫn trong xã hội và trong dư luận đã mạnh, thì hiện tượng tự tách mới thực sự bắt đầu. Kịch bản tự tách như vậy không thể tiết kiệm *một tổ chức dân chủ ngoài đảng*. Và tại sao những đảng viên cộng sản muốn dân chủ lại không thể chấp nhận những người ngoài đảng ? Đây không phải là điều có thể có mà còn là điều phải có.

Tóm lại, tự tách là một kịch bản đúng nhưng không thể mong đợi đảng cộng sản tự tách, mà phải vận động để có tự tách và cuộc vận động này đòi hỏi một tổ chức dân chủ mạnh ở ngoài đảng. Chúng ta vẫn trở lại với câu hỏi nhức nhối nhưng không thể tránh né : tại sao sau hơn ba mươi năm đất nước thống nhất dưới chế độ cộng sản, và sau gần hai mươi năm từ ngày phong trào cộng sản thế giới tan vỡ, vẫn chưa có một tổ chức dân chủ có tầm vóc ?

Có nhiều lý do, nhưng ở đây, vì nhu cầu sáng tỏ, tôi chỉ tạm giới hạn trong hai sai lầm cơ bản đã dẫn tới bế tắc. Nếu hai sai lầm này chấm dứt thì cuộc vận động dân chủ sẽ khác hẳn.

Sai lầm cơ bản thứ nhất là về sự hình thành của một tổ chức chính trị, hay một chính đảng. Một chính đảng muốn tồn tại và phát triển bắt buộc phải là sự thể hiện của một tư tưởng, hay triết lý, chính trị. Chấp nhận tự do, dân chủ, nhân quyền, bầu cử tự do, v.v. không đủ để làm nền tảng cho một tổ chức chính trị đúng nghĩa. Phải hiểu và chấp nhận những giá trị dân chủ đến độ chúng trở thành những thành tố của trí óc mình, đến độ mình là một với chúng, ta mới có thể thể hiện chúng trong văn hoá, ngôn ngữ và bối cảnh của đất nước một cách tự nhiên và đúng đắn trong một dự án chính trị, thái độ và hành động mới có sức thuyết phục. Không dễ đối với một con người, càng không dễ đối với một tổ chức, nhưng là điều phải có. Chỉ có quán triệt và thấm nhuần một tư tưởng chính trị, người làm chính trị mới có thể có khả năng bắt buộc của hoạt động chính trị : khả năng để thỏa hiệp mà không chệch hướng. Những người không biết thỏa hiệp không thể làm chính trị. Những người thỏa hiệp để đánh mất mình không xứng đáng để làm chính trị. Một lý tưởng chính trị cần liên tục vượt lên chính mình để có thể tiếp tục là chính mình. Những người và tổ chức chỉ vay mượn một lập trường chính trị không thể theo kịp tiến trình vượt

**Hai sai lầm cơ bản
đã dẫn tới bế tắc.
Nếu hai sai lầm này
chấm dứt thì cuộc
vận động dân chủ
sẽ khác hẳn.**

thoát liên tục này và sớm hay muộn cũng trở lại tình trạng bối rối. Chuyển đổi từ độc tài chuyên chính sang dân chủ đa nguyên là một cuộc cách mạng lớn. Trong lịch sử thế giới chưa hề có trường hợp một cuộc cách mạng thành công nếu không được chuẩn bị trước bởi một tư tưởng chính trị. Nếu muốn nói tới những qui luật lịch sử thì đây là một qui luật, và là một qui luật không có ngoại lệ.

Tư tưởng chính trị cần nhưng chưa đủ. Một điều kiện tối cần thiết khác là một đội ngũ nòng cốt, đội ngũ của những con người hiểu nhau và chia sẻ với nhau ở mức độ thâm tín những giá trị và một lý tưởng chung, của những người hiểu biết, có khả năng và quyết tâm sát cánh với nhau trong một phân công trách nhiệm, một kỷ luật chung và một lãnh đạo chung để đạt mục tiêu. Xây dựng một đội ngũ như vậy là một cuộc hành trình qua sa mạc vô cùng cam go và dài hạn. Mệt mỏi, chán nản, cảm dỗ bỏ cuộc là yếu tố thường trực trong mọi cuộc đấu tranh chính trị. Và sự sàng lọc tự nhiên trong tiến trình phát triển của tổ chức cũng thường xuyên gây ra bất mãn và đổ vỡ. Chưa kể một yếu tố chủ quan là khả năng sinh hoạt trong một tổ chức của các dân tộc chưa có kinh nghiệm dân chủ, đặc biệt là người Việt Nam, rất thấp. Trong cố gắng đào tạo đội ngũ nòng cốt, trái rất ít so với hoa, kết quả rất thấp sản phẩm với kỳ vọng.

Và rồi, dù vượt qua được những thử thách về tư tưởng và đội ngũ nòng cốt, tổ chức nào cũng phải gặp phải vấn đề phương tiện. Xây dựng và kiểm điểm phương tiện tuy không cam go bằng xây dựng cơ sở tư tưởng và đội ngũ nòng cốt cũng vẫn là một nguyên nhân đưa đến bế tắc.

Phải có phương tiện để hành động vì trong chính trị, hoặc người ta có phương tiện để thực hiện chính sách của mình, hoặc người ta sẽ phải thực hiện chính sách của kẻ cung cấp phương tiện.

Những khó khăn trên đây không phải tất cả, nhưng cũng đủ để đưa tới một hậu quả mà chúng ta có thể nhìn thấy dễ dàng nếu chịu quan sát các chính đảng có tầm vóc tại mọi quốc gia : không có tổ chức chính trị có tầm vóc và thực chất nào lại không phải là kết quả của những cố gắng bền bỉ. Chỉ riêng hai công việc xây dựng một dự án chính trị và một đội ngũ cán bộ nòng cốt chừng vài chục người cũng đòi hỏi nhiều thập niên. Có những trường hợp thuận lợi giúp rút ngắn thời gian, nhưng thành lập một tổ chức chính trị đúng nghĩa trong một vài năm là điều không thể có.

Sự thiếu hiểu biết về sự cần thiết của một tổ chức chính trị có tầm vóc và những khó khăn để xây dựng ra nó quá lộ liễu trong sinh hoạt chính trị Việt Nam. Có những người vừa mới nhập cuộc đã thành lập tổ chức. Trong thời gian qua, hàng chục tổ chức đua nhau xuất hiện để rồi tàn lụi đi một cách nhanh chóng. Tất cả đều không có chuẩn bị, phần lớn đều do những người chưa có kinh nghiệm thành lập. Các tuyên ngôn và cương lĩnh đều do những người chưa biết viết cương lĩnh và tuyên ngôn thảo ra, chúng đều dài và chỉ lặp lại những công thức quen thuộc, trong nhiều trường hợp còn sai cả văn phạm lẫn chính tả. Tất cả sau cùng đã chỉ có tác dụng chính là phân tán những chú ý và cố gắng trong một giai đoạn tương đối thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ. Người ta thành lập các tổ chức chỉ vì không hiểu và cũng không chịu tìm hiểu những khó khăn của việc xây dựng một tổ chức chính trị đúng nghĩa. Người ta ủng hộ những sáng kiến đó cũng vì không hiểu thế nào là một tổ chức chính trị đúng nghĩa. Điều rất đáng buồn là có những người đã tham gia hoặc theo dõi hoạt động chính trị trong rất nhiều năm mà vẫn chưa ý thức được rằng xây dựng một tổ chức chính trị bắt buộc phải trải qua hai giai đoạn xây dựng cơ sở tư tưởng và xây dựng đội ngũ nòng cốt. Hai giai đoạn, ngay cả trong những trường hợp thuận lợi nhất, cũng đòi hỏi rất nhiều thời gian.

Tôi cũng đã từng phê phán lối hoạt động chính trị nhân sĩ, tức lối hoạt động chính trị một mình hay trong những nhóm nhỏ một vài người. Lối hoạt động nhân sĩ này chủ yếu là do không nhìn thấy sự cần thiết của tổ chức và những khó khăn trong việc xây dựng một tổ chức chính trị. Nó cũng là một di sản lịch sử : dưới những chế độ ngoại thuộc hoặc chuyên chế mọi cố gắng kết hợp đều bị đàn áp, chỉ còn lại những cá nhân. Từ chỗ không thể tổ chức dần dần chúng ta đã mất giác quan tổ chức, từ chỗ không có tổ chức chúng ta đã đi đến chỗ không hiểu và không thấy cần phải học hỏi về tổ chức. Chúng ta cần nhanh chóng rút ra kết luận rằng các nhân sĩ và các tổ chức được thành lập một cách vội vã chỉ làm mất thì giờ. Mọi yểm trợ phải được dành cho những tổ chức đã có thời gian để chứng tỏ sự nghiêm chỉnh và bền chắc.

Sai lầm cơ bản thứ hai là ở nơi các tổ chức, hầu như mọi

tổ chức. Đó là kịch bản sơ sài và ngây thơ, theo đó một tổ chức chính trị được thành lập, tiếp tục phát triển nhờ cố gắng và những điều kiện thuận lợi, rồi trở thành mạnh và thành công. Thành công được hiểu là giành được chính quyền hoặc ở trong một liên minh cầm quyền. Nói một cách giản dị, đó là kịch bản phát triển một mình. Kịch bản này đã là nguyên nhân của những xảo thuật tranh giành hơn thua, tranh giành ảnh hưởng, đưa đến xung đột và làm tê liệt phe đối lập. Nó cũng rất sai. Tất cả những chính đảng có tầm vóc đều là kết quả của những giải thể và hợp nhất liên tục của nhiều tổ chức cùng mục tiêu và văn hóa chính trị.

Như vậy thành công đối với một tổ chức chưa đủ tầm vóc phải được hiểu là được hợp nhất với nhiều tổ chức cùng lập trường trong một tổ chức lớn hơn, chứ không phải là tiếp tục phát triển một mình và thành công một mình.

Đến đây xin mở một ngoặc đơn để có vài lời về trường hợp Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Nó khởi đầu từ tháng 11-1982, do một số anh em muốn góp phần vào sự nghiệp dân chủ hóa đất nước. Ngay từ đầu, chúng tôi đã nhìn thấy những khó khăn của việc xây dựng một tổ chức và sự sai lầm của kịch bản phát triển một mình vừa được trình bày ở những dòng trên. Sở dĩ chúng tôi lập ra một nhóm thay vì tham gia vào một tổ chức chính trị sẵn có là vì tất cả các tổ chức chính trị lúc đó đều theo đuổi một lập trường rất khác với lập trường mà chúng tôi chia sẻ. Tất cả các tổ chức, dù có thể không nói ra, đều tự định nghĩa như những kết hợp của những người miền Nam không chấp nhận thất bại 30-4-1975. Hầu như tất cả đều đứng dưới lá cờ của chế độ Việt Nam Cộng Hòa và chọn con đường chống đối võ trang. Tổ chức được hưởng ứng mạnh nhất lúc đó, mạnh hơn mọi tổ chức khác cộng lại, là Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam của ông Hoàng Cơ Minh, mà thành tích là những "chiến khu quốc nội".

Lập trường của chúng tôi khác hẳn. Chúng tôi từ chối mọi ràng buộc với chế độ Việt Nam Cộng Hòa cũ, chủ trương một cuộc vận động dân chủ trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc bằng đường lối bất bạo động, vận động sự tham gia của mọi người dân chủ không phân biệt quá khứ chính trị, dù đang ở trong hay ngoài bộ máy đảng và nhà nước cộng sản. Không có tổ chức nào chấp nhận đường lối của chúng tôi cả. Trong trường hợp thuận lợi nhất người ta nói với chúng tôi rằng đó là một lập trường còn quá sớm, chưa nên đưa ra. Chúng tôi không có chọn lựa nào khác là thành lập một tổ chức. Đó là một chọn lựa bất đắc dĩ. Tuy vậy, chúng tôi vẫn để ngỏ cánh cửa cho khả năng hợp nhất với các tổ chức khác. Chúng tôi không đặt tên cho tổ chức, người ta gọi chúng tôi là "nhóm Thông Luận" chỉ vì chúng tôi xuất bản tờ báo *Thông Luận*. Sau này khi lập trường của chúng tôi đã phần nào được chia sẻ, chúng tôi đã nhiều lần cố gắng hợp nhất với một số tổ chức khác với những kết quả khác nhau. Có những cố gắng tưởng như đã thành công cuối cùng cũng không thành. Chỉ đến năm 2000, sau 18 năm hoạt động và do nhu cầu phát triển, chúng tôi mới có danh xưng chính thức. Dù vậy Tập

Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cũng đã là kết quả của sự hội nhập một số tổ chức, và nguyện ước trước mắt của nó vẫn là được hợp nhất với các tổ chức dân chủ khác trong một tổ chức dân chủ lớn hơn.

Có một lần cần cần được làm sáng tỏ. Tại sao hợp nhất các tổ chức thay vì thành lập một liên minh giữa các tổ chức ?

Trong quá khứ ý thức hợp sức thay vì phân tán lực lượng đã được cảm nhận và dưới nhiều danh xưng khác nhau, nhiều liên minh giữa các tổ chức đã được thành lập. Tất cả những liên minh này có một điểm chung : chúng đều thất bại sau khi không làm được gì. Tại sao ?

Lý do thứ nhất là vì vấn đề liên minh chỉ đặt ra giữa những tổ chức đã có tầm vóc. Tất cả các tổ chức đối lập hiện nay còn quá nhỏ để đặt vấn đề liên minh. Vấn đề hiện nay là xây dựng một số tổ chức có tầm vóc trước đã. Liên minh giữa một tổ chức 50 người và một tổ chức 100 người không mạnh bằng một tổ chức 150 người, và một tổ chức 150 người cũng còn quá quá nhỏ so với yêu cầu của cuộc vận động dân chủ. Một liên minh như vậy không giải quyết được gì và do đó không có lý do tồn tại. Nhiều người vẫn chưa ý thức điều này và vẫn có những đề nghị thành lập những liên minh. Trong nhiều trường hợp người ta đẩy sự ngây thơ đến độ đề nghị những liên minh trong đó có cả những thành viên cá nhân!

Lý do thứ hai là, trái với một nhận thức khá thông thường, liên minh là một môi trường phân biệt - và để đưa tới xung đột - chứ không phải là một môi trường hội nhập. Điều này các nghiên cứu cũng như các kinh nghiệm đều đã chứng tỏ. Mỗi tổ chức không nhiều thì ít đều có một căn cước riêng, một văn hóa riêng, một cách tổ chức sinh hoạt riêng. Thành phần xã hội của mỗi tổ chức cũng có thể có những nét đặc thù. Những người lãnh đạo mỗi tổ chức cũng có những tham vọng cho tổ chức của mình và cá nhân mình. Khi sáp lại gần nhau, những khác biệt này rất dễ trở thành những nguyên nhân mâu thuẫn, phản ứng tự vệ thường mạnh hơn ý chí kết hợp sau một thời gian, liên minh nếu kéo dài dễ trở thành một môi trường cạnh tranh và xung đột thay vì hợp tác.

Ngoài ra còn có một ngộ nhận khác là cho rằng một liên minh phải dựa trên nguyên tắc bình đẳng giữa các tổ chức thành viên, với hệ luận tự nhiên của nó là lãnh đạo luân phiên. Một lãnh đạo như thế chẳng lãnh đạo gì cả. Phải hiểu liên minh cũng là một tổ chức và do đó cũng cần một lãnh đạo có thực chất.

Tóm lại liên minh phải được hiểu một cách đúng nghĩa như là một phối hợp giới hạn trong thời gian để thực hiện một số mục tiêu rõ rệt giữa các tổ chức có tầm vóc đã thỏa

thuận với nhau trên một kế hoạch hành động và một lãnh đạo chung. Một thí dụ là khi nguyên tắc dân chủ đã được chấp nhận và một cuộc bầu cử tự do đã được ấn định, các tổ chức dân chủ nên có một liên minh để dừng phân tán lực lượng và giành thắng lợi cho phe dân chủ. Vấn đề trước mắt không phải là vận động cho một liên minh mà là xây dựng một, hay một vài, tổ chức dân chủ có tầm vóc. Vấn đề liên minh chỉ đặt ra sau đó. Do di sản của những ngộ nhận kéo dài trong quá khứ danh từ liên minh đã trở thành quen thuộc. Nếu chúng ta tiếp tục sử dụng nó thì phải hiểu liên minh như một giai đoạn ngắn chuẩn bị cho hợp nhất.

Dù chúng ta chọn lựa kịch bản nào cho giai đoạn quyết định của cuộc vận động dân chủ, đối lập trực diện với đảng cộng sản hay vận động để đảng cộng sản tự vỡ hoặc tự

tách, thì cũng vẫn có những sự thực phải được nhận thức rõ rệt. Không thể giành thắng lợi cho dân chủ nếu không có một tổ chức dân chủ mạnh, và một tổ chức dân chủ mạnh chỉ có thể là thành quả của những cố gắng thông minh và bền bỉ trong nhiều năm, qua nhiều hợp nhất giữa các tổ chức. Các nhân sĩ và các tổ chức thành lập vội vã cần được cảnh giác và thuyết phục thay vì được khuyến khích. Họ đã làm mất nhiều thì giờ và làm lỡ nhiều cơ hội rồi.

Không thể giành thắng lợi cho dân chủ nếu không có một tổ chức dân chủ mạnh, và một tổ chức dân chủ mạnh chỉ có thể là thành quả của những cố gắng thông minh và bền bỉ trong nhiều năm, qua nhiều hợp nhất giữa các tổ chức.

Nhưng không phải vì thế mà chúng ta phải bi quan cho rằng cuộc vận động dân chủ vẫn còn rất xa mục tiêu. Tư tưởng dân chủ tuy vẫn còn phải được tăng cường và bồi bổ nhưng những ý kiến chính đã được trình bày. Cố gắng nghiên cứu không còn quan trọng bằng cố gắng tổ chức và động viên.

Về mặt tổ chức cũng đã có những tổ chức nghiêm túc có kinh nghiệm hoạt động từ nhiều thập niên qua. Chúng ta không cần phải bắt đầu từ số không. Mặt khác, đảng cộng sản đã hoàn toàn mất lý tưởng và đã rất phân hóa. Như một tòa nhà đồ sộ nhưng nền móng và cơ cấu đã mục nát có thể sụp đổ dưới trọng lượng của chính nó hay vì một cơn gió nhẹ, chế độ cộng sản cũng có thể sụp đổ một cách nhanh chóng hơn là người ta dự đoán. Cũng không nên quên rằng bằng cách này hay cách khác, sớm hay muộn, chế độ độc tài đảng trị bắt buộc phải chấm dứt. Cuộc vận động dân chủ nhất định sẽ thành công.

Và nó cũng có thể thành công sớm, nếu chúng ta dừng lặp lại những sai lầm và biết làm những việc cần làm để đáp ứng những nhu cầu của nó. Chúng ta đã bỏ lỡ nhiều cơ hội nhưng chúng ta vẫn còn nhiều cơ hội khác, với điều kiện là chúng ta ý thức được rằng một cơ hội dù thuận lợi đến đâu, thí dụ như khi bức tường Berlin sụp đổ, cũng chỉ là một cơ hội đối với những ai đã chuẩn bị sẵn sàng để khai thác nó.

Nguyễn Gia Kiểng

Cơ hội nào cho Nguyễn Gia Kiểng ?

Nguyễn Ngọc Tấn

Như tựa đề của bài viết, đây là một số suy nghĩ rất chân thật mà tôi đã có về Nguyễn Gia Kiểng. Nhưng trước khi quảng diễn bài này, mong độc giả đừng rơi vào hai điều rất có thể xảy ra : một là nghĩ rằng tôi mỉa mai Nguyễn Gia Kiểng, hai là tôi ton hót nịnh nọt Nguyễn Gia Kiểng. Xin thưa cả hai điều ấy đều không có trong suy nghĩ của tôi. Ở đây tôi chỉ thẳng thắn nói lên điều mình suy nghĩ.

Thời đại này quả thật hiếm có được một nhân vật mà mình có thể nhắc nhở tới một cách trân trọng. Thời đại này quả thật cũng hiếm có được một nhân vật kiện toàn về nhân cách. Nói cách khác, thời đại này chính là thời đại mà chúng ta, loài người, đã hoàn toàn phá sản về nhân cách. Không tìm đâu cho ra một nhân cách ngoạn mục.

Trên bình diện quốc tế, thấp đước đi tìm không làm gì có một quốc gia có chính sách đối ngoại ủng hộ mạnh mẽ các phong trào quật khởi tự do, các cố gắng thực hiện tiến trình dân chủ hóa các chế độ độc tài cộng sản, ngoan cố và bạo ngược. Còn trên bình diện dân tộc thì quả thật "lòng yêu nước" đã di vắng, số người chạy ra nước ngoài trốn tránh chế độ cộng sản tuy rất đông đảo nhưng có thể đếm trên đầu ngón tay những ai quan tâm thực sự đến đất nước. Quan tâm đến đất nước ở đây phải hiểu là quan tâm đến tương lai đất nước chứ không phải làm chỉ ồn ào, gây tiếng vang rồi thôi.

Từ lâu tôi theo dõi rất kỹ nhóm Thông Luận và con người Nguyễn Gia Kiểng. Anh chính là một ngoại lệ của thời đại này. Không những tấm lòng của anh rất lớn mà còn có một trí tuệ tương ứng đi kèm. Anh ưu tư lâu dài và bền bỉ cho Việt Nam và, quan trọng hơn, anh đã cố gắng tìm cho ra một cách nhìn mới về đất nước Việt Nam. Một tấm lòng là rất cần, nhưng điều còn cần hơn là thấy rõ con đường mình phải đi.

Nguyễn Gia Kiểng đã có được cái logic trong lý luận. Anh ưu tư vấn đề một cách sâu sắc. Trong thời đại này không tìm đâu ra một con người để chúng ta có thể kính phục và ngưỡng mộ đến thế, kể cả trên qui mô toàn cầu, Nguyễn Gia Kiểng phải được coi là điểm son của thời đại này. Trước đây trên thế giới đã có hai nhân vật mà tôi cho là ngoại lệ : một là Gorbachev của Nga và hai De Clerk của chính quyền da trắng ở Nam Phi. Hai nhân vật này có một nhân cách bằng vàng.

Trở lại với Nguyễn Gia Kiểng. Anh dấn thân vào hoạt động chính trị không phải vì sở thích hoặc mưu đồ gì mà là vì nghĩa vụ. Cuối cùng anh đã bị nghĩa vụ này khuất phục và say mê trong cái nghĩa vụ này. Bây giờ thì anh không thể lùi bước được nữa, anh phải dấn thân hơn nữa vào con đường đã chọn.

Điều đáng nói là cái quyết tâm của anh và con đường anh mở ra có phải là một cơ may cho đất nước không ? Đây không phải là một câu hỏi mà là một lo âu, bởi lẽ đất nước hiện nay đang do "những bộ mặt hăm tòi" lãnh đạo. Trước mặt họ là một bãi trống đối lập. Phải chờ đến khi nào "đại lộ dân chủ" mới được thiết lập ở Việt Nam ? Nếu trường hợp này có xảy ra, tôi e rằng lúc đó Nguyễn Gia Kiểng không còn nữa, hoặc nếu còn thì cũng "tuổi cao sức yếu".

Tập đoàn cộng sản Việt Nam đã rất khôn ngoan trong việc

bảo vệ quyền lợi của họ. Họ biết rằng về chính nghĩa và về lý luận họ không thể thắng phe dân chủ, chỉ còn lại cái cơ cấu quyền lực mà họ đang nắm trong tay. Kế sách của chế độ cộng sản hiện nay là sử dụng "cỗ máy thời gian" hỗ trợ "bộ máy quyền lực". Lý thuyết này tuy giản dị nhưng rất hiệu lực. Thời gian tuy vô hình nhưng rất hiện hữu, không ai chạy thoát khỏi tiếng gọi của thời gian. Những con người dù tinh hoa tới đâu cũng phải có một ngày vĩnh viễn nằm xuống. Chính quyền cộng sản đã giết không biết bao nhiêu nhân tài của đất nước bằng cách ấy. "Cỗ máy thời gian" quả thật là một đồng minh vô cùng hữu ích với họ.

Chính quyền cộng sản đã sử dụng "cỗ máy thời gian", mà tôi cho là một quỷ kế, như thế nào ? Cũng rất giản dị. Đảng cộng sản luôn luôn có sẵn một đội ngũ cán bộ hùng hậu, mà tôi gọi là "những bộ mặt hăm tòi của đất nước", để thay thế "những bộ mặt hăm tòi" khác từ trung ương đến địa phương. Cứ mỗi lần đảng cộng sản họp đại hội, ban tổ chức đảng cứ tuần tự đưa ra "những bộ mặt hăm tòi" này thay thế "những bộ mặt hăm tòi" kia. Sự thay thế này chỉ là hình thức, kỳ thực nhân sự thay thế đã được sắp đặt từ lâu và chỉ chờ dịp đại hội đảng lần tới để chính thức đảm nhiệm chức vụ mới. Đất nước cứ thế bị "những bộ mặt hăm tòi" này, với những tên tuổi khác nhau nhưng kỳ thực là một, lãnh đạo và kềm chế. Từ sau 1975 đến nay, hết Lê Duẩn, Trường Chinh, Phan Văn Đồng đến Phạm Hùng, Đỗ Mười, Võ Chí Công, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Văn Linh, Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, và ngày nay Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết thay nhau nắm quyền lãnh đạo đất nước.

Cái dã tâm của tập đoàn cộng sản Việt Nam là dùng cái "cỗ máy thời gian" để đè bẹp những khao khát và ước vọng về dân chủ. Liệu những người con xứng đáng nhất của đất nước như Nguyễn Gia Kiểng có thể tồn tại nổi dưới sức đập, sức phá của "cỗ máy thời gian" hay không ?

Nguyễn Gia Kiểng là một con người ưu tú, dĩ nhiên anh hơn về đủ mọi phương diện so với những Đỗ Mười, Nông Đức Mạnh, Trần Đức Lương, Nguyễn Minh Triết, v.v. nhưng tôi e rằng anh sẽ không có cơ hội cầm quyền vào lúc tuổi đời và tài năng sung mãn nhất. Với tâm lý thực dụng, thế giới ngày nay chạy theo lợi nhuận nhiều hơn là lý tưởng. Một chế độ dù độc tài đến đâu nếu có nhiều tài nguyên vẫn được trọng dụng và kính nể, do đó họ càng phải tỏ ra hung bạo để bảo vệ quyền lợi. Nếu đúng như vậy thì chế độ cộng sản tại Việt Nam sẽ bám trụ vĩnh viễn ? Như thế thì liệu cuộc đấu tranh của chúng ta có còn ý nghĩa gì không ?

Trước viễn ảnh đen tối này, tôi thật sự tiếc cho tài năng và tâm huyết của Nguyễn Gia Kiểng. Anh sẽ không có cơ hội để áp dụng sáng kiến chính trị của mình ở Việt Nam. Dã tâm của đảng cộng sản là sẽ không bao giờ mở ngõ cho dân chủ, chỉ trừ phi là có áp lực của thế giới. Mà thế giới, như đã nói, không những không gây áp lực mà còn có những biện pháp hỗ trợ hay nâng đỡ hơn nữa. Tương lai dân chủ cho Việt Nam quả thật là vô cùng mờ mịt và bi đát.

Nguyễn Ngọc Tấn (Philippines)

Một cái nhìn về ngành an ninh tại Việt Nam

Nguyễn Văn Huy

Muốn tìm hiểu bản chất của một chế độ, chỉ cần nhìn cách tổ chức ngành an ninh của chế độ đó thì sẽ thấy rõ. Nếu là một chế độ dân chủ, tổ chức của ngành này phải gọn nhẹ, linh động và ít tốn kém, chính sách an ninh phải được thay đổi thường xuyên để thích ứng với những đòi hỏi của tình hình mới và một thế giới luôn luôn chuyển hóa. Nếu là một chế độ độc tài, tổ chức của ngành này phải rất công kênh, chậm chạp và rất tốn kém, chính sách an ninh rất khó thay đổi hoặc không thể thay đổi vì nó đan xen, chồng chéo, bao trùm và kiểm soát tất cả.

Theo cách nhìn này, tổ chức của ngành an ninh Việt Nam thuộc loại thứ hai. Thật ra chế độ cộng sản Việt Nam cũng không cần che giấu bản chất độc tài đảng trị của mình, nó được ghi ngay trong hiến pháp. Về độc tài, điều 6 xác nhận: "*Quốc hội, hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ*". Để lãnh đạo những định chế đó, điều 4 dành riêng cho đảng cộng sản: "*Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội*".

Một chế độ công an trị

Muốn duy trì một chế độ vừa độc tài vừa đảng trị, guồng máy an ninh tại Việt Nam bắt buộc phải rất đồ sộ và rất hung bạo. Đồ sộ vì nó phải có mặt tại khắp mọi nơi và sẵn sàng ra tay trong bất cứ trường hợp nào. Hung bạo để duy trì sự sợ hãi, và qua sự sợ hãi để giữ vững quyền lãnh đạo. Như mọi chế độ độc tài, ngành an ninh của chính quyền cộng sản Việt Nam là công cụ đắc lực nhất để bảo vệ chế độ, nó được tổ chức rất chặt chẽ và rất bí mật. Nhưng bí mật nào cũng có ngày bị phát giác. Với những tiến bộ về kỹ thuật truyền thông hiện nay, mọi người đều có thể tìm đọc trên Internet lịch sử và cách tổ chức các bộ trong guồng máy chính quyền cộng sản Việt Nam: vi.wikipedia.org.

Theo sự trình bày trên "Bách khoa toàn thư mở Wikipedia", ngành an ninh của chính quyền cộng sản Việt Nam được giới thiệu dưới tên "Bộ công an Việt Nam", trong mục "các bộ và cơ quan ngang bộ thuộc chính phủ Việt Nam". Đây là một "bài cần chú thích nguồn gốc" vì không có ký tên và xuất xứ của tác giả. Mặc dù có sự dè dặt tối thiểu này, những dữ kiện về ngày tháng, địa điểm và tên nhân vật trong bài viết khá chính xác. Chắc hẳn người viết phải là một cán bộ cấp cao trong guồng máy chính quyền cộng sản mới có được những dữ kiện vừa chính xác vừa bí mật này, cũng có thể đây là một tài liệu mà chính quyền cộng sản Việt Nam muốn phổ biến. Nếu người

đưa tài liệu này lên mạng là một thường dân mà bị bắt, tương lai của người đó chắc chắn sẽ không khá, vì sẽ bị kết những bản án tù rất nặng với những tội danh làm gián điệp cho ngoại bang hay phản bội tổ quốc, trước kia có thể lãnh án tử hình.

Nhưng cho dù sự thật có thế nào, đọc qua cách tổ chức của ngành an ninh này, tức Bộ Công An, thì rõ ràng Việt Nam là một chế độ công an trị. Công an trị không có nghĩa là có nhiều công an đứng ở mỗi góc đường để kiểm soát sự đi lại của dân chúng hay làm việc trong những đồn bót địa phương. Trong thực tế, mặc dù mặc đồng phục giống nhau, những cán bộ này trực thuộc các chính quyền địa phương hơn là Bộ Công An. Công an trị là cách thức tổ chức và làm việc trong guồng máy an ninh, không một công dân nào không bị theo dõi, hay không bị lập hồ sơ, kể cả những cán bộ cao cấp trong đảng và nhà nước. Có những hồ sơ chỉ được lập ra rồi cất đó, chờ khi hữu dụng.

Trong một quốc gia (dân chủ) bình thường, ngành an ninh phải trực thuộc hoặc đặt dưới quyền lãnh đạo của Bộ Nội Vụ, nhưng tại Việt Nam Bộ Nội Vụ và Bộ Công An là hai bộ riêng biệt. Tầm vóc và chức năng của hai bộ không ngang nhau.

Bộ Nội Vụ hiện nay chỉ giản dị là một cơ quan hành chánh thực hiện chức năng quản lý của nhà nước về các lãnh vực: tổ chức bộ máy hành chánh nhà nước; tổ chức chính quyền địa phương; địa giới hành chánh; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; các hội đoàn và các tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; dịch vụ công thuộc bộ. Bộ trưởng đương nhiệm là ông Đỗ Quang Trung.

Bộ Công An thì ngược lại, qui mô và tầm vóc hơn. Nó là cơ quan quản lý trực tiếp các lực lượng công an trên toàn quốc. Nó là một trong hai lực lượng vũ trang nhân dân chính của đảng cộng sản: quân đội và công an. Nếu nhiệm vụ của quân đội là "bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ" (điều 45 và 46 hiến pháp 1992), thì lực lượng công an có nhiệm vụ "giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội". Nhưng nhiệm vụ chính của công an là "bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả cách mạng" (điều 45 và 47 hiến pháp 1992). Bạo lực là yếu tố bao trùm trong mọi hoạt động của hai lực lượng này. Cho dù có nguy hiểm tới đâu đi nữa, bản chất của chế độ độc tài, đảng trị này vẫn là bạo lực, mà họ gọi là chuyên chính vô sản.

Bạo lực thể hiện trực tiếp qua chức vụ của những người lãnh đạo, đây là một bộ công an quân sự hóa. Lễ phong quân hàm đầu tiên được tổ chức tại Nhà Hát Lớn Hà Nội cuối năm 1962 cho 200 người. Từ 1987 đến nay, tất cả các bộ trưởng Bộ Công An đều mang quân hàm tướng: Mai Chí Thọ (1987-1991), đại tướng; Bùi Thiện Ngộ (1991-1996), thượng tướng; Lê Minh Hương (1996-2002), thượng tướng

; Lê Hồng Anh (từ 2002), đại tướng. Chỉ một số ít cán bộ dân sự được đồng hóa với cấp bậc quân sự (như trường hợp ông Nguyễn Văn Thắng, giáo sư, được đồng hóa với cấp bậc trung tướng khi được chỉ định làm giám đốc Học viện An ninh Nhân dân, Hà Nội), đại đa số còn lại là sĩ quan công an hoặc được chuyển thăng từ quân đội sang.

Nếu làm một thống kê sơ bộ, Bộ Công An là bộ có nhiều tướng nhất, chỉ sau bộ quốc phòng. Đứng đầu bộ là một đại tướng (Lê Hồng Anh, bộ trưởng), 3 thượng tướng (Nguyễn Khánh Toàn, Lê Thế Tiêm và Nguyễn Văn Hưởng, tất cả đều là thứ trưởng, ủy viên ban chấp hành trung ương đảng cộng sản), 16 trung tướng (4 người vừa là thứ trưởng vừa là ủy viên ban chấp hành trung ương đảng, số còn lại là những tổng cục trưởng và cục trưởng những cục quan trọng nhất), 65 thiếu tướng (đa số là cục trưởng những cục về tình báo, an ninh chiến lược và an ninh nội chính), hơn 70 đại tá (đa số là cục trưởng những cục kỹ thuật), ngoài ra còn có một số thượng tá đảm nhiệm những cơ quan và cơ sở kỹ thuật bình thường của ngành công an.

Tổ chức của Bộ Công An

Bộ Công An có lẽ là bộ có nhiều thứ trưởng cấp tướng nhất : 7 người (3 thượng tướng và 4 trung tướng), trực tiếp cai quản 6 tổng cục (direction générale) và cục (direction), vụ (bureau) trực thuộc bộ. Trong nội bộ của Bộ Công An, sự phân chia theo tầm quan trọng cũng rất rõ ràng : *ngạch an ninh* gần như lãnh đạo tất cả mọi sinh hoạt chính của bộ, trong khi *ngạch cảnh sát* chỉ đảm nhiệm hai cơ sở Tổng cục cảnh sát nhân dân, tức Tổng cục II , và cục quản lý trại giam, cơ sở giáo dục và trường giáo dưỡng (V26).

Về tổ chức, Bộ Công An có 6 tổng cục và một số cục, vụ trực thuộc bộ.

1. Tổng cục An ninh nhân dân, tức Tổng cục I, trước kia là Tổng cục Phản gián, trực thuộc ngạch an ninh. Đây là đơn vị an ninh có tuổi đời cao nhất, được thành lập từ ngày tấn công trụ sở Đại Việt Quốc Dân Đảng ở phố Ôn Như Hầu, Hà Nội, ngày 12-7-1946. Ở cấp trung ương, những cục trực thuộc tổng cục này mang mã hiệu A, ở cấp địa phương (cấp tỉnh) là PA. Tổng cục này, gồm một tổng cục trưởng và 8 phó tổng cục trưởng. Dưới quyền những người này khoảng 40 cục có nhiệm vụ tham mưu (A12), bảo vệ kinh tế (A17), quản lý xuất nhập cảnh (A18), trinh sát ngoại tuyến (A21), kỹ thuật nghiệp vụ I và II (A22, A23), điều tra, hay chấp pháp (A24), bảo vệ văn hóa tư tưởng (A25), hồ sơ nghiệp vụ (A27), chính trị (A28), hậu cần (A29), bảo vệ chính trị I (A35), bảo vệ chính trị II, tức cục chống gián điệp các nước ASEAN (A36), bảo vệ chính trị III, tức cục chống gián điệp các nước Tây Âu (A37), bảo vệ chính trị IV, tức theo dõi địa bàn nông thôn (A38), bảo vệ chính trị Việt (A39), theo dõi các tổ chức tôn giáo (A41), chống khủng bố, theo dõi các tổ chức phản động trong và ngoài nước (A42), an ninh Tây Bắc, an ninh Tây Nguyên, an ninh Tây Nam Bộ...

2. Tổng cục cảnh sát nhân dân, còn gọi là Tổng cục II, trực thuộc ngạch cảnh sát. (Xin đừng lầm với Tổng cục II của Bộ Quốc Phòng, tức Tổng cục tình báo quân đội, vì

Bộ Quốc Phòng cũng có 5 tổng cục : chính trị, kỹ thuật, tình báo, hậu cần và công nghiệp quốc phòng). Tổng cục này được thành lập ngày 20-7-1963, giữa lúc cuộc chiến tại miền Nam bắt đầu bùng phát mạnh, nhằm đưa vào miền Nam một số cán bộ để đào tạo và giữ gìn an ninh tại những vùng vừa mới chiếm. Ở cấp trung ương, mã hiệu của Tổng cục cảnh sát là C, ở cấp địa phương là PC. Tổng cục này cũng có 8 phó tổng cục trưởng, cai quản khoảng 30 cục. Đứng đầu là cục tham mưu (C11), kế đến là những cục chuyên môn như quản lý hành chính và trật tự xã hội (C13), điều tra tội phạm hình sự (C14), điều tra tội phạm kinh tế (C15), cơ quan điều tra (C16), phòng chống ma túy (C17), điều tra tham nhũng (C37), khoa học hình sự (C21), hỗ trợ tư pháp (C22), phòng cháy chữa cháy (C23), giao thông đường thủy (C25), giao thông đường bộ (C26), nghiệp vụ (C27), chính trị (C28), hậu cần (C29), môi trường (C36), huấn luyện chó (C32), Interpol...

3. Tổng cục xây dựng lực lượng công an nhân dân, tức Tổng cục III, thuộc ngạch an ninh, gồm một tổng cục trưởng và ít nhất 5 phó tổng cục trưởng phụ trách khoảng 20 cục. Mã hiệu là X, không có cấp địa phương. Tổng cục này được thành lập ngày 20-6-1981, do nhu cầu đào tạo chính quy gia tăng để cung cấp những cán bộ có trình độ văn hóa trong các thành phố tại miền Nam. Đây là tổng cục đào tạo cán bộ công an cao và trung cấp của Bộ Công An. Trên nguyên tắc, công an nhân dân là một lực lượng bán quân sự nên bên cạnh các trường đào tạo và huấn luyện sĩ quan công an còn có các trường đại học và học viện an ninh nhân dân. Trong một quốc gia (dân chủ) bình thường, những thành phần dân sự ưu tú muốn vào ngành an ninh và cảnh sát phải qua một cuộc thi tuyển (rất khó khăn) mới được đào tạo tiếp thành những cấp lãnh đạo, không làm gì có những trường trung học, đại học hay học viện an ninh, công an, cảnh sát hay phòng cháy chữa cháy. Tổng cục này còn quản lý các công tác chính trị (X15) qua các phương tiện truyền thông như truyền hình (X8), báo chí, trong đó có báo *Công an Nhân dân* và *Đoàn kịch nói nhân dân*.

4. Tổng cục hậu cần, hay Tổng cục IV, thuộc ngạch an ninh, gồm một tổng cục trưởng và ít nhất hai phó tổng cục trưởng quản lý khoảng 20 cơ sở. Mã hiệu là H, không có cấp địa phương. Nhiệm vụ chính của tổng cục này là quản lý các cơ sở hậu cần của Bộ Công An cấp trung ương như trang bị kỹ thuật, y tế, xây dựng cơ bản và doanh trại, kho vận, bệnh viện. Tuy không đông đảo như những tổng cục khác nhưng đây là cục mang lại nhiều quyền lợi nhất cho những người lãnh đạo, vì có liên quan đến vật tư và trang bị kỹ thuật (để bán ra thị trường).

5. Tổng cục tình báo, hay Tổng cục V, thuộc ngạch an ninh. Mã hiệu là B, không có cấp địa phương. Mặc dù không có nhiều quyền lợi bằng những tổng cục khác, tổng cục tình báo là cơ quan cao quý nhất của ngành an ninh, với hơn 50 cơ sở bao gồm các lãnh vực : chính trị, hậu cần, xử lý tình báo, nghiệp vụ, đào tạo... Lãnh đạo tổng cục này đều từ cấp tướng trở lên : tổng cục trưởng là một trung tướng, các phó tổng cục và cục trưởng đều mang quân hàm

thiếu tướng.

6. Tổng cục khoa học kỹ thuật và công nghệ, gọi tắt là Tổng cục kỹ thuật hay Tổng cục VI, thuộc ngạch an ninh với trên dưới 20 cục. Mã hiệu là E, không có cấp địa phương. Tổng cục này có nhiệm vụ giúp đảng ủy công an trung ương và các cấp lãnh đạo của bộ quản lý các mặt khoa học, công nghệ và môi trường, chẳng hạn như nghiên cứu, chế tạo và sản xuất một số vũ khí, phương tiện nghiệp vụ tình báo, điện tử, cơ khí, hóa sinh, tin học (xây dựng tường lửa, kiểm soát internet, phá hoại bằng virus trên mạng)...

Ngoài 6 tổng cục trên, Bộ Công An còn quản lý khoảng 30 cơ quan chuyên biệt, mã hiệu là V, như văn phòng bộ (V11), vụ hợp tác quốc tế (V12), bộ tư lệnh cảnh vệ (V15), khoa học viễn thông tin học (V17), cơ yếu (V18), pháp chế (V19), kế hoạch tài chính (V22), thanh tra (V24), chiến lược khoa học công an (V21), xây dựng phong trào quần chúng (V28), viện lịch sử và viện bảo tàng công an.

Thấy gì qua cách tổ chức này ?

Theo phác họa vừa dẫn, tổ chức của Bộ Công An quả thật công kênh, chồng chéo và phức tạp. Điều này thể hiện qua cách đặt tên cho bộ : công an hay nội vụ ? Từ 1953 đến 1975, bộ này mang tên là Bộ Công An ; từ 1975 đến 1998 đổi thành Bộ Nội Vụ, để rồi từ 1998 trở đi lấy lại tên cũ là Bộ Công An, nhưng bên cạnh đó còn có thêm một Bộ Nội Vụ, không liên quan gì đến Bộ Công An.

Về cách làm việc, Bộ Công An được chia ra làm hai ngạch : an ninh và cảnh sát, đôi khi đối chọi lẫn nhau. An ninh, tức Tổng cục I, kiểm soát gần như tất cả mọi sinh hoạt của xã hội dân sự trong bóng tối, nhất cử nhất động của mỗi công dân đều được ghi nhận. Cảnh sát đảm nhiệm phần nổi ngoài xã hội, trong các công tác giữ gìn an ninh và trật tự công cộng. Nhân viên, cán bộ làm việc trong hai ngạch này ít khi thuận hòa với nhau, vì cán bộ trong ngạch an ninh luôn tự cho mình cao hơn ngạch công an.

Tranh chấp này không phải mới đây, nó đã có ngay từ khi lực lượng công an vừa được thành lập ngày 19-8-1945, qua các tên gọi khác nhau : Sở Liêm Phóng tại miền Bắc, Sở Trinh Sát tại miền Trung và Quốc Gia Tự Vệ Cuộc tại miền Nam, để cuối cùng mang tên Việt Nam công an vụ ngày 21-2-1946, với cấp trung ương là Nha, cấp miền (kỳ) là Sở và cấp tỉnh, thành phố là Ty. Vài năm sau, ngày 31-12-1951, ngạch an ninh chính thức ra đời với tên gọi "ban chấp pháp" (tiền thân của lực lượng an ninh điều tra ngày nay), trực thuộc Ty bảo vệ chính trị của Nha công an trung ương. Từ 1981, sau những tranh chấp nội bộ, Cục chấp pháp được tách ra làm hai, một mang tên Cục an ninh điều tra thuộc Tổng cục an ninh và một mang tên Cục cảnh sát điều tra thuộc Tổng cục cảnh sát.

Sự công kênh, chồng chéo và đối chọi lẫn nhau thể hiện trước hết qua hệ thống hàng dọc, từ trung ương xuống địa phương. Một thí dụ : cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội ở cấp trung ương, gọi tắt là Cục cảnh sát hình sự (C14), ở cấp tỉnh và thành phố là Sở cảnh sát hình sự (PC14), ở cấp huyện cũng có những đơn vị tương ứng, gọi

là đội nhưng không có mã hiệu riêng. Bên cạnh nghiệp vụ điều tra này có rất nhiều nghiệp vụ điều tra khác mà chức năng cũng tương tự như các Cục cảnh sát quản lý kinh tế (C15), Cơ quan cảnh sát điều tra (C16), Cục cảnh sát bài trừ ma túy (C17), Cục cảnh sát điều tra tham nhũng (C37). Chỉ riêng bộ phận điều tra này thôi, số người trực thuộc đã lên đến hàng chục ngàn, trải rộng trên cả nước. Ngạch an ninh cũng không chịu thua. Cứ lấy thí dụ công tác an ninh điều tra, ở cấp trung ương (bộ) nó được gọi là cục an ninh điều tra, ở cấp tỉnh là đội điều tra, cấp huyện là tổ điều tra. Số người được tuyển dụng chỉ để làm công tác điều tra không thôi cũng đã trên vài chục ngàn từ trung ương xuống địa phương.

Về hàng ngang, nếu quan sát kỹ, mỗi tổng cục đều có một số cơ quan có chức năng giống nhau như cục tham mưu, cục chính trị, cục điều tra, cục hậu cần. Điều này cho thấy các lực lượng công an và an ninh không tin tưởng lẫn nhau, do đó mỗi tổng cục phải tuyển dụng riêng những người thân cận để làm cùng một công tác tương tự. Đây là một hình thức lạm dụng quyền thế của mỗi lãnh chúa để đưa người thân vào ngành công an, một phí phạm ngân sách vì một số người không có công tác làm phe phẩy cho cấp trên, mua bán vật tư và chức vụ để ăn hoa hồng.

Về kỹ thuật tổ chức, Bộ Công An Việt Nam hoàn toàn dựa theo mô hình ngành an ninh Liên Xô và các nước cộng sản khác. Những chế độ độc tài toàn trị thường rất nhút nhát, bất cứ ai và bất cứ cái gì cũng có thể làm họ sợ. Mục đích của ngành an ninh trong các chế độ này là kiểm soát tối đa mọi hoạt động của người dân để tự trấn an mình. Bạo lực được dùng để khống chế dân chúng trong nước nhiều hơn là để chống ngoại xâm.

Hiện nay, Tổng cục I, tức Tổng cục phản gián, gần như nắm giữ toàn bộ quyền lực và quyền lợi trong bộ ; để giữ mãi nguồn lợi này, họ khép chặt cánh cửa ra vào và chỉ mở ra cho những thân tín. Nói cách khác, đây là một nhà nước trong một nhà nước. Tất cả những tổng cục khác được thành lập ra chỉ để phục vụ hoặc thi hành chỉ thị của Tổng cục I. Mục đích chính của tổng cục này là bảo vệ chế độ chứ không phải bảo vệ sự an toàn và hạnh phúc của nhân dân ; hai nhiệm vụ sau cùng này thuộc về quân đội và cảnh sát. Không những thế, tổng cục này còn theo dõi cả những người đang ở trong guồng máy đảng, trừ quân đội. Bất cứ ai, trong nội bộ đảng và ngoài xã hội, cũng đều là đối tượng theo dõi của tổng cục này, và một khi bị Tổng cục I này chiếu cố thì "đời hết vui". Quyền lực của Tổng cục này tuy không lộ liễu nhưng áp đảo tất cả.

Vì không còn chiến tranh và hòa bình đã được tái lập, để xác minh sự hiện hữu của mình, mỗi ngành, mỗi đơn vị chức năng của Tổng cục I thường để ra những vụ án giả để lập thành tích. Người ta còn nhớ ngay sau khi vừa tiến chiếm miền Nam, từ 1975 đến 1982, các tổ bảo vệ chính trị thuộc Tổng cục I lập ra rất nhiều tổ chức kháng chiến giả để dụ dỗ và gài bẫy những người nhẹ dạ vô tròng để xử tội, nhiều người đã bị xử bắn. Cũng trong thời gian đó, các tổ bảo vệ kinh tế tổ chức những chuyến buôn lậu dọc biên giới trên đất liền và các cửa biển để gài bắt những

con buôn khờ khạo, rất nhiều người bị tan gia bại sản, một số khác vẫn còn bị giam cho tới ngày nay.

Nhưng từ 1986 đến nay, trước tình trạng phát triển kinh tế xô bồ, những lực lượng bảo vệ kinh tế có cuộc sống rất thoải mái do tham nhũng mang lại. Những đơn vị khác thì rất đói, đặc biệt là các ngành bảo vệ chính trị, văn hóa tư tưởng và tôn giáo thuộc Tổng cục I. Để lập thành tích, họ nhắm vào những nhà đấu tranh dân chủ ôn hòa, những tu sĩ đòi quyền tự do tôn giáo, những sắc tộc thiểu số đòi quyền sống. Trấn áp những con người hiền hòa này an toàn hơn chống những lực lượng tội phạm có vũ trang, những băng đảng xã hội đen hay quân buôn lậu.

Trong suốt thời gian từ 1983 tới nay, nhiều khuôn mặt dân chủ và tôn giáo ôn hòa đã bị kết những án phạt rất nặng về những tội danh mà họ không hề vi phạm hay không hề biết tới : phản bội tổ quốc, gián điệp, phản động, lật đổ nhà nước, khủng bố, lạm dụng các quyền tự do dân chủ, nói xấu nhà nước, xúi giục người ra nước ngoài, v.v. Nhiều người đã bị xử bắn, một số đã chết trong tù. Những người được trả tự do không những bị quản lý hành chính mà còn bị cô lập kinh tế. Tình trạng quấy nhiễu, hăm dọa, làm áp lực (chantage), bắt bớ, giam cầm, đánh đập, thư nặc danh, thư tố cáo, giả mạo chữ ký, giả mạo thư, đầu tố... những người đấu tranh cho dân chủ và đòi quyền sống chưa có dấu hiệu suy giảm.

Những sắc tộc thiểu số cũng không bị bỏ quên. Cuộc xua đuổi người Hoa trong những năm 1979-1980 do Tổng cục I chủ động cùng với sự hợp tác của các đơn vị công an trực thuộc tại các địa phương. Gần đây hơn, những sắc tộc sinh sống trên các vùng sâu và vùng xa đòi quyền sống và tự do tôn giáo cũng bị các lực lượng an ninh thuộc Tổng cục I đàn áp thẳng tay và truy lùng sang tận nước ngoài, như đã từng xảy ra đối với những nhóm người Thượng trên Tây Nguyên, người Hmong vùng Tây Bắc và người Khmer trên đồng bằng sông Cửu Long.

Suy nghĩ về một chính sách an ninh mới

Qua cách tổ chức của Bộ Công An, một người có óc suy luận bình thường phải đặt ra câu hỏi : một quốc gia không có chiến tranh, không bị ngoại bang đe dọa, không có nội chiến, không có nạn khủng bố và cũng không có những cuộc chống đối bạo động, tại sao cần phải duy trì một bộ máy công an kèn cồng và đồ sộ đến thế ? Mà không phải chỉ mới đây, nó đã được duy trì từ hơn 30 năm qua và chắc chắn sẽ còn kéo dài nếu chế độ này không thay đổi.

Câu trả lời phải là : không cần và phải thay đổi và cải tổ cơ cấu của ngành an ninh hiện nay. Sự thay đổi này chắc chắn không do đảng cộng sản thực hiện, không ai đại đột tự treo cổ mình, trừ khi muốn tự tử. Chỉ còn lại những người dân chủ. Chính trong giai đoạn còn ở thế đối lập chúng ta mới có thì giờ đầu tư suy nghĩ vào những vấn đề lớn của đất nước. Giữ gìn an ninh cho quốc gia và cho nhân dân phải là ưu tiên của bất cứ chính quyền có trách nhiệm.

Tại Việt Nam, guồng máy an ninh vì những lý tưởng ngoại lai đã để lại nhiều kỷ niệm đau buồn trong lòng rất nhiều nạn nhân trên cả hai miền. Chính vì thế nó sẽ không

còn chỗ đứng trong một xã hội dân chủ tương lai. Trước khi dự luật hòa giải dân tộc được ban hành, cải tổ lại guồng máy an ninh là một bắt buộc.

Cải tổ đầu tiên là phục hồi chức năng của Bộ Nội Vụ là định chế bảo vệ và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội. Bộ này chỉ cần có ba cơ quan chính là : Tổng cục an ninh, Tổng cục cảnh sát và Tổng cục hành chính, với ba thứ trưởng chịu trách nhiệm từng tổng cục. Tổng cục an ninh có chức năng hợp tác với các cơ quan an ninh quốc tế như Inperpol (Icpo), ngăn ngừa và phòng chống gián điệp nước ngoài, khủng bố quốc tế, rửa tiền bẩn. Tổng cục cảnh sát có nhiệm vụ ngăn ngừa và phòng chống tội phạm hình sự, kinh tế, tham nhũng, ma túy, mafia, buôn người, trật tự giao thông, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường. Tổng cục hành chính phụ trách những chức năng nội bộ còn lại của bộ là đào tạo, nghiên cứu pháp lý, nghiên cứu kỹ thuật, viễn thông, tin học, hậu cần, vận tải, quản lý trại giam. Văn phòng của Bộ Nội Vụ phải gồm những người có trình độ chuyên môn cao. Các trường đại học an ninh hay công an phải chuyển sang dân sự, chỉ lưu lại những trường đào tạo công an và cảnh sát ở cấp thừa hành, các cấp cao hơn phải được tuyển chọn qua các cuộc thi tuyển để sau đó bồi dưỡng nghiệp vụ cao hơn theo từng giai đoạn.

Cải tổ thứ hai là dân sự hóa guồng máy an ninh. Việt Nam không bị đe dọa chiến tranh, không có nội chiến, không có khủng bố và cũng không có những cuộc phản kháng bạo động, do đó không có nhu cầu vũ trang hóa lực lượng công an và an ninh. Những qui chiếu về công an là "lực lượng vũ trang nhân dân" trên hiến pháp cần phải tu chính. Cấp bậc những người lãnh đạo ngành an ninh cũng phải được dân sự hóa như giám đốc, trưởng phòng, v.v.

Cải tổ thứ ba là hiền hòa hóa guồng máy an ninh. Công an phải là bạn dân chứ không phải là người kiểm soát, khống chế nhân dân. Tổng cục I phải bị giải tán, vì nhiệm vụ chính của tổng cục này là bảo vệ chế độ độc tài đảng trị chứ không phải bảo vệ dân chúng. Giữ lại tổng cục này, cho dù có đổi sang tên khác, không mang lại ích gì trong một xã hội tự do, không những thế còn mang tiếng vi phạm nhân quyền. Không cần duy trì những cục an ninh, bảo vệ chính trị trong thành phố, tại nông thôn, nơi cư trú của người sắc tộc và các tổ chức tôn giáo. Riêng công tác phòng chống gián điệp nước ngoài cần được duy trì nhưng có thể chuyển qua Tổng cục II, tức Tổng cục cảnh sát, mà trách nhiệm vụ chính là ngăn ngừa, điều tra tội phạm về hình sự, buôn ma túy, mafia, buôn người, tham nhũng, v.v. Những thành phần ưu tú của Tổng cục I, hoặc trở về đời sống dân sự, hoặc được chuyển sang công tác chuyên môn khác ở ba tổng cục mới.

Giải tỏa được gánh nặng Tổng cục I này, guồng máy an ninh của nước Việt Nam dân chủ tương lai sẽ nhẹ nhàng và linh động hơn, ít tốn kém cho ngân sách và được thế giới tự do kính trọng. Chính sách an ninh trật tự cũng sẽ được cập nhật hóa thường xuyên và trình độ nghiệp vụ của nhân viên trong các ngành chuyên môn cũng sẽ được nâng cấp, ngang tầm với những đồng nghiệp các nước tiên tiến.

Nguyễn Văn Huy

Một bộ sử mới cho Việt Nam

Lê Mạnh Hùng là một mẫu mực của cái đáng được gọi một cách đúng nghĩa là tinh hoa của đất nước, đồng thời cũng là một trường hợp để người ta có thể hỏi : "*Tổ quốc ơi, người đã làm gì với những đứa con ưu tú nhất của người ?*". Sinh năm 1942 tại Hà Nội, di cư vào Nam năm 1954 cùng với gia đình, học trường trung học Võ Tánh Nha Trang, rồi Chu Văn An Sài Gòn. Đậu tú tài một cách xuất sắc năm 18 tuổi và được học bổng đi du học tại Hoa Kỳ. Năm 1965, tốt nghiệp đại học danh tiếng Massachusetts Institute of Technology (MIT), Hoa Kỳ, rồi về nước. Một thanh niên thượng thặng và cũng rất may mắn trên mọi phương diện.

Từ năm 1965 đến 1975, Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ, Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển (IDE Bank) và sau cùng Bộ Kế Hoạch với chức vụ tổng giám đốc. Còn có thể đòi hỏi gì hơn ? Nhất là lại tốt số lọt mắt xanh của một viên ngọc quý hiếm tài sắc và danh giá bậc nhất của miền Nam lúc đó : Phan Lâm Hương, con gái cựu thủ tướng Phan Huy Quát, cựu nữ sinh Gia Long, tốt nghiệp chính trị học tại Harper College, New York năm 1967 và báo chí tại University of Missouri năm 1969, về Việt Nam làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tuần san *Tìm Hiểu*, hợp tác với một số báo tại Sài Gòn trong đó có tờ *Saigon Post*, giảng viên về báo chí viện đại học Đà Lạt, khoa trường khoa báo chí đại học Cửu Long. Chiến thắng cộng sản ngày 30-4-1975 đã đánh một dấu chấm hết đột ngột và tàn nhẫn trên sự nghiệp đầy hứa hẹn này và biến nó thành bi kịch. Lê Mạnh Hùng bị đưa đi cải tạo cho đến năm 1982. Bấy năm tù cho một chuyên gia ngoại hạng chỉ vì tội đã lớn lên tại miền Nam. Lê Mạnh Hùng là trường hợp điển hình cho nỗi oan nghiệt của chế độ Việt Nam Cộng Hòa : trong cái xô bồ của một chế độ tham nhũng và thiếu ý chí nhưng cũng có khá nhiều tự do, nó đã dần dần tạo ra được một đội ngũ thanh niên ưu tú, lương thiện, tài giỏi và yêu nước. Nhưng đúng lúc những tinh hoa này vừa đến ngưỡng cửa quyền lực và sắp có thể thay đổi được tình thế thì cuộc chơi chấm dứt một cách tàn bạo. Họ trở thành những người lưu vong bất đắc dĩ, hay mai một đi trong nước. Đáng tiếc cho họ và cho quê hương. Tám năm sau cùng tại Việt Nam của vợ chồng Lê Mạnh Hùng cũng không khác số phận của các bạn họ : bị trưng dụng làm việc một cách vớ vẩn cho Ủy Ban Khoa Học Nhà Nước trong Chương Trình Nghiên Cứu Phát Triển đồng bằng sông Cửu Long.

Khúc ngoặt bi đát này đã đổi hẳn định hướng của Lê Mạnh Hùng, người chuyên gia lột xác thành một nhà văn hóa. Chính trong lúc ở tù cũng như sau khi trở về để làm việc như một người tù giam lỏng mà Lê Mạnh Hùng bắt đầu muốn tìm hiểu lịch sử Việt Nam và những vấn đề của dân tộc, có lẽ cũng để hiểu những gì đã xảy ra cho chính mình.

Gia đình ông rời Việt Nam sang Úc năm 1990. Hai năm sau cùng với vợ được tuyển dụng vào làm ban Việt Ngữ đài BBC và sang định cư tại Anh (bà Phan Lâm Hương bỏ chức giảng sư đại học Deakin, Melbourne). Năm 1993, trong lúc làm việc tại đài BBC, theo học sử tại trường Đông Phương và Phi Châu học (School of Oriental and African Studies-SOAS), đại học London, tốt nghiệp tiến sĩ sử học năm 2000.

Lê Mạnh Hùng đã viết một cuốn sách bằng tiếng Anh về giai đoạn lịch sử 1940-1945 tại Việt Nam và một số bài bằng tiếng Việt được đánh giá cao. Nhưng, cũng như công việc tại đài BBC, đó không phải là điều quan trọng, Lê Mạnh Hùng đã có một dự án khác cho nửa đời sau của mình : viết lại toàn bộ lịch sử Việt Nam cho tới 1975. Cuốn đầu tiên vừa được Tổ Hợp Miền Đông xuất bản.

Chắc chắn nhiều người sẽ nhận ra rằng đây là lần đầu tiên chúng ta có một bộ sử đúng nghĩa, được viết ra với tất cả say mê bởi một sử gia chuyên nghiệp, có kiến thức uyên bác và khả năng suy nghĩ thượng thặng. Bộ Việt Sử của Lê Mạnh Hùng không phải chỉ kể lại những gì đã xảy ra, nó còn giúp độc giả hiểu tại sao các sự kiện được gọi là những biến cố lịch sử đã xảy ra, và đã xảy ra như thế. Nếu ta nghĩ rằng sự thiếu hiểu biết đúng đắn về lịch sử đã là nguyên nhân của nhiều thảm kịch thì đóng góp của Lê Mạnh Hùng phải được coi là rất lớn. Những ai muốn hiểu biết một cách đúng đắn đất nước không thể không đọc bộ sử này.

Sau cùng, khi thời gian đã làm công việc của nó, nếu những đảo lộn của giai đoạn vừa qua đã khiến Lê Mạnh Hùng nghiên cứu và viết ra bộ sử Việt Nam này thì cũng là một điều rất may cho đất nước, trong nhiều điều rất đáng buồn. Tôi nhiệt thành giới thiệu và gửi gắm bộ sách này.

Nhân dịp ra mắt cuốn đầu tiên, từ tiền sử đến khởi điểm của kỷ nguyên tự chủ với Ngô Quyền, tôi đã đặt cho Lê Mạnh Hùng một số câu hỏi. Sau đây là một vài câu trả lời.

Nguyễn Gia Kiểng

Nguyễn Gia Kiểng : *Tại sao cần có một bộ sử mới ?*

Lê Mạnh Hùng : Cho đến nay có thể nói rằng Việt Nam không có một bộ sử bao quát hết quá khứ của dân tộc. Trong những năm qua nhiều cuốn sách rất hay viết về lịch

sử Việt Nam đã được ra đời cả bằng tiếng Việt lẫn tiếng ngoại quốc. Tuy nhiên đại đa số các cuốn này chỉ viết về một giai đoạn nào, hoặc một vài sự kiện nào đó trong lịch sử Việt Nam mà thôi, chứ không tìm cách bao quát toàn

bộ. Một số sách như của ông Lê Thành Khôi, hoặc của ông Phạm Văn Sơn viết vào trước năm 1975, hoặc của ông Hoàng Cơ Thụy viết sau năm 1975 đã cố gắng bao quát toàn bộ lịch sử nước Việt, nhưng những sách này, theo tôi, được viết ra với những thiên kiến về chính trị mà hiện nay khó có thể chấp nhận được. Ngoài ra, những cuốn này đều thiếu phần về lịch sử cận đại và hiện đại, rất quan trọng đối với những người Việt Nam hiện nay. Tại miền Bắc trong những năm trước 1975 cũng có một số sách về lịch sử Việt Nam như cuốn *Lịch Sử Việt Nam* của ông Đào Duy Anh nhưng những cuốn sách này vì bị bắt buộc phải viết theo quan điểm của chủ nghĩa mác-xít thành ra ngay cả những người Hà Nội hiện nay cũng thấy rằng khó có thể đọc được.

Có lẽ cuốn sử đáng tin cậy nhất và hầu hết chúng ta đều biết đến là cuốn *Việt Nam Sử Lược* của cụ Trần Trọng Kim. Nhưng cuốn sử của cụ Kim từ lúc được viết ra cho đến nay đã trên 80 năm. Trong suốt gần một thế kỷ đó, đã có biết bao nhiêu thay đổi diễn ra cho nước ta. Khi cụ Kim viết cuốn sử này, nước ta còn đang là một thuộc địa của Pháp thành ra khi viết cụ cũng bị những giới hạn vì tình trạng này. Cụ không thể viết đến những cố gắng của những nhà cách mạng Việt Nam để dành lại độc lập chẳng hạn. Ngoài ra cần phải nói thêm rằng cuốn *Việt Nam Sử Lược* của cụ Kim được viết ra như là một cuốn sách giáo khoa cho học sinh trung học chứ không phải là một cuốn sách lịch sử đầy đủ. Đó chính là lý do tại sao cụ Kim đặt tên cho cuốn sách của cụ là *Việt Nam Sử Lược*, có ý nói đây chỉ là một bộ sử có tính cách giản lược chứ không phải đầy đủ.

MUA BÁO	ABONNEMENT
Gia nhập HVNHĐ	Adhésion à VNFraternité
Họ (Nom) :	
Tên (Prénom) :	
Địa chỉ (Adresse) :	
Mã số hành chính (Code postal).....	
Thành phố (Ville) :	
Điện thoại (Tél.) :	
Tôi đăng ký (Je m'inscris) (*) :	
<input type="checkbox"/> mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm)	
<input type="checkbox"/> pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)	
<input type="checkbox"/> gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ	
<input type="checkbox"/> pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité	
(*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trắng nếu KHÔNG	
Cocher pour OUI, en blanc pour NON	
Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : Vietnam Fraternité	
Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France	
Ngày (Date) :	
Chữ ký (Signature).....	

Nhu cầu có một cuốn sử tương đối đầy đủ vì vậy rất lớn, và nhiều người cũng đã dự tính viết một cuốn sử như vậy. Viện Sử Học tại Hà Nội chẳng hạn cũng đã có một dự án xuất bản một bộ *Lịch Sử Việt Nam* từ hai chục năm nay, nhưng theo chỗ tôi biết thì mới ra được cuốn đầu tiên thì ngưng lại. Thành ra tuy rằng với sức học giới hạn tôi cũng muốn đóng góp vào việc bổ khuyết vào cái khiếm khuyết nghiêm trọng đó.

NGK : So với những sách sử về Việt Nam đã xuất bản, bộ sử này có điều gì khác hoặc mới ?

LMH : Tôi đã cố gắng để mang vào trong cuốn sách này tất cả những gì mới được các sử gia Việt Nam và thế giới tìm ra trong vòng hơn bốn mươi năm nay, cả trong lãnh vực tiền sử cũng như là khảo cổ, mà các bộ sử khác vì viết trước nên đã không có. Ngoài ra, tôi cũng cố gắng đặt sử Việt Nam trong bối cảnh chung của Đông Nam Á và thế giới. Trong những bộ sử cũ, quan hệ với bên ngoài và những ảnh hưởng của bên ngoài đến tiến trình phát triển và hình thành của dân tộc Việt Nam hầu như chỉ giới hạn vào Trung Quốc và sau này trong giai đoạn cận đại, thêm ảnh hưởng của các nước Tây phương. Trong khi đó chính sự tương tác giữa Việt Nam và các xã hội khác ở chung quanh đã đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành bản sắc dân tộc của Việt Nam. Và tôi hy vọng rằng đã có thể chứng minh được điểm đó.

Lịch sử là một tiến trình. Một xã hội như xã hội Việt Nam trong quá trình sinh hoạt và phản ứng với những yếu tố bên ngoài đã thay đổi. Thành ra xã hội dân Lạc thời Hùng Vương chẳng hạn không giống với xã hội Đại Việt thời Lý Trần. Và xã hội Đại Việt thời Lý Trần cũng khác hẳn với xã hội Việt Nam triều Nguyễn, trong khi xã hội Việt Nam triều Nguyễn khác hẳn xã hội Việt Nam hiện nay. Và trong những chuyển biến này, nhiều khi những yếu tố bị coi như là xấu ở thế hệ trước lại thành ra những hạt nhân tốt cho thế hệ sau. Một trong những khiếm khuyết của các cuốn sử Việt Nam trước là hầu như chỉ nhắc đến những khía cạnh tích cực chứ không nói đến những khía cạnh tiêu cực của xã hội Việt Nam, hoặc có nhắc đến thì cũng chỉ nhắc đến một cách phác qua. Chúng ta chỉ nhắc đến tinh thần đoàn kết dân tộc chống ngoại xâm của dân ta chẳng hạn như là một chủ đề xuyên suốt trong toàn bộ quá trình lịch sử của dân tộc Việt, nhưng hầu như không bao giờ nhắc đến những kỳ thị và chia rẽ địa phương vốn cũng là một trong những chủ đề khác có mặt hầu như trong toàn bộ quá trình lịch sử này. Tôi hy vọng rằng cuốn sách này có thể nói lên được những điều đó và sẽ giúp độc giả hiểu được rằng nhiều vấn đề của xã hội Việt Nam hiện nay có gốc rễ nằm sâu xa trong lịch sử dân tộc.

NGK : Tên chung của bộ sử này là gì ? Ông đã khởi sự viết bộ sử này từ lúc nào và đã hoàn tất sau thời gian bao lâu ?

LMH : Bộ sử này lấy tên là *Nhìn lại sử Việt* vì tôi muốn nhấn mạnh đến việc nhìn vào lịch sử Việt Nam theo quan điểm mới. Tôi bắt đầu thật sự có ý định viết nó và thu thập tài liệu cho nó từ năm 1995 khi tôi ở Aix en Provence một mùa hè để nghiên cứu cho luận án tiến sĩ. Nhưng viết thì

phải đợi mãi đến năm 2001 khi tôi nhận viết loạt bài về lịch sử Việt Nam có tên là "Tản Mạn Lịch Sử" trên tuần san *Viet Tide* xuất bản tại California. Những bài viết đó giúp tôi có một cái sườn để viết lại thành sách. Có lẽ nhờ vào kỷ luật mỗi tuần phải viết một bài cho nên tôi mới có thể làm được công chuyện dài và khó khăn này. Hiện tôi còn đang tiếp tục viết tiếp những phần sau của bộ sử này mà tôi dự định chấm dứt vào năm 1975. Những bài viết lịch sử của tôi hiện còn đang được đăng hàng tuần trên *Viet Tide*.

NGK : Bộ sử này gồm tổng cộng bao nhiêu quyển, tổng cộng bao nhiêu trang ? Hiện nay mới chỉ có quyển đầu được xuất bản, những quyển khác bao giờ mới tới tay độc giả ?

LMH : Tôi dự trù bộ sử này gồm năm quyển chia ra như sau :

Quyển 1 : Từ thời tiền sử cho đến hết thời Bắc thuộc.

Quyển 2 : Từ Ngô vương Quyền cho đến thời thuộc Minh.

Quyển 3 : Từ Lê Lợi khởi nghĩa đến khi Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ.

Quyển 4 : Thời thuộc Pháp, từ lúc Pháp chiếm Nam Kỳ cho đến 1945.

Quyển 5 : Từ 1945 cho đến 1975.

Tuy nhiên hiện thời vẫn chưa quyết định số quyển có hoàn toàn đúng như vậy không vì những tài liệu, nhất là trong giai đoạn cận và hiện đại rất nhiều, thành ra phần sau, đặc biệt là giai đoạn 1945-1975, có thể sẽ phải chia thành ra một hai quyển. Hiện tôi mới viết đến hết quyển hai và đang hoàn tất quyển số ba. Tôi hy vọng rằng có thể ra mắt quyển hai trong năm nay và quyển ba trong năm tới. Có thể tôi sẽ tách riêng, viết một cuốn về Cách Mạng tháng tám và các đảng phái quốc gia. Cuốn này có thể sẽ viết bằng tiếng Anh vì tôi nghĩ rằng mình cũng cần phải để cho người ngoại quốc biết về những chuyện xảy ra trong giai đoạn này vì cho đến nay, những tài liệu bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp viết về giai đoạn này phần lớn có một cái nhìn thiên lệch.

NGK : Trong những nguồn vật liệu chính được sử dụng (sử liệu, khảo cổ, ngôn ngữ và phong tục) nguồn nào phong phú nhất, nguồn nào đáng tin cậy nhất ? Văn chương qua các thời đại có đóng góp gì cho sự hiểu biết và xét lại lịch sử ?

LMH : Việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam, nhất là lịch sử cổ đại gặp một khó khăn quan trọng nhất là thiếu tài liệu. Thành ra tất cả mọi nguồn tài liệu đều phải được sử dụng để bổ túc và hỗ trợ cho nhau. Tỷ dụ như tất cả những gì viết về Việt Nam trong giai đoạn tiền Bắc thuộc và trong thời Bắc thuộc đều là do các sử gia phương Bắc viết. Và đương nhiên là họ viết theo quan điểm của họ, tức là từ một quan điểm của những kẻ thống trị đến "khai hóa một dân tộc dã man". Những sự kiện mà họ chọn lựa để viết lại cũng xuất phát từ quan điểm đó. Tuy nhiên vì ta không có

những sử liệu do chính người mình viết thành ra phải tìm cách bổ sung những thiên lệch đó bằng những nguồn khác, quan trọng nhất là qua truyền thuyết, thần thoại tức là những ký ức lịch sử được lưu truyền trong nhân dân. Những truyền thuyết, thần thoại đó tuy nhiên cũng cần phải gạt bỏ những tầng lớp mà các thời đại sau thêm vào để chỉ nắm lấy cái cốt lõi lịch sử gốc của nó.

Chúng ta không có một tài liệu nào do chính người đương thời của ta viết. Thành ra ngay cả cái tên Hùng Vương cũng là do các nhà sử gia Trung Quốc viết lại theo ý nghĩ của họ, chứ chúng ta thật sự không biết rằng thời đó, xã hội chúng ta có hay không có vua. Và nếu có thì có phải gọi là Hùng Vương hay không. Trong trường hợp này, ngôn ngữ đóng một vai trò quan trọng để lý giải những cái tên như Hùng Vương, Mê Linh v.v. Ngôn ngữ và phong tục cũng giúp chúng ta có thể xác định được nguồn gốc và những giai đoạn trong tiến trình thành hình của dân tộc. Sự trùng hợp trong một số những phong tục

tập quán của dân Việt với các dân tộc Đông Nam Á khác chẳng hạn (tục ăn trâu, vẽ mình, v.v.) cho thấy dân tộc ta tùy thuộc vào một nền văn minh Đông Nam Á khác hẳn với nền văn minh Trung Quốc. Và nó cũng giải thích một số những đặc thù của lịch sử ta so với các nước khác.

Các khám phá của khảo cổ đóng góp rất nhiều trong việc chứng thực những gì viết ra trong các sử liệu. Đôi khi, tỷ như việc khám phá ra nền văn minh Đông Sơn đã rọi một tia sáng vào những gì mà các sử liệu để trống. Tuy nhiên nếu không dựa vào những sử liệu và những thu thập khác qua ngôn ngữ, phong tục hoặc văn chương, người ta rất dễ bị lầm lẫn, nhất là khi chính các nhà khảo cổ đã có những thiên kiến từ trước. Tỷ như Olov Janse, người khám phá ra nền văn minh Đông Sơn, vì không thể nào nghĩ rằng người dân Việt cổ có thể xây dựng được một nền văn minh như vậy, đã đưa ra lý thuyết rằng nền văn minh này học từ văn minh Halstatt tại Đông Âu dù rằng không có một bằng chứng nào về sự liên hệ giữa hai nơi.

Tuy rằng đóng góp của văn chương vào việc tìm hiểu lịch sử nằm nhiều trong lãnh vực văn hóa xã hội hơn là trong lịch sử chính trị hoặc quân sự, nhưng ngay cả trong lãnh vực này, văn chương, nhất là văn chương hiện thực hoặc văn chương bình dân cũng có những đóng góp. Văn chương phản ảnh xã hội và đóng góp vào việc mang lại sức sống cho lịch sử.

NGK : Đây là một bộ sử được viết bởi một người Việt Nam khi đang ở nước ngoài. Có những khác biệt nào giữa cách viết và nhìn lịch sử giữa miền Nam và miền Bắc trước 1975 và giữa trong nước và ngoài nước từ sau 1975 ?

LMH : Có lẽ điều khác biệt quan trọng nhất trong cách viết và nhìn lịch sử giữa miền Nam và miền Bắc trước năm 1975 là việc các sử gia miền Bắc dù muốn dù không đều bị bắt buộc phải nhìn và giải thích lịch sử không phải chỉ theo quan điểm mácxít-lêninít mà còn theo định hướng



Ông Lê Mạnh Hùng

chính trị vào lúc đó của đảng cầm quyền. Thành ra ta có thể thấy rõ những thay đổi rõ rệt trong việc giải thích một số những sự kiện lịch sử trong những bài viết chỉ cách nhau vài năm vì những thay đổi trong chính sách của đảng. Một trong những thí dụ điển hình về sự kiện này là cách các sử gia miền Bắc viết về vai trò của quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc trong cuộc chiến tranh Việt-Pháp ở thế kỷ 19 tùy theo những thay đổi trong quan hệ Việt-Trung.

Tại miền Nam, vấn đề ý thức hệ không được đặt ra trong việc viết và nhìn lịch sử. Tuy nhiên tại miền Nam, nhất là dưới thời Ngô Đình Diệm cũng có một số điều cấm kỵ, thành ra việc viết và nhìn lịch sử ở miền Nam, nhất là lịch sử cận và hiện đại, cũng có rất nhiều dè dặt.

Sau năm 1975, nhất là từ sau 1986 khi chính quyền trong nước có những thay đổi trong chiều hướng cởi mở hơn, các sử gia miền Bắc đã không còn bị gò bó trong cái gông cùm ý thức hệ cộng sản nữa, thành ra việc viết và nhìn lịch sử cũng đã có nhiều thay đổi. Còn tại bên ngoài, chúng ta cần phải phân biệt giữa những người viết sử bằng tiếng ngoại quốc và những người viết bằng tiếng Việt. Những tác phẩm viết bằng tiếng ngoại quốc có thể nói rằng tất cả đều có giá trị và khách quan, nhưng đôi khi các tác giả này cho thấy một sự tách biệt làm cho người đọc nhiều khi có cảm giác rằng đọc một người ngoại quốc viết về sử Việt Nam hơn là một người Việt. Còn những tác phẩm viết bằng tiếng Việt thì lại bị những vấn đề khác.

NGK : Ông có tham vọng rằng bộ sử này sẽ làm cho sự hiểu biết về lịch sử của người Việt Nam tiến thêm một bước quyết định, sẽ thay đổi cách nhìn của người Việt Nam về đất nước mình và cách hoạt động chính trị của người Việt Nam không ?

LMH : Tôi không dám có tham vọng làm cho sự hiểu biết của người Việt về lịch sử tiến thêm một bước quyết định hoặc làm thay đổi người Việt. Tôi chỉ hy vọng rằng bộ sách này sẽ đóng góp vào trong việc giúp người Việt mình hiểu rõ thêm vào lịch sử nước nhà và nếu nó giúp được họ thay đổi một số cách nhìn về đất nước hoặc thay đổi cách hoạt động thì đó là một điều may mắn thêm nữa.

NGK : Làm chính trị là đóng góp làm ra lịch sử, hay ít nhất cũng là có tham vọng làm ra lịch sử. Một nhận định là cho tới nay những người cầm quyền và những người hoạt động chính trị hiểu biết rất lệch lạc về lịch sử và, ngược lại, những người viết sử thường không tham gia các hoạt động chính trị để hiểu sự tạo thành của sử. Có phải đây là một điều nghịch lý không và cũng là một nguyên nhân cho tình trạng đáng buồn của nước ta không ?

LMH : Thật sự theo tôi nghĩ thì những người cầm quyền và những người hoạt động chính trị đều biết rất nhiều về lịch sử. Hầu hết những nhà cầm quyền và hoạt động chính trị Việt Nam cũng như nước ngoài đều được học về lịch sử. Vấn đề là người ta rút tĩa từ lịch sử ra những bài học như

thế nào. Biết lịch sử một cách thiên lệch còn nguy hiểm hơn là không biết lịch sử nữa. Còn việc những người viết sử thường không tham gia các hoạt động chính trị cũng không hoàn toàn đúng. Cái khó khăn là để có thể viết được một cuốn sử trung thực, ta thường phải đặt mình vào một vị thế khách quan và tách rời ra khỏi những tình cảm đam mê mà nếu muốn thành công về mặt chính trị người ta cần phải có. Vì vậy nhiều nhà viết sử khi tham gia vào chính trị đã thất bại. Tôi đọc cuốn *Hồi Ký Một cơn Gió Bụi* của cụ Trần Trọng Kim và cảm thấy thương cụ rất nhiều. Nếu cụ có cái đam mê của một nhà chính trị thì có lẽ lịch sử Việt Nam đã thay đổi và chúng ta chưa đến nỗi này.

NGK : Thanh niên Việt Nam trong cũng như ngoài nước, nhưng đặc biệt là ngoài nước, có vẻ chỉ hiểu biết một cách rất sơ sài về lịch sử Việt Nam. Tình trạng này có những nguyên nhân và hậu quả nào ?

LMH : Sự kiện thanh niên Việt Nam trong và ngoài nước hiểu biết một cách sơ sài về lịch sử Việt Nam có một nguyên nhân rất đơn giản rằng ta thiếu một bộ sử phổ thông về lịch sử Việt Nam. Chúng ta có những công trình nghiên cứu rất hay và rất chi tiết về những giai đoạn khác trong lịch sử nước nhà, nhưng những công trình nghiên cứu này thường lại chỉ dành cho những người chuyên môn, những nhà sử giá khác đọc chứ không phải để cho quảng đại quần chúng. Sự hiểu biết

sơ sài đó có thể dễ làm cho các thanh niên này bị ảnh hưởng bởi những luận điệu thiên lệch về lịch sử mà những người khác có thể đưa ra để lợi dụng họ.

NGK : Có người bạn nói rằng ông coi bộ sử này là công trình lớn nhất của đời mình, có đúng vậy không ?

LMH : Đúng vậy. Ước vọng của tôi là làm sao hoàn tất được bộ sử này để đóng góp được một cái gì cho đất nước.

NGK : Bà Phan Lâm Hương cũng là một nhà báo, nhà văn và nhà văn hóa lớn, bà Hương đóng vai trò nào trong việc soạn thảo bộ sử này ?

LMH : Bà xã tôi nói bà ấy không có đóng góp gì cho bộ sử này cả. Tuy nhiên tất cả những bài của tôi viết bà ấy đều đọc và phê bình. Cũng nhờ sự khuyến khích đó mà tôi đã có thể kiên nhẫn viết được bộ sử này.



Bà Phan Lâm Hương

Tìm đọc :

Phan Lâm Hương

Cuốn 1 : Từ tiền sử tới tự chủ (278 trang, 18 USD)

Đặt mua sách :

- **Tại Mỹ :** liên lạc với Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông và Cảnh Nam Publishers (E-mail : canhnam@dc.net)

- **Tại châu Âu :** liên lạc thẳng với tác giả. Địa chỉ : Lê Mạnh Hùng - 113 Shaldon Drive, Morden, Surrey SM4 4BQ, United Kingdom.

Giá bán tại châu Âu £ 13 (đã kể tiền gửi).

Cực lực phản đối việc nhà cầm quyền Việt Nam hành hung gây thương tích trầm trọng đối với ông Nguyễn Phương Anh

Hà Nội, ngày 1 tháng 11 năm 2007

Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam chúng tôi nhận được tin tức vào hồi 18 giờ chiều ngày 30-10-2007, ông Nguyễn Phương Anh, một người tranh đấu dân chủ nhân quyền tại Việt Nam, đã bị giới chức địa phương của nhà cầm quyền Việt Nam dùng vũ lực hành hung gây thương tích rất trầm trọng, khi đang cùng một số người bạn đến thăm nhà ông Vi Đức Hồi, một người mới công khai tham gia tranh đấu dân chủ nhân quyền tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Tin tức cho biết hàng chục công an sở tại và những người lạ mặt đã xông vào đánh đập rất dã man ông Nguyễn Phương Anh ngay tại nhà riêng của ông Vi Đức Hồi, gây thương tích đặc biệt nghiêm trọng tại nhiều vị trí trên cơ thể. Theo như lời tường thuật lại của ông Nguyễn Phương Anh thì ông bị đánh rất đau vào mặt, vào đầu khiến ông bị ngất đi, bên mắt trái bị đánh tới mức độ lồi cả ra và chảy dịch làm khả năng nhìn giảm xuống chỉ còn 3/10, bị đá rất mạnh vào bụng, gây thương tích ở vùng cổ, cánh tay, chân, và vùng ngực trái, đổ máu nhiều chỗ trên cơ thể.

Đây không phải là lần đầu tiên nhà cầm quyền Việt Nam có những hành xử vi phạm nhân quyền một cách thô lỗ, thô bạo và vi hiến như vậy. Đây là dấu hiệu cho thấy nhà cầm quyền Việt Nam tiếp tục lún sâu vào những hành xử vi phạm nhân quyền ngày càng trầm trọng, ngày càng nặng nề và với mức độ khốc liệt hơn, điều đó chứng tỏ rằng việc nhà cầm quyền Việt Nam vi phạm nhân quyền một cách hoàn toàn có hệ thống và được chỉ đạo từ trên cấp trung ương xuống địa phương. Điều đó chứng tỏ những hành xử của nhà cầm quyền Việt Nam đối với những người tranh đấu dân chủ tại Việt Nam cũng tương tự như những hành động tàn bạo của chế độ độc tài quân nhân Miến Điện đối với nhân dân Miến Điện.

Chúng tôi xin liệt kê một số trường hợp điển hình khác đã từng bị nhà cầm quyền Việt Nam hành hung khủng bố như dưới đây :

1. Tháng 11-2005, nhà cầm quyền Việt Nam tổ chức hành hung khủng bố ông Hoàng Minh Chính, sau khi từ Mỹ chữa bệnh trở về nước.

2. Ngày 7-4-2006, công an an ninh của nhà cầm quyền Việt Nam đã hành hung, khám xét thô bạo ông Nguyễn Khắc Toàn. Trước đó vào khoảng đầu tháng 3-2006 ông Nguyễn Khắc Toàn và ông Đỗ Nam Hải cũng đã bị hành hung khi hai ông đang xem thư tại một quán dịch vụ internet công cộng tại Hà Nội.

3. Ngày 23-4-2006, luật sư Nguyễn Văn Đài bị công an an ninh của nhà cầm quyền Việt Nam hành hung khi đang trên đường trở về nhà sau khi đến thăm nhà riêng ông Nguyễn Khắc Toàn.

4. Hồi 13 giờ 30 chiều 5-9-2006, mục sư Nguyễn Công Chính bị công an triệu tập làm việc và bị đánh đập trong khi bị thẩm vấn tại Pleiku.

5. Ngày 17-9-2006, mặt vụ cộng sản của phường Thụy Khê, Hà Nội, đã đánh bà dân oan Nguyễn Thị Châu trọng thương, khiến bà phải nằm bệnh viện hơn một tháng để chữa trị.

6. Ngày 18-9-2006, bác sĩ Phạm Hồng Sơn đến thăm ông bà Hoàng Minh Chính. Vừa ra khỏi nhà ông bà Chính lúc 11 giờ 15 phút trưa thì một số công an chặn anh lại, hành hung, bóp cổ, đánh đập anh rất hung bạo. Trong số những người

hành hung anh, có hai công an mặc sắc phục mà anh nhớ được một người tên Phạm Quốc Hùng, cấp úy, số hiệu 005068. Anh này cùng các công an khác áp giải anh về đồn công an phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

7. Chiều ngày 12-10-2006, bà Trần Khải Thanh Thủy bị công an ập đến nhà riêng, hành hung đánh đập, sách nhiễu khủng bố tinh thần, từ 5 giờ chiều đến 8 giờ tối.

8. Ngày 27-10-2006, luật sư Lê Thị Công Nhân, phát ngôn nhân của đảng Thăng Tiến Việt Nam, đang lái xe gắn máy Honda trên đường đến đại lý vé máy bay để nhận lại khoản chi phí mua vé máy bay cho chuyến bay không thành tới Ba Lan, đã bị công an của nhà cầm quyền Việt Nam cố tình hành hung tông xe máy vào xe máy của cô rồi bỏ chạy.

9. Ngày 29-10-2006, bà Dương Thị Xuân, thư ký tòa soạn của tờ báo *Tập san Tự do Dân Chủ* đã bị công an hành hung gây thương tích.

10. Ngày 31-10-2006, nữ luật sư Bùi Kim Thành bị đánh đập, hành hạ dã man vì giúp dân oan khiếu kiện.

11. Ngày 3-11-2007, ông Dương Đại Dương, một dân oan Thái Bình đã bị công an của nhà cầm quyền Việt Nam hành hung đánh đập.

12. Ngày 17-11-2006, khi bác sĩ Phạm Hồng Sơn phản đối việc công an chặn xét một người bạn can đảm đến nhà ông thăm viếng, trung tá Nguyễn Minh Cương thuộc công an A42 ra lệnh cho thuộc cấp nhào vào đánh đập, trói tay, và ném bác sĩ Sơn lên xe chở về đồn.

13. Ngày 15-12-2006, ông Nguyễn Phương Anh bị công an của nhà cầm quyền Việt Nam chặn xe hành hung đánh đập khi ông đang giao thông trên đường.

14. Ngày 17-1-2007, ông Đỗ Nam Hải trên đường về nhà bằng xe máy, đã bị một nhân viên an ninh của nhà cầm quyền Việt Nam cố ý đâm xe máy của anh ta vào xe máy của ông Đỗ Nam Hải.

15. Ngày 3-2-2007, ông Bạch Ngọc Dương bị công an an ninh của nhà cầm quyền Việt Nam hành hung đánh đập ngay tại trụ sở đồn công an phường Bùi Thị Xuân, số 61 phố Tuệ Tĩnh, quận Đống Đa, Hà Nội.

16. Ngày 11-2-2007, ông Bạch Ngọc Dương tiếp tục bị công an an ninh của nhà cầm quyền Việt Nam hành hung đánh đập ngay tại một đoạn phố vắng vẻ tại Hà Nội.

17. Trưa ngày 15-2-2007, linh mục Nguyễn Văn Lý bị hành hung và bị cướp Văn thư Tôn giáo tại Huế.

18. Ngày 15-3-2007, ông Lê Trí Tuệ (thành viên Công Đoàn Độc Lập) đã bị một số công an mặc thường phục đánh đập dã man ở ngay giữa trung tâm thành phố Sài Gòn.

19. Ngày 5-4-2007, các bà Vũ Thúy Hà, Bùi Kim Ngân bị công an an ninh của nhà cầm quyền Việt Nam hành hung khủng bố ngay trước cửa nhà riêng của ông cựu đại sứ Hoa Kỳ Michael Marine tại số 1 phố Tông Đản, Hà Nội.

20. Sáng ngày 5-4-2007, ông Nguyễn Khắc Toàn đến thăm nhà riêng kỹ sư Nguyễn Phương Anh, đã bị công an xông vào giằng co, túm cổ áo ngăn chặn, hành hung sau đó bị đưa về trụ sở công an phường và ra lệnh quản chế ông.

21. Ngày 23-4-2007, bà Vũ Thúy Hà tiếp tục bị công an an ninh của nhà cầm quyền Việt Nam khủng bố.

22. Ngày 9-10-2007, nhà cầm quyền Việt Nam chỉ đạo băng nhóm xã hội đen côn đồ hành hung các dân oan Lưu Thị Thu Trang, Lưu Thị Thu Duyên, Lưu Thị Thu Vân tại Sài Gòn.

23. Ngày 30-10-2007, ông Nguyễn Phương Anh bị công

an ninh của nhà cầm quyền Việt Nam hành hung gây thương tích nghiêm trọng.

Trước những dấu hiệu ngày càng gia tăng vi phạm trầm trọng về mặt nhân quyền của nhà cầm quyền Việt Nam, Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam (CHRV) chúng tôi hết sức bất bình và phẫn nộ với những hành vi thô bạo xâm hại, coi thường người dân của những công an của nhà cầm quyền Việt Nam. Chúng tôi ra bản thông cáo báo chí này để cực lực phản đối và lên án mạnh mẽ các hành vi xâm phạm, đánh đập hành hung gây thương tích nghiêm trọng trên thân thể của những người hoạt động tranh đấu dân chủ ôn hòa tại Việt Nam. Nhà cầm quyền Việt Nam sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước toàn thể người dân trong nước và cộng đồng dư luận văn minh thế giới về những hành vi mang tính chất bạo lực, hủy hoại sức khỏe thân thể con người như vậy, hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm cơ thể con người.

Ủy ban Nhân quyền Việt Nam lên án mạnh mẽ những hành vi mang tính chất khủng bố nhân dân của nhà cầm quyền Việt Nam, đây là những hành vi vi phạm nhân quyền nghiêm trọng, vi phạm pháp luật, là những hành vi vi hiến, không còn phù hợp với các tiêu chuẩn của thế giới văn minh tiến bộ, đi ngược lại với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế. Ủy ban Nhân quyền Việt Nam mạnh mẽ yêu cầu nhà cầm quyền Việt Nam phải chấm dứt những hành vi khủng bố nhân dân như trên, và phải công khai lên tiếng xin lỗi trước công luận, bồi thường danh dự nhân phẩm của những người bị hại.

Chúng tôi xin trích dẫn các điều khoản về quyền con người đã được ghi trong **Hiến Pháp 1992** của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau :

Điều 69 : *Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật.*

Điều 71 : *Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân.*

Điều 72 : *Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ, truy tố, xét xử gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý nghiêm minh.*

Điều 73 : *Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc khám xét chỗ ở, việc bóc mẽ, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện tín của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.*

Các điều luật trên cũng được nhắc lại ở các điều 37, 38 và 46 trong Phần thứ nhất, chương III, Mục 2 (Quyền Nhân Thân) trong **Bộ Luật Dân Sự sửa đổi** được Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14-6-2005 và ở các điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 trong Phần thứ nhất, chương II (Những nguyên tắc cơ bản) của **Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự** được Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26-11-2003.

Tuyên Ngôn Quốc Tế Về Nhân Quyền 1948 được thừa nhận trên toàn thế giới đã khẳng định các quyền con người như sau :

Điều 9 : *Không một ai bị bắt bớ, cầm tù hay lưu đày một cách độc đoán.*

Điều 12 : *Không một ai bị xâm phạm một cách độc đoán về đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, hay thư tín, cũng như bị xúc phạm danh dự hay tiếng tăm của mình. Mọi người đều có quyền được luật pháp bảo vệ, trước những xâm phạm và xúc phạm như vậy.*

Điều 19 : *Mọi người đều có quyền tự do tư duy và ngôn luận. Quyền này bao gồm quyền không bị gây khó khăn vì quan điểm của mình và quyền được tìm kiếm, thu nhận và quảng bá tin tức và ý kiến qua mọi phương tiện truyền thông và qua mọi biên giới.*

Công Ước Quốc Tế Về Các Quyền Dân Sự Và Chính Trị 1966 đã khẳng định các quyền con người như sau :

Điều 17 :

1. *Không ai có thể bị xâm phạm trái phép hay độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xúc phạm trái phép đến danh dự và thanh danh.*

2. *Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy.*

Điều 19 :

1. *Mọi người đều có quyền giữ vững quan niệm mà không bị ai can thiệp.*

2. *Mọi người đều có quyền tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận, và phổ biến mọi tin tức và ý kiến bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩm, dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng mọi phương tiện truyền thông khác, không kể biên giới quốc gia.*

Ủy ban Nhân quyền Việt Nam tiếp tục lên án những vi phạm nhân quyền, lên án hành vi trấn áp, bắt bớ, bỏ tù những người bất đồng chính kiến, tranh đấu dân chủ nhân quyền tại Việt Nam nói trên và yêu cầu nhà cầm quyền Việt Nam phải trả tự do vô điều kiện cho các công dân hoàn toàn vô tội nói trên, chấm dứt ngay những phiên tòa phi pháp, phi lý, phi chính nghĩa, chấm dứt ngay những hành động đàn áp tương tự trong tương lai. Ủy ban Nhân quyền Việt Nam kêu gọi mỗi một người dân Việt Nam trong cũng như ngoài nước hãy là một hạt nhân bảo vệ nhân quyền vì chính tương lai của giống nòi, của dân tộc để Việt Nam để có thể sánh vai được với các quốc gia văn minh tiến bộ trên thế giới. Đồng thời kêu gọi cộng đồng quốc tế lên án những vi phạm nhân quyền của chính quyền cộng sản Việt Nam và lên tiếng bảo vệ cho những người vận động dân chủ, hoạt động tôn giáo và nhân quyền một cách ôn hòa, bất bạo động ở Việt Nam.

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2007.

Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam

Thông cáo báo chí này của Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam sẽ được dịch sang Anh ngữ và chuyển tới các cơ quan tổ chức nhân quyền quốc tế sau:

- Hội Đồng Nhân Quyền Liên Hợp Quốc (UN Human Rights Council)
- Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam tại Thụy Sĩ (Vietnamese League for Human Rights in Switzerland)
- Tổ chức Phóng Viên Không Biên Giới RSF (Reporters Without Borders)
- Tổ Chức Quan Sát Nhân Quyền Quốc Tế (Human Rights Watch)
- Ủy Ban Nhân Quyền Đáng Bảo Thủ Anh Quốc (CHRC - Conservative Party Human Rights Commission)
- Tổ Chức Bảo Vệ Ký Giả CPJ (Committee to Protect Journalists)
- Các thượng nghị sỹ, hạ nghị sỹ trong Quốc Hội Hoa Kỳ ủng hộ dân chủ nhân quyền cho nhân dân Việt Nam
- Các vị dân biểu tiến bộ trong các Quốc Hội tại các quốc gia văn minh trên thế giới ủng hộ dân chủ nhân quyền cho nhân dân Việt Nam
- Các tổ chức đoàn thể tranh đấu dân chủ nhân quyền cho Việt Nam ở trong và ngoài nước

7. Biển trời Nha Trang

Lê Văn Hào

Từ Khánh Hòa tới Nha Trang

Khánh Hòa là một tỉnh giàu có nằm ven biển Nam Trung Bộ với tỉnh lỵ là thành phố Nha Trang tươi đẹp.

Địa hình tỉnh gồm đầy đủ núi đồi, đồng bằng thùy dương, vũng vịnh, bán đảo, đảo biển và ngoài khơi xa là quần đảo Trường Sa, một trong sáu huyện của tỉnh.

Khánh Hòa vừa giàu thắng cảnh : vịnh Văn Phong, vịnh Cam Ranh, mũi Gành, mũi Đại Lãnh và bãi Trũ, hòn Tre, bán đảo hòn Gốm... ; lại giàu thủy sản, hải sản, nông sản, khoáng sản, và ba đặc sản quý : yến sào, kỳ nam, trầm hương.

Với hai sân bay lớn : Nha Trang và Cam Ranh, vại cảng biển lớn nhỏ và năng động, Khánh Hòa đúng là một trung tâm kinh tế ngư, nông, công nghiệp của miền Trung, lại có thêm viên ngọc quý là thành phố Nha Trang.

Nha Trang, một trung tâm văn hóa

Nằm trên Quốc Lộ 1 và đường sắt Xuyên Việt nối liền hai miền Nam-Bắc, Nha Trang cũng là đầu mối của liên tỉnh lộ 21 lên Đà Lạt và Buôn Ma Thuột.

Mang một tên gốc Chăm-pa - tiếng Chăm Aya Tră hay Ea Trăn, nghĩa là con sông có nhiều lau sậy - thành phố Nha Trang, rộng 240 km², nằm trên một vùng "cát trắng dương xanh", dài 7 km dọc bờ biển Đông, gồm nhiều bãi tắm đẹp, với những dải cát trắng phau uốn cong như vành nón bài thơ, nghiêng



theo làn nước xanh thắm vì vu dạt dào sóng gió.

Điều đáng nói hơn cả là bầu trời Nha Trang hầu như quanh năm biếc xanh, bờ biển lúc nào cũng ngập tràn ánh nắng, với độ nhiệt để chịu trung bình 23°C. Mưa Nha Trang cũng ít hơn các nơi khác, với một lượng nước mưa chỉ trên dưới 1.500 mm/năm.

Biển Nha Trang có nhiều hải sản ngon lành từ cá, tôm, cua, mực, ốc nhảy...

tới món sơn hào hải vị tổ yến - Nha Trang lại là nơi có nhiều tổ yến nhất nước. San hô ở đây cũng đẹp hơn những nơi khác, xứng đáng với bàn tay tạo hình khéo léo của người thợ mỹ nghệ ở địa phương.

Phía tây thành phố có những đỉnh núi cao vừa phải - trên dưới 1.000 m - rất hấp dẫn cho những cuộc săn bắt công, trăn, dê rừng, cây hương, cheo cheo...

Từ Nha Trang nhìn ra khơi thấy cả một nhóm đảo đứng chụm vào nhau, gần nhất là Hòn Tre, cạnh thủy cung Trí Nguyên.

Xa hơn chút nữa là những hòn Cau, hòn Nón, hòn Yến... cũng rất xinh tươi.

Từ Nha Trang nếu bạn chịu khó lên đỉnh đèo Cả sẽ được ngắm vũng Rô, mũi Kê Gà... ngoạn mục.

Ngoài thắng cảnh biển, Nha Trang còn có một số di tích lịch sử - văn hóa và địa điểm kinh tế - thương mại làm vừa lòng khách du trong ngoài nước : bến Cá, chợ Đầm, tháp Bà Pô Inư Naga với lễ hội xuân tưng bừng, Viện Hải dương học, thành cổ Diên Khánh có từ thời các chúa Nguyễn, cùng nhiều làng mỹ nghệ (cần ốc biển, sơn mài, thêu ren, đan lát mây tre...).





Tháp Bà Pơ Inư Naga

Nha Trang, một trung tâm du lịch

Do điều kiện khí hậu thuận lợi, mùa du lịch Nha Trang kéo dài hầu như quanh năm. Đến nơi đây nhất thiết phải tham quan :



Tượng nữ thần chạm trổ trên Tháp Bà

- khu du lịch Hòn Chồng ;
- khu du lịch Hòn Tằm ;
- khu du lịch sinh thái Suối Hoa Lan ;
- khu du lịch Dốc Lết ;



Hàng rong trên bãi biển Nha Trang

- khu du lịch Suối khoáng nóng Tháp Bà ;
- khu du lịch Con Sẻ Tre ;
- khu bảo tồn biển Hòn Mun (nằm trong dự án bảo tồn biển đầu tiên ở Việt Nam) ;
- khu du lịch Hòn Ngọc Việt, còn gọi là khu du lịch Bãi Trũ - Đầm Già trên đảo Hòn Tre. Đây là bãi tắm tự nhiên vào loại lý tưởng và đẹp nhất của Khánh Hòa nhờ độ tinh khiết của nước biển, bờ cát và môi trường chung quanh. Bãi tắm này rất đặc sắc vì hướng về đất liền, phía sau là Hòn Tre như bức tường thành sừng sững ngăn sóng gió đại dương. Cảnh bãi tắm có một xóm chài nhỏ dưới chân núi,



Thống cảnh Thủy Cung Trí Nguyên

khách du trong ngoài nước có thể đến đây tìm hiểu phong tục làng chài, thưởng thức hoa quả tươi, đặc biệt là nước dừa Hòn Tre ngọt lịm.

Những ai quan tâm đến lễ hội của vùng đất này, có thể tham dự :

- lễ hội đền Hùng (10-3 lịch âm) tại đền đức quốc tổ Hùng Vương ;
- lễ hội Am Chúa (1-3 lịch âm) tại am thờ nữ thần Pơ Inư Naga trên sườn núi Đại An, tức núi Chúa ;
- lễ hội Cầu Ngư do Đội Bả Trạo Nha Trang cử hành vào tháng 3 và tháng 7 lịch âm ;



Hải sản vùng biển Nha Trang

- và cuối cùng là lễ hội Tháp Bà, lễ hội lớn nhất của thành phố Nha Trang tôn vinh Bà Mẹ Xứ Sở gốc Chăm-pa, từ 20 đến 23-3- lịch âm, tại khu di tích Tháp Bà.

Ở vùng đất này, người dân Khánh Hòa cần cù, tài hoa, giàu khả năng sáng tạo, đã tổ ra xứng đáng với những ân huệ của thiên nhiên, bên cạnh những thành tựu nghệ thuật ẩm thực đáng giá như : gỏi cá Cam Ranh, bò nướng Lạc Cảnh, nem chua Ninh Hòa, bún lá cá dầm, nước mắm Bình Tân, mắm cá thu Bà Tô (Nha Trang)...

Lê Văn Hảo (Paris)

Thế giới khốn đốn vì SUBPRIME

"Subprime" là một từ ngân hàng mới xuất hiện từ gần đây. Có thể dịch là "giá hạ".

Nội dung sơ lược của nó như sau : ngân hàng cho tư nhân vay tiền để mua nhà một cách dễ dãi, không đòi hỏi

những tiêu chuẩn bình thường về lợi tức, sự bền chắc của công việc làm, mức độ mắc nợ, v.v. Những người vay tiền nhiều theo công thức subprime thường là những người lợi tức không đủ, hoặc đã nợ nần khá nhiều ; nói cách khác, khả năng trả nợ đáng ngờ vực. Ngân hàng cho vay bằng cách buộc họ thế chấp căn nhà vừa mua. Để khuyến khích họ vay, trong thời gian đầu, thường thường là hai năm, số tiền phải trả hàng tháng khá thấp, sau đó mới tăng lên. Đây là thời gian ân huệ để người vay chuẩn bị đương đầu với gánh nặng nợ nần thực sự.

Tại sao ngân hàng lại cho vay liều lĩnh như vậy ? Đó là vì những người không thể vay một cách bình thường này chấp nhận trả lãi suất và hoa hồng cao. Nói cách khác , vì nghèo mà phải trả giá cao hơn. Subprime chỉ là "giá hạ" trong thời gian đầu, sau đó là giá cắt cổ.

Ngân hàng nào cho vay theo công thức này ? Dĩ nhiên không thể là những ngân hàng lớn có tiếng là đứng đắn, mà là những nhiều nhỏ làm ăn mạo hiểm. Tuy vậy trong thời gian qua, do tình trạng kinh tế tăng trưởng liên tục trong nhiều năm, người Mỹ giàu lên và có khuynh hướng mua nhà mới rộng lớn và sang trọng hơn, dần dần xuất hiện một phong trào đua nhau mua nhà. Một căn nhà lớn đồng nghĩa với thể diện. Số lượng người muốn vay tiền mua nhà nhưng không đủ tiêu chuẩn vay tiền rất lớn và là cả một thị trường béo bở. Các ngân hàng lớn khai thác thị trường này bằng cách cho các ngân hàng nhỏ vay tiền để cho vay, có khi họ còn lập ra những ngân hàng nhỏ để cho vay theo công thức subprime. Hệ thống cho vay chông chéo giữa ngân hàng và ngân hàng không chỉ giới hạn tại Mỹ mà còn mở rộng sang các quốc gia phương Tây khác.

Đến khi kinh tế Mỹ khựng lại, những người vay tiền liều lĩnh không kiếm ra tiền để trả nợ nữa, số nhà bị tịch thu để bán đấu giá lên cao, giá nhà xuống thấp. Số nhà rao bán quá nhiều thì ngành xây cất cũng khựng lại, kéo theo nhiều ngành nghề khác. (Khi ngành xây cất đi lên thì tất cả đều lên, khi nó đi xuống thì tất cả cùng xuống theo vì xây cất lôi kéo theo rất nhiều hoạt động nghề nghiệp khác). Một nghiên cứu cho biết số nhà bị sai áp để bán đấu giá có thể lên tới hai triệu.

Cháy nhà ra mặt chuột. Khi một số ngân hàng nhỏ bị phá sản, người ta mới khám phá rằng tiền cho vay của các ngân hàng này đều là tiền của các ngân hàng lớn. Đến lượt ngành ngân hàng khủng hoảng. Mà ngân hàng là thần kinh của kinh tế tư bản. Toàn bộ sinh hoạt kinh tế thế giới bị thiệt hại nặng.

Subprime sau cùng phải được hiểu là "giá đất", cho cách làm ăn cẩu thả.

ARCHE DE ZOÉ : từ thiện lão lếu

Ngày 25-10-2007, một phi cơ hành khách của công ty hàng không Espana đã được điều động đến phi trường N'Djamena, Chad, để chở 103 trẻ em về Pháp. Các em bé này là những trẻ em bị

thương và mất cha mẹ trong cuộc nội chiến thảm khốc ở darfur, thuộc Sudan, gần đó. Đây là một hoạt động của hội từ thiện Arche de Zoé của Pháp.

Tuy nhiên, khi máy bay sắp cất cánh thì cảnh sát Chad ập đến, bắt tất cả sáu nhân viên của hội từ thiện Arche de Zoé, toàn bộ phi hành đoàn và ba ký giả. Tất cả đều bị tống giam.

Nội vụ đã bị tố giác từ trước. Các trẻ em này không hề bị thương, những băng bó trên cơ thể các em đều là giả mạo. Các em bé này cũng chưa chắc đã là cô nhi và đã đến từ Darfur. Các ký giả và phi hành đoàn, sau hai tuần lễ giam giữ, đã được phóng thích. Sáu nhân viên hội từ thiện chủ mưu vụ này vẫn còn bị giam giữ để điều tra và giải tòa.

Những người bên vực hội từ thiện Arche de Zoé giải thích rằng hội này đã giả tạo ra vụ cô nhi để đánh động dư luận thế giới về thảm kịch Darfur. Dù có đúng là có ý tốt như vậy thì cũng là một hành động lão lếu vì nó gây ngờ vực cho hàng trăm tổ chức nhân đạo và từ thiện khác đang làm việc trong những điều kiện hiểm nghèo tại đây.

DẦU LỬA LEO THANG

Giá dầu lửa trong đầu tháng 11-2007 đã lên sát tới mức 100 USD/thùng. Các kỷ lục về lên giá liên tục kế tiếp nhau. Có mọi triển vọng giá dầu sẽ lên tới mức 100 USD/thùng trong những ngày sắp tới trước khi tăng cao hơn

Tiên đoán giá dầu là một mạo hiểm mà ít chuyên gia nào dám làm. Dầu là nhu yếu phẩm trong mọi quốc gia và do đó những biến động trong mỗi quốc gia đều không nhiều thì ít có ảnh hưởng trên giá dầu. Tuy vậy người ta vẫn có thể nhận xét một điều là những biến cố nhỏ và giới hạn trong một vài vùng sản xuất dầu thô, như một cơn bão ở vịnh Mexico, một sự gia tăng căng thẳng nhất thời giữa Iran và các nước phương Tây, một vụ khủng bố tại một nước sản xuất dầu liền lập tức làm giá dầu tăng lên. Lý do là vì khả năng sản xuất dầu của các công ty đều đã được sử dụng tối đa và các công ty này không chịu đầu tư thêm vào thiết bị sản xuất. Họ có lý do chính đáng : những đầu tư này rất tốn kém và sẽ không dùng được lâu. Thế giới đang chuyển hướng sang những nguồn năng lượng khác với dầu lửa : nguyên tử, mặt trời, gió, dầu thực vật, thủy điện, v.v., chưa kể các biện pháp tiết kiệm nhân liệu.

Nói chung thế giới đã ở giai đoạn giao thời, nhu cầu năng lượng gia tăng, các nguồn năng lượng mới đang được chuẩn bị nhưng chưa sẵn sàng, dầu mỏ sẽ dần dần mất đi vai trò nguồn năng lượng chính yếu. Do đó người ta không còn đầu tư vào các thiết bị khai thác, nhưng hiện thời nhu cầu dầu lửa vẫn gia tăng với sự tăng trưởng kinh tế của

nhiều quốc gia. Mặt khác, việc giá dầu gia tăng còn là lý do khiến chính sách đầu tư vào các nguồn năng lượng thay thế được kích thích.

Ngoài ra còn có một lý do khác : Hoa Kỳ không bị thiệt hại. Giá dầu gia tăng khiến việc đồng đô la xuống giá được mọi quốc gia nhìn như một lối thoát. Nhưng đồng đô la xuống giá cũng có nghĩa là món nợ khổng lồ của Hoa Kỳ sút giảm và hàng hóa xuất cảng của Hoa Kỳ dễ bán hơn.

Bao giờ giai đoạn giao thời này mới chấm dứt còn là một dấu hỏi lớn. Năm năm hay mười năm ?

GHPGVNTN bị khủng hoảng nặng

Những trục trặc mà người ta lo ngại trong nội bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) từ cuối năm 1999, sau dự án không thành của tuyên ngôn đòi tự do báo chí của bốn tôn giáo : Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, rồi sự vắng mặt của thượng tọa Tuệ Sỹ trong mọi cơ chế của giáo hội, cuối cùng đã bùng nổ.

Ngày 8-9-2007, hòa thượng Huyền Quang tăng thống GHPGVNTN, ra giáo chỉ số 9, thay thế và hủy bỏ quyết định số 27 để tái lập lại các cơ chế dựa trên quyết định này. Thay đổi cơ chế là điều bình thường trong mọi tổ chức, kể cả các giáo hội, nhưng điều nghiêm trọng là hòa thượng Huyền Quang đã nói lên tình trạng nguy kịch của GHPGVNTN và trình bày giáo chỉ số 9 như một biện pháp cứu nguy thay vì một cải tổ cơ cấu.

Giáo chỉ số 9 tố giác "*một số chư tăng, Phật tử bỏ con đường chánh pháp, đem thân phục vụ thế quyền làm biến tướng Bát Chánh Đạo và làm nghiêng ngả Giáo Hội*". Giáo chỉ cũng khẳng định rằng một số "phần tử cơ hội trong cộng đồng Phật giáo hải ngoại" đang âm mưu đánh phá Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Trong giáo chỉ của một tôn giáo, những lời lẽ như vậy phải được hiểu là rất trầm trọng. Hòa thượng Tâm Châu, thượng thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới (một giáo hội Phật giáo ở hải ngoại nhưng thân cận với GHPGVNTN), trong một văn thư, đã bày tỏ sự kinh ngạc khi đọc giáo chỉ này.

Cùng ngày 8-9-2007, hòa thượng Thiên Hạnh, chánh thư ký Viện Tăng Thống, gửi một "*bản phúc trình Phật sự*" cho hòa thượng Quảng Độ, viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN. Bản phúc trình này, sau khi mô tả các biện pháp đàn áp đang diễn ra của chính quyền cộng sản, còn nói rõ hơn là một số tăng sĩ và Phật tử tại Úc và Hoa Kỳ đang vận động ly khai với GHPGVNTN.

Phúc trình này nêu đích danh hai ông Trần Quang Thuận và Bùi Ngọc Đường như là hai người đánh phá GHPGVNTN. Ông Thuận chê trách hòa thượng Quảng Độ, còn ông Đường chê cả hòa thượng Quảng Độ lẫn GHPGVNTN. Hòa thượng Thiên Hạnh còn nói thêm rằng ông Đường đã khuyên chính ông (hòa thượng Thiên Hạnh) nên từ chức khỏi GHPGVNTN.

Bản phúc trình sau đó nêu đích danh Nhóm Thân Hữu Già Lam với khoảng 40 tu sĩ, cư sĩ, tu sĩ xuất, đứng đầu là thượng tọa Tuệ Sỹ và ông Lê Mạnh Thát, đã "*quay lưng*

lại với Giáo Hội và vận động người khác chống lại Giáo Hội" vì "*một vài ý kiến bất đồng nào đó*".

Bản phúc trình kết luận bằng cách yêu cầu Viện Hóa Đạo (tương đương với ban chấp hành của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất) lập lại yêu cầu kỷ cương sinh hoạt tổ chức cho giáo hội, tạo điều kiện để những phần tử chao đảo ra khỏi giáo hội, ngược lại yêu cầu các tăng sĩ trung kiên đã cao tuổi và định về hưu nên ở lại để bảo vệ giáo hội. Bản phúc trình này quả thực vừa là một tố giác đích danh gay gắt vừa mô tả tình trạng nguy ngập của GHPGVNTN.

Tiếp theo đó, ngày 25-9-2007, đến lượt hòa thượng Quảng Độ, viện trưởng Viện Hóa Đạo, ra "*thông bạch hướng dẫn thi hành Giáo chỉ số 9 của Đức Tăng Thống*".

Trong thông bạch này, hòa thượng Quảng Độ ủy nhiệm cho Văn Phòng II Viện Hóa Đạo vai trò đại diện duy nhất của GHPGVNTN tại hải ngoại với nhiệm vụ xây dựng lại giáo hội tại hải ngoại. Ông cũng giải tán toàn bộ các GHPGVNTN tại hải ngoại để lập lại cơ chế mới trong đó chỉ còn một GHPGVNTN hải ngoại với hai bộ phận : một tại Hoa Kỳ và một tại Úc, Tân Tây Lan, Châu Âu và Canada. Cơ chế này có lẽ chỉ nhằm đáp ứng một nhu cầu tổ chức nhất thời dựa trên tình hình nhân sự hiện nay của GHPGVNTN hơn là một phương án cải tiến cơ cấu.

Nhưng hòa thượng Quảng Độ ở trong nước và, hơn thế nữa, đang bị cô lập trong chùa Thanh Minh làm sao có thể nắm vững tình hình của GHPGVNTN và quyết định những gì cần làm cho giáo hội tại hải ngoại một cách chi tiết như vậy ? Câu hỏi khó trả lời và gây hoang mang.

Đầu tháng 11-2007, Văn Phòng II của Viện Hóa Đạo đã họp đại hội và bầu lại một ban điều hành do hòa thượng Giác Đức làm chủ tịch và hòa thượng Viên Lý làm tổng thư ký. Nhưng Văn Phòng II Viện Hóa Đạo sẽ giải quyết được gì ?

Không ai - từ hòa thượng tăng thống Huyền Quang, hòa thượng Quảng Độ, hòa thượng Thiên Hạnh, Văn Phòng Ấ Viện Hóa Đạo và mọi người dù có cảm tình hay không với GHPGVNTN - chối cãi rằng tình trạng GHPGVNTN đang nguy kịch hơn bao giờ hết.

Có lối thoát nào không ? Khối Phật tử ủng hộ GHPGVNTN và mọi người dân chủ đều mong muốn là có, nhưng phải nhìn nhận là rất khó. Một mặt, lần này, chính quyền cộng sản đã ra tay một cách rất khôn ngoan. Họ chỉ tập trung đánh chết GHPGVNTN thôi trong khi không động tới các tôn giáo khác. Hơn thế nữa, họ lại còn môn trớn các Phật tử bằng nhiều thủ đoạn : xây chùa rất lớn ở Bình Dương, cho thiền sư Nhất Hạnh về nước giảng đạo, giúp ông Lê Mạnh Thát tổ chức hội thảo quốc tế về Phật giáo. Họ sẵn sàng làm những nhượng bộ nhất thời để nhờ cho bằng được cái gai Quảng Độ. Nhiều người rất dễ rơi vào cạm bẫy này.

Mặt khác, không phải tất cả những người Phật tử tốt đều đoàn kết sau lưng hai hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ. Trong những trao đổi riêng, rất nhiều người ái mộ hai vị cao tăng này ngờ vực rằng hai vị đã bị ông Võ Văn Ái giật dây. Theo họ, những lời lẽ nặng nề trong Giáo

chỉ số 9 của hòa thượng Huyền Quang, bản phúc trình của hòa thượng Thiên Hạnh và thông bạch của hòa thượng Quảng Độ không thể xuất phát từ hai vị hòa thượng này.

Sự sống còn của GHPGVNTN đang là dấu hỏi trong lúc này. Nó sẽ ra sao khi hai hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ không còn nữa ?

Không nên để cho cây che khuất rừng, những chi tiết làm quên đi điều cốt lõi. Dù nghĩ gì về lời lẽ và văn phong của các văn thư của các văn thư gần đây của GHPGVNTN, về vai trò và con người của ông Võ Văn Ái, GHPGVNTN là một giáo hội chính đáng và đứng đắn đang bị tấn công một cách nham hiểm và cần được bảo vệ. Huyền Quang và Quảng Độ là hai vị lãnh đạo tinh thần đáng tôn kính và phải được hỗ trợ không điều kiện trong lúc này.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH bị đánh

Ngày 30-10-2007, Nguyễn Phương Anh - thành viên ban biên tập bán nguyệt san *Tổ Quốc* và là một trong những khuôn mặt trẻ năng động nhất trong nước hiện nay - cùng ba người bạn trẻ có việc lên Lạng Sơn. Nhân thể họ đến huyện Hữu Lũng thăm ông Vi Đức Hồi, cựu huyện ủy viên thường vụ đảng cộng sản và giám đốc trường đảng của huyện, đã bị khai trừ sau khi bị phát hiện tham gia vận động dân chủ.

Khi họ vừa vào nhà ông Vi Đức Hồi thì một toán công an xông vào hạch hỏi, lấy cớ là "nhân dân tố cáo" là trên đường đi xe của họ đã gây tai nạn, yêu cầu Nguyễn Phương Anh theo họ về đồn công an để điều tra. Qua sắc mặt và thái độ của toán công an này, Nguyễn Phương Anh biết là họ bịa ra lý do để dẫn mình về đồn công an làm chuyện côn đồ nên không chịu đi và cố gắng giảng giải cho họ hay là mình không hề gây tai nạn nào cả. Toán công an chuyển qua hạch hỏi về giấy tạm trú, Nguyễn Phương Anh trả lời là chỉ đến thăm chứ không có ý định ở lại nên, theo luật, không cần thủ tục tạm trú.

Lúc đó một đám đầu gấu đã tụ tập trước nhà với cung cách hung hăng. (Đầu gấu là danh từ người trong nước dùng để chỉ bọn lưu manh, đâm thuê, chém mướn). Một tên anh chị trong bọn đầu gấu này bất chợt xông vào nhà đâm đá túi bụi vào người Nguyễn Phương Anh. Hai tên khác xông vào, cùng với hai công an mặc sắc phục đang thăm vấn Nguyễn Phương Anh, cũng đột ngột đổi thái độ từ công an biến thành côn đồ, đâm đá Nguyễn Phương Anh. Cả bọn đẩy Nguyễn Phương Anh ra ngoài sân. Hai công an mặc sắc phục khác khóa tay nạn nhân lại để phối mặt, ngực và bụng cho hai đồng nghiệp và bọn đầu gấu mặc tình đâm đá Nguyễn Phương Anh cho đến ngất xỉu, sau đó chúng quăng lên xe chở về đồn. Khi Nguyễn Phương Anh tỉnh dậy, công an huyện nhào tới chửi bới và đánh thêm một trận nữa. Sáng hôm sau, khi Nguyễn Phương Anh vừa đứng dậy được họ cho về, không lập biên bản gì cả.

Dùng bọn đầu gấu để đánh những người dân chủ là một phát minh mới có từ vài năm gần đây của chế độ cộng sản Việt Nam. Trong phiên tòa xử Nguyễn Vũ Bình ngày 31-12-2003, công an đã dùng bọn đầu gấu đánh những bà chị

của Nguyễn Vũ Bình và nhiều thân hữu khác tới trước tòa để bày tỏ cảm tình với Nguyễn Vũ Bình. Khi ông Hoàng Minh Chính về nước sau chuyến sang Hoa Kỳ trị bệnh, công an cũng đã huy động mấy chục tên đầu gấu tới nhà chửi bới, xô đẩy ông và đánh thân nhân ông. Trần Khải Thanh Thủy cũng đã từng bị công an dẫn bọn đầu gấu tới xông vào nhà hành hung và đập phá.

Điểm khác biệt là lần này sự dã man đã được đẩy quá xa. Nguyễn Phương Anh bị trọng thương. Các nhà dân chủ có uy tín trong nước đã ký chung một tuyên ngôn lên án vụ bạo hành này. Bao giờ thì những hành động thô bỉ này mới chấm dứt ?

Báo NGƯỜI VIỆT chuyển giao thế hệ

Một nguồn tin đáng tin cậy cho biết là tổ hợp báo chí Người Việt sắp đổi thành phần cổ đông. Đa số cổ phần (51%) sẽ được bán cho một nhóm mới gồm những người thuộc thế hệ lớn lên sau 1975.

Người Việt là tổ hợp truyền thông lớn nhất của người Việt hải ngoại. Ngoài nhật báo *Người Việt*, tờ báo lâu đời nhất, với số phát hành lớn nhất, với một ban biên tập chuyên nghiệp nhất trong cộng đồng người Việt hải ngoại, tổ hợp Người Việt còn có một đài phát thanh và một chương trình truyền hình. Thêm vào đó, tổ hợp còn có *Thế Kỷ 21*, nguyệt san có phẩm chất nhất tại Hoa Kỳ về mặt văn học nghệ thuật, và nguyệt san *Tin Tức* phát hành tại Paris (sẽ đình bản vào tháng 12-2007).

Tổ hợp Người Việt, do cố ký giả Đỗ Ngọc Yến thành lập và liên tục được lèo lái bởi những khuôn mặt có uy tín như Nguyễn Đức Quang, Lê Đình Diểu, Đỗ Quý Toàn. Đài phát thanh VNCR của tổ hợp báo chí Người Việt cũng là một đài phát thanh được ưa chuộng tại Hoa Kỳ, đài này còn có trang báo điện tử phát thanh (www.vncr.com) được hàng triệu người truy cập hàng tháng. Sự chuyển giao thế hệ đã bắt đầu từ nhiều năm qua. Nhiều gương mặt trẻ đã giữ vai trò quan trọng trong tổ hợp như Vũ Anh, chủ bút nhật báo Người Việt ; Vũ Quý Hạo Nhiên, tổng thư ký, Hoàng Trọng Thụy, phụ trách đài VNCR.

Ngoài Người Việt, còn nhiều nhóm báo chí quan trọng khác tại California, nơi tập trung đa số người Việt tại Mỹ.

Little Saigon Radio là đài phát thanh mạnh nhất trong cộng đồng người Việt tại Mỹ, và ký giả Đinh Quang Anh Thái rất ăn khách và tờ *Viet Tide*, với sự hợp tác của nhiều cây bút có uy tín.

Việt Báo, tuy không mạnh bằng nhật báo Người Việt cũng là một tờ báo rất có uy tín.

Một tổ hợp truyền thông khác cũng vừa xuất hiện tại Nam Cali, tổ hợp QMS, do Nguyễn Đức Quang, cựu tổng giám đốc công ty Người Việt, và Phạm Phú Minh, cựu chủ bút nguyệt san *Thế Kỷ 21*, chủ trương. Tổ hợp này có hai tờ báo, một đài phát thanh và một đài truyền hình.

Tình trạng xô bồ của báo chí Nam Cali hầu như đã chấm dứt. Các tờ báo còn lại, trong đó phải kể tờ báo lâu đời của ký giả Đỗ Tiến Đức, nhật báo *Thời Luận*, đều là những tờ báo đứng đắn.

Viet Weekly

Tôi cứ tưởng hấn đã đoạn tuyệt với tôi vì bất đồng chính kiến. Không ngờ hôm nay hấn lại dẫn vợ đến tiệm phở của tôi. Vợ chồng tôi đã lo là từ đây sẽ mất một khách hàng trung thành, không những thế hấn còn có thể phản ứng như mọi người Việt Nam khác là rũ bỏ bạn tầy chạy tiệm phở của chúng tôi, đã giận thì đánh cho chết luôn. Vợ tôi còn sợ hấn sẽ tầy chạy buổi ra mắt tập thơ "Kiếp sống tha hương" mà chúng tôi sáng tác và sắp xuất bản. Thật là một tin mừng. Ở một tuổi nào đó phải giữ bạn cho kỹ vì khó còn cơ hội để tìm bạn mới. Mất một thằng bạn còn đau hơn mất của.

Nguyên nhân khiến hấn giận tôi là vì tôi đã không chịu đi biểu tình chống báo Viet Weekly với hấn. Lý do của tôi chỉ giản dị là tôi chẳng hiểu gì về vụ này và không thấy tại sao lại biểu tình chống một tờ báo? Mình ở xứ tự do ngôn luận mà. Ngăn cản tự do báo chí thì còn gì là dân chủ, thì có khác gì cộng sản? Hấn tức giận ra mặt, mắng tôi là đồ vô ý thức, vô trách nhiệm, ngu dốt, cái đầu không hơn nổi phở rồi vùng vằng bỏ đi. Vợ tôi nhìn tôi sao không chịu đi biểu tình với hấn? Cô ấy nói: "Bạn bè với nhau lâu năm, phải biết nể nhau chứ, anh ấy rủ đi thì cứ đi cho anh ấy vui, cãi cộ làm gì?".

Hôm nay nhân dịp chúng tôi thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, tôi nhờ hấn giảng giải cho về vụ biểu tình chống Viet Weekly.

Hấn nói:

- Bọn Viet Weekly là một bọn mất dạy, lưu manh, vô văn hóa. Chúng nó có sáng tác cái quái gì đâu, chỉ đi chôm bài trên các website khác rồi in ra bán kiếm tiền.

- Như vậy mục đích của những cuộc biểu tình chống Viet Weekly là bảo vệ bản quyền tác giả và đòi hỏi báo chí phải sáng tạo?

Hấn lắc đầu:

- Cũng không hấn là thế. Đa số các tờ báo ở đây đều đi chôm bài của báo khác. Chôm bài là một động tác văn hóa bình thường hoàn toàn không gây phần nộ cho ai, trái lại phần lớn các tác giả đều mong bài của mình được chôm tối đa. Nhiều vị khi vừa viết xong một bài liền lập tức gửi đi cho mọi tờ báo rồi hồi hộp chờ đợi xem bài của mình được bao nhiêu tờ báo đăng. Về mặt sáng tạo thì cũng chẳng có gì đáng nói. Cũng chẳng có gì mới. Mà thử xem trong hơn ba mươi năm qua, trong số hàng triệu số báo đã được in ra tại hải ngoại đã có được bao nhiêu bài đáng được coi là có sáng tạo? Toàn là những ý kiến cổ lỗ sĩ, hay những bài vợ vắn, xuyên tạc, chụp mũ, bôi bẩn. Viet Weekly không phải là tờ báo hạ cấp nhằm nhí duy nhất. Thiếu gì những tờ báo tầm bậy như vậy, có sao đâu. Lý do thực sự là bọn Viet Weekly làm tay sai cho cộng sản, chúng nó muốn là cái

MỤC LỤC

01. Việt Nam vào Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc
Thông Luận
02. Đường dài "khả nghi" sức ngựa
Nguyễn Huy Đức
04. 21: thế kỷ của Trung Quốc?
Trần Kha
06. Triều Tiên: kinh tế cấp bách hơn hạt nhân
Nguyễn Minh
08. Mao với Việt Nam
Bài Tin
11. Phải xét lại những gì và như thế nào?
Nguyễn Gia Kiểng
16. Cơ hội nào cho Nguyễn Gia Kiểng?
Nguyễn Ngọc Tấn
17. Một cái nhìn về ngành an ninh tại Việt Nam
Nguyễn Văn Huy
21. Một bộ sử mới cho Việt Nam
Lê Mạnh Hùng
25. Cục lực phản đối nhà cầm quyền Việt Nam hành hung...
Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam
27. Biển trời Nha Trang
Lê Văn Hào
30. Thế giới và Việt Nam
32. Viet Weekly
Đáy

loa cho bọn cộng sản ở đây. Nó còn ca tụng cả thằng Bin Laden.

- Mà muốn nói là người quốc gia thì có quyền hạ cấp, nhằm nhí, còn đã là cộng sản thì phải đàng hoàng và sáng tạo?

Hấn gất lên:

- Mà tối dạ quá, chẳng hiểu gì cả. Nó xác xược khiêu khích, lợi dụng tự do ngôn luận. Thực ra chúng nó cũng chẳng cộng sản cái quái gì, cha mẹ chúng nó cũng lếch thếch đất chúng nó vượt biên chạy trốn cộng sản; chúng nó chỉ vuốt đuôi cộng sản để xin ăn và gây ồn ào để bán báo. Chúng nó ngoáy dao vào vết thương vì ở đây ai cũng là nạn nhân cộng sản cả. Đành rằng chúng nó có quyền đăng những gì nó muốn, nhưng có quyền làm là một chuyện, có nên làm hay không là chuyện khác. Chúng tao không xâm phạm tự do ngôn luận, chúng tao chỉ biểu tình để bày tỏ sự phẫn nộ trước một bọn đểu cáng. Chúng tao hành động một cách hợp pháp. Chúng nó có quyền ra báo nhằm, chúng tao có quyền biểu tình phản đối.

Đến đây thì tôi hoàn toàn được thuyết phục. Tôi nắm lấy cơ hội để làm hòa với hấn. Tôi nói với hấn là sẽ tham gia biểu tình chống Viet Weekly ngay hôm nay. Nhưng trước sự ngạc nhiên của tôi, hấn xua tay:

- Thôi dẹp đi, tao cũng không biểu tình nữa. Không phải việc gì có quyền làm là cứ làm. Có quyền làm là một chuyện, có nên làm hay không là chuyện khác. Mà cho vợ chồng tao hai tô tái nạm gầu gân sách đặc biệt!

Đáy